

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VIỆT- ĐỨC**



BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NĂM 2019

NGHỆ AN - 12/2019

MỤC LỤC

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG	1
1. Thông tin chung về trường	1
2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	1
2.1. Lịch sử phát triển.....	1
2.2. Chức năng, nhiệm vụ.....	2
3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.....	3
3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Nhà trường	5
4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	7
5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính.....	9
PHẦN II: KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH CỦA TRƯỜNG.....	11
1. ĐẶT VẤN ĐỀ.....	11
1.1. Sự cần thiết của hoạt động tự kiểm định chất lượng dạy nghề	11
1.2. Vai trò của hoạt động tự kiểm định chất lượng dạy nghề	11
2. TỔNG QUAN CHUNG	13
2.1. Căn cứ tự đánh giá.....	13
2.2. Mục đích tự đánh giá.....	13
2.3. Yêu cầu tự đánh giá.....	14
2.4. Phương pháp tự đánh giá.....	14
2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá	14
3. Tự đánh giá.....	15
3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá	15
3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí tiêu chuẩn	27
3.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	27
3.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	38
3.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động.....	51
3.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình.....	61
3.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.....	68
3.2.6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế... 87	
3.2.7. Tiêu chí 7: Quản lý tài chính	92
3.2.8. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học.....	98
3.2.9. Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng	104
PHẦN III: TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	109
PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....	Error! Bookmark not defined.

TỪ VIẾT TẮT

<i>Ký hiệu viết tắt</i>	<i>Viết tắt cho</i>
UBND	Ủy ban nhân dân
GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
CD	Cao đẳng
HS,SV	Học sinh, sinh viên
CB GV CNV	Cán bộ giáo viên công nhân viên
CSVC	Cơ sở vật chất
CĐV-Đ, NA	Cao đẳng Việt-Đức, Nghệ An
MH/MĐ	Môn học/Mô-đun
CNVC	Công nhân viên chức
CBVC	Cán bộ viên chức
CNVCLĐ	Công nhân viên chức lao động
KHKT	Khoa học kỹ thuật
KTXD	Kỹ thuật xây dựng
PPDH	Phương pháp dạy học
KH-ĐT	Khoa học và đào tạo
ODA	Vốn vay ODA
GIZ	Tổ chức hợp tác quốc tế Đức
CTMTQG	Chương trình mục tiêu quốc gia
ĐH SPKT	Đại học sư phạm kỹ thuật
CSDN	Cơ sở dạy nghề

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG

1. Thông tin chung về trường

1.1. Tên tiếng Anh: **Nghean German - Vietnamese College**

1.2. Tên trước đây: **Trường Kỹ thuật Việt - Đức**

1.3. Cơ quan chủ quản: **UBND tỉnh Nghệ An**

1.4. Địa chỉ trường:

Trụ sở chính: Số 315, đường Lê Duẩn, TP. Vinh, Nghệ An

Cơ sở 2: Xóm 18, Nghi Phú, TP. Vinh, Nghệ An

1.5. Điện thoại: 0383.832738; 0383.844579.

1.6. Số fax: 038.830553

1.7. E-mail: cdvdna@gmail.com

1.8. Website: www.cdvdna.edu.vn

1.9. Năm thành lập trường đầu tiên: 1972

1.10. Năm thành lập trường cao đẳng: 2007

1.11. Loại hình trường đào tạo: Công lập Tư thục

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

2.1. Lịch sử phát triển

Năm 1972, Trường xây dựng Việt - Đức được thành lập.

Năm 1997, Trường Kỹ thuật Việt - Đức, Nghệ An được thành lập trên cơ sở sáp nhập 03 trường: Trường xây dựng Việt - Đức, Trường Dạy nghề Cơ điện Nghệ An và Trường Công nhân kỹ thuật giao thông.

Năm 2007, Trường Kỹ thuật Việt - Đức, Nghệ An được nâng cấp thành Trường cao đẳng nghề Kỹ thuật Việt - Đức, Nghệ An theo Quyết định số 195/QĐ-BLĐTB&XH ngày 31/01/2007 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Tháng 05 năm 2017, Trường được đổi tên thành Trường Cao đẳng Việt - Đức, Nghệ An theo Quyết định số 694/QĐ-LĐTBXH ngày 18 tháng 05 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.2. Những thành tích nổi bật

2.2.1. Các thành tích được khen thưởng:

- Năm 1987, Trường được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng ba

- Năm 1993, Trường được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng nhì

- Năm 2007, Trường được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng nhất

- Đảng bộ nhà trường 10 năm liên tục đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch và vững mạnh.

- Công đoàn, Đoàn thanh niên nhà trường được công nhận là đơn vị xuất sắc và

được tặng bằng khen.

- Năm học 2015-2016, Trường được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Cờ thi đua.

2.2.2. Các kết quả đạt được:

***Trong năm học 2016 - 2017:**

- Số lượng HSSV hệ cao đẳng nghề và trung cấp nghề đang đào tạo tại Trường: 1.945 HS, SV.

- Trường đã tổ chức thi tốt nghiệp cho 466 HSSV cao đẳng khóa 8 và trung cấp khóa 9, kết quả đậu 100%. Đào tạo ngắn hạn và lái xe ô tô: 660 HV.

- Phòng Công tác HS,SV phối hợp chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm, Đoàn Thanh niên thực hiện quản lý HS,SV, đánh giá giờ học theo thang điểm và căn cứ theo đó xếp thứ tự các lớp hàng tháng, học kỳ, tổ chức cho 100% HS,SV ký cam kết không vi phạm pháp luật, nội quy, quy chế trường; không tổ chức, tham gia sử dụng, vận chuyển, buôn bán ma túy, không vi phạm các tệ nạn xã hội; tăng cường phối hợp với cơ quan công an và chính quyền địa phương trong việc quản lý, giáo dục và ngăn chặn việc vi phạm pháp luật, tham gia các tệ nạn xã hội. Tổ chức hơn 100 lượt làm việc với phụ huynh HS,SV về công tác giáo dục quản lý HS,SV; phối hợp với các công ty, doanh nghiệp tổ chức được 02 buổi tư vấn, giới thiệu việc làm cho gần 450 HSSV tốt nghiệp cao đẳng khóa 8 và trung cấp khóa 9.

*** Năm học 2017 - 2018:**

- Số lượng HSSV hệ cao đẳng nghề và trung cấp nghề đang đào tạo tại Trường: Cao đẳng: 500 HSSV, Trung cấp : 1.118 HSSV.

- Năm học 2017 - 2018, Nhà trường đã tổ chức thi tốt nghiệp cho 530 HS,SV cao đẳng khóa 9 và trung cấp khóa 10, kết quả đậu 100%.

- Về công tác quản lý, giáo dục HS,SV, Nhà trường thường xuyên nắm bắt diễn biến tư tưởng trong HS,SV để có biện pháp giáo dục chính trị, tư tưởng. Phòng Công tác HS,SV phối hợp chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm, Đoàn Thanh niên thực hiện quản lý, các học sinh sinh viên, đánh giá giờ học theo thang điểm và căn cứ theo đó xếp thứ tự các lớp hàng tháng, học kỳ. Tăng cường phối hợp với cơ quan công an, chính quyền địa phương trong việc quản lý, kịp thời xử lý, giáo dục và ngăn chặn việc vi phạm pháp luật, tham gia các tệ nạn xã hội. Thường xuyên có kế hoạch kiểm tra nắm bắt tình hình HS,SV tại nơi đăng ký tạm trú nên đa số các em đều thực hiện tốt nội quy quy chế ở nơi cư trú.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học được quan tâm, đẩy mạnh: Trường có 21 đề tài khoa học, sáng kiến kinh nghiệm được công nhận đạt đề tài khoa học, sáng kiến kinh nghiệm cấp trường năm học 2017 - 2018.

- Nhà trường thực hiện quy trình bổ nhiệm 02 đồng chí trưởng phòng, khoa (Phòng Đào tạo và Khoa Công nghệ ô tô) đảm bảo các tiêu chuẩn, quy trình theo quy định.

- Trường xây dựng hoàn thành khu nhà hành chính 2 tầng với diện tích sàn 259

m2 đã đưa vào sử dụng.

- Năm học 2017 – 2018: Nhà trường có 13 đơn vị đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, 17 cá nhân đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở và 99 cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến.

Với kết quả đạt được trong công tác đào tạo nghề, 3 tập thể của trường được công nhận tập thể lao động xuất sắc, 1 tập thể, 4 cá nhân được nhận bằng khen của UBND Tỉnh.

****Trong năm học 2018 – 2019:***

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

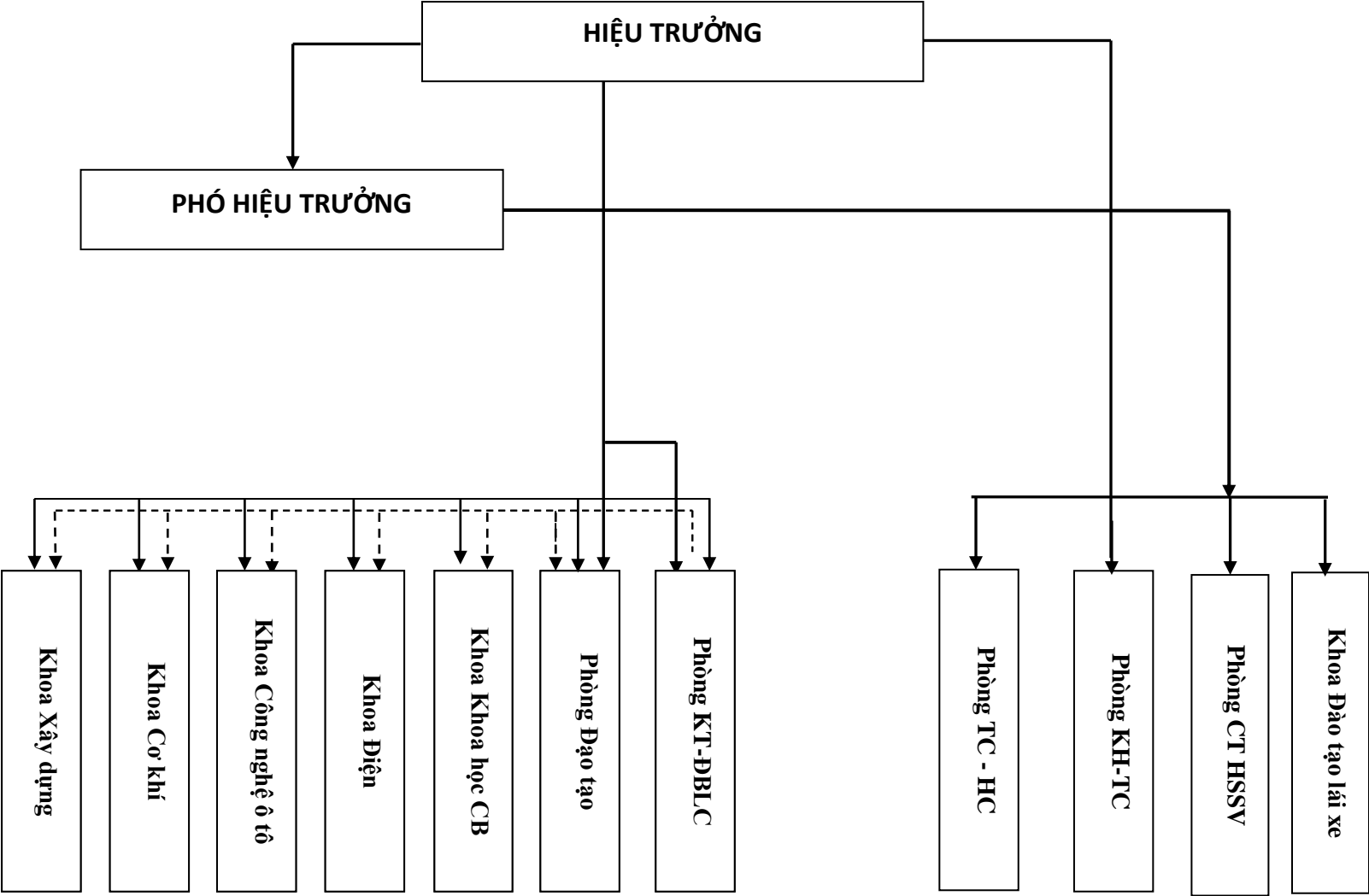
- Ban giám hiệu: Hiệu trưởng, 2 hiệu phó

- 05 phòng chức năng: P. Đào tạo, P. Khảo thí - Đảm bảo chất lượng, P. Tổ chức - Hành chính, P. Kế hoạch - Tài chính, P. Công tác Công tác học sinh, sinh viên.

- 06 khoa: Khoa học cơ bản, Cơ khí, Điện, Công nghệ ô tô, Xây dựng, Đào tạo lái xe.

3.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY TRƯỜNG CĐ NGHỀ KT VIỆT ĐỨC NGHỆ AN



3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Nhà trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1. Lãnh đạo đơn vị	Bùi Văn Dũng	1969	PGS.TS. Triết học; PGS.TS Kinh tế	Hiệu trưởng
	Nguyễn Hữu Hằng	1968	Th.S KHGD, KS. Cơ khí nông nghiệp	Phó hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn				
Đảng bộ	Bùi Văn Dũng	1969	PGS.TS. Triết học; PGS.TS Kinh tế	Bí thư
Chi bộ ĐT1	Nguyễn Hữu Hằng	1968	Thạc sỹ KHGD, Kỹ sư Cơ khí nông nghiệp	Bí thư
Chi bộ ĐT2	Nguyễn Cao Sơn	1980	Thạc sỹ Kỹ thuật. Kỹ sư cơ khí động lực.	Bí thư
Chi bộ ĐT3	Nguyễn Chiến Thắng	1979	Thạc sỹ Kỹ thuật. Kỹ sư cơ khí	Bí thư
Chi bộ ĐT4	Nguyễn Văn Hạnh	1980	Thạc sỹ Chính trị học, Cử nhân SP GD Chính trị	Bí thư
Chi bộ Cơ quan	Nguyễn Liâu	1982	Thạc sỹ Quản lý công Cử nhân Hành chính học	Bí thư
Chi bộ Công tác Học sinh, sinh viên.	Phan Thị Mai Thành	1971	Thạc sỹ khoa học giáo dục. Cử nhân SP GD Chính trị	Bí thư
Công đoàn trường	Nguyễn Văn Nhân	1980	Thạc sỹ tự động hóa. Cử nhân sư phạm kỹ thuật điện.	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Lâm Văn Nội	1990	Kỹ sư chế tạo máy	P. Bí thư
3. Trưởng các phòng				
Phòng Tổ chức - Hành chính	Nguyễn Liâu	1982	Thạc sỹ Quản lý công Cử nhân Hành chính học	Trưởng phòng
Phòng Đào tạo	Dương Đình Phú	1980	Thạc sỹ kỹ thuật máy Kỹ sư cơ khí động lực.	Trưởng phòng

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Phan Thị Mai Thành	1971	Thạc sỹ khoa học giáo dục. Cử nhân SP GD Chính trị	Trưởng phòng
Phòng Kế hoạch – Tài chính	Bùi Thị Minh Hà	1973	Cử nhân kinh tế	Trưởng phòng
Phòng Công tác học sinh, sinh viên.	Nguyễn Việt Hà	1978	Thạc sỹ Toán học	Trưởng phòng
4. Trưởng các khoa				
Khoa Cơ khí	Nguyễn Chiến Thắng	1979	Thạc sỹ Cơ khí	Trưởng khoa
Khoa Công nghệ Ô tô	Nguyễn Cao Sơn	1980	Thạc sỹ Kỹ thuật. Kỹ sư cơ khí động lực.	Trưởng khoa
Khoa Đào tạo lái xe	Nguyễn Xuân Hoa	1970	Cử nhân luật	Trưởng khoa
Khoa Khoa học cơ bản	Nguyễn Văn Hạnh	1980	Thạc sỹ Chính trị học, Cử nhân SP GD Chính trị	Trưởng khoa
Khoa Xây dựng	Hà Huy Đại	1964	Thạc sỹ QL giáo dục Kỹ sư Xây dựng	Trưởng khoa
Khoa Điện	Cao Anh Tuấn	1975	Thạc sỹ sư phạm kỹ thuật, Kỹ sư Điện	Trưởng khoa

3. 3. Tổng số cán bộ, giáo viên của nhà trường: 108 người

- Nam: 63

- Nữ: 45

3. 4. Đội ngũ giáo viên

- Nam: 57

- Nữ: 23

- Cơ hữu: 71

- Thỉnh giảng: 09

Giáo viên cơ hữu			
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Phó Giáo sư Tiến sĩ	1	0	1
Thạc sỹ	25	13	38
Đại học	19	09	28
Cao đẳng	0	0	0
Trung cấp	0	0	0
Công nhân bậc 5/7 trở lên	0	0	0
Trình độ khác	6	0	6

Giáo viên cơ hữu			
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tổng số	51	22	73

4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

4.1. Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đã được cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 118/2019/GCNDKHH-TCGDNN ngày 06/11/2019 của Tổng cục dạy nghề:

Số TT	Tên nghề đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Hàn	6520123	125	Cao đẳng
		5520123	50	Trung cấp
			30	Sơ cấp
2	Điện công nghiệp	6520227	125	Cao đẳng
		5520227	100	Trung cấp
			50	Sơ cấp
3	Công nghệ ô tô	6510216	125	Cao đẳng
		5510216	75	Trung cấp
			50	Sơ cấp
4	Kỹ thuật xây dựng	6580201	50	Cao đẳng
		5580201	30	Trung cấp
			50	Sơ cấp
5	Kế toán doanh nghiệp	6340302	80	Cao đẳng
6	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	50	Cao đẳng
		5520205	80	Trung cấp
7	Vận hành máy thi công nền	5520183	45	Trung cấp
8	Tin học văn phòng	5480203	50	Trung cấp
9	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	5480102	45	Trung cấp
10	Cấp, thoát nước	5520312	20	Trung cấp
			20	Sơ cấp
11	Lái xe ô tô các hạng B1, B2, C		600	Sơ cấp

- Giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề đủ điều kiện đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa số 57/2011/GCN ngày 18/4/2011 của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, được:

- + Đào tạo, bổ túc cấp bằng thuyền trưởng, máy trưởng đến hạng nhì;
- + Bồi dưỡng cấp chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản, chứng chỉ nghiệp vụ.

- Giấy phép đào tạo và sát hạch lái xe số 2637/SGTVT.VP ngày 27/12/2011 của Sở Giao thông vận tải Nghệ An về việc được phép đào tạo và sát hạch để cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1, lưu lượng 120 học viên.

- Giấy phép đào tạo lái xe ô tô số 2927/SGTVT-VP ngày 27 tháng 09 năm 2016 của Sở Giao thông vận tải Nghệ An .

4.2. Số lượng học sinh, sinh viên (số liệu 3 năm trước khi kiểm định)

Trình độ đào tạo	Năm		
	2017	2018	2019
1. Cao đẳng nghề :			
- Điện	58	80	80
- Hàn	40	24	24
- Công nghệ ô tô	57	101	101
- Xây dựng	12	18	18
2. Trung cấp nghề:			
- Điện	103	165	165
- Hàn	86	150	150
- Công nghệ ô tô	56	90	90
- Điện lạnh	145	106	106
- Cấp thoát nước	89	60	60
- Xây dựng	2	8	8
- Vận hành máy thi công nền	15	20	20
- Kế toán	27		
- Tin học văn phòng	50	30	30
3. Sơ cấp nghề:			
- Điều khiển thủy nội địa	58	60	60
- Lái xe mô tô			
- Các nghề trên và Lái xe các hạng	630	800	800

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Diện tích đất: Tổng diện tích đất 36.483,6 m², trong đó:

+ Diện tích xây dựng: 22.248 m²

+ Diện tích cây xanh, lưu không, giao thông nội bộ: 14.235,6 m²

5.2. Diện tích hạng mục và công trình

TT	Hạng mục, công trình	Số tầng	Diện tích xây dựng (m ²)	Tổng DT sàn xây dựng (m ²)
1	Nhà hiệu bộ	3	739	2.217
2	Ký túc xá	5	768	3.840
3	Nhà xưởng 4 tầng (điện + CN ô tô-)	4	800	3.200
4	Giảng đường (2 nhà 4 tầng)	4	1493	5.972
5	Hội trường		650	
6	Nhà học TH cơ khí + Kho VT	1	1834	1.834
7	Xưởng sửa chữa khoa CN ô tô	1	648	648
8	Nhà xưởng nghề XD	4	543	2.172
9	Sân tập lái nghi phú	1	11.585	11.585

TT	Hạng mục, công trình	Số tầng	Diện tích	Tổng DT
10	Công trình khác (<i>mương máng, sân bãi, khuôn viên...</i>)		15.920	15.920
11	Ga ra	1	944.7	944.7
12	Nhà giáo dục thể chất	1	300	300
13	Nhà thường trực khu hành chính	2	259	518

5.3. Tổng số đầu sách trong thư viện của trường 1185

Tổng đầu sách thuộc nghề đào tạo của trường: 720

5.4. Tổng số máy tính của trường: 300

- Dùng cho văn phòng: 43
- Dùng cho học sinh học tập: 257

5.5. Tổng kinh phí đào tạo trong 3 năm trở lại đây:

- Năm 2015: 26.068.000.000đ
- Năm 2016: 24.424.000.000đ
- Năm 2017: 30.166.000.000đ

5.6. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 3 năm trở lại đây:

- Năm 2015: 4.002.665.000đ
- Năm 2016: 6.172.000.000đ
- Năm 2017: 8.899.000.000đ

PHẦN II: KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH CỦA TRƯỜNG

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Sự cần thiết của hoạt động tự kiểm định chất lượng dạy nghề

Chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đang là vấn đề thu hút sự quan tâm của các nhà quản lý, các doanh nghiệp, phụ huynh, người học và toàn thể xã hội. Ngày nay xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế sâu rộng đã và đang tác động mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, mang đến nhiều cơ hội và cũng không ít những khó khăn thách thức không chỉ đối với từng Quốc gia mà ngay cả đối với từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, làm cho sự cạnh tranh trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp ngày càng gay gắt. Để đứng vững trong thị trường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải tự khẳng định bằng chất lượng đào tạo được thị trường công nhận. Muốn làm được điều này cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải thường xuyên theo dõi, đánh giá các hoạt động, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo trên cơ sở hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn về tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp từ đó nhận thấy những thế mạnh để phát huy, những yếu kém còn tồn tại để tìm biện pháp, xây dựng kế hoạch khắc phục. Đây là cơ sở để đăng ký kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài nhằm khẳng định chất lượng, thương hiệu, uy tín của cơ sở dạy nghề được xã hội biết đến và thừa nhận. Lợi thế cạnh tranh sẽ thuộc về cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chất lượng cao.

Được sự chỉ đạo của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và Sở LĐT&XH tỉnh Nghệ An, Trường Cao đẳng Việt - Đức, Nghệ An tiến hành thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp hàng năm. Qua đó tìm ra những mặt mạnh đã đạt được, những hạn chế còn tồn tại căn cứ vào nhiệm vụ được giao để xây dựng kế hoạch và các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đáp ứng mục tiêu giáo dục đào tạo mà trường đã được giao.

1.2. Vai trò của hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp là một hệ thống đánh giá, công nhận các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các chương trình đào tạo nghề đáp ứng các tiêu chí tiêu chuẩn về chất lượng tạo cho công chúng sự tin cậy. Chất lượng giáo dục nghề nghiệp thu hút sự quan tâm của các nhà quản lý, các doanh nghiệp, của phụ huynh, cũng như người học và toàn xã hội. Đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp là một hoạt động không thể thiếu được trong hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, điều này càng trở nên quan trọng khi Việt Nam tham gia hội nhập kinh tế quốc tế.

Hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp là hoạt động thường niên có vai trò và ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của Trường Cao đẳng Việt - Đức, Nghệ An nói chung và của các đơn vị trong trường nói riêng. Thông qua hoạt động tự đánh giá chất lượng sẽ giúp đơn vị có điều kiện đánh giá lại hoạt động một cách toàn diện, đầy đủ. Từ đó đơn vị hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực

trong từng giai đoạn, góp phần xây dựng Nhà trường thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chất lượng cao.

2. TỔNG QUAN CHUNG

2.1. Căn cứ tự đánh giá

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 08/06/2017 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 15/12/2017 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Quy định hệ thống đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng;

Cùng với các văn bản nói trên, trong quá trình tự đánh giá chất lượng tiêu chuẩn giáo dục nghề nghiệp, tùy từng tiêu chí, tiêu chuẩn mà Nhà trường áp dụng những văn bản tương ứng về từng lĩnh vực quản lý nhà nước như về giáo dục, đào tạo, về hoạt động dạy và học, về tài chính- ngân sách, về thông tin - thư viện - tư liệu, các văn bản của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

2.2. Mục đích tự đánh giá

Trường Cao đẳng Việt-Đức, Nghệ An xác định mục đích của việc tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp hàng năm là dịp để Nhà trường tự đánh giá một cách toàn diện các hoạt động theo một bộ tiêu chuẩn thống nhất. Từ kết quả tự đánh giá chất lượng, lãnh đạo các cấp, cán bộ giáo viên trong nhà trường sẽ nhận thức đầy đủ hơn và khách quan hơn về mức độ chất lượng các hoạt động đạt được, cũng như các tồn tại để xây dựng kế hoạch và giải pháp khắc phục sớm nhất nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý chất lượng. Sau đó là để đăng ký mời Đoàn kiểm định ngoài về đánh giá. Qua quá trình tự đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy nghề của nhà trường thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng, nhà trường biết được điểm mạnh cần phát huy, khắc phục các điểm tồn tại nhằm cải tiến nâng cao chất lượng dạy nghề của trường

Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, sinh viên trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự kiểm định các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp của nhà trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường trung cấp nghề/cao đẳng nghề, qua đó huy động tất cả các cơ quan, đơn vị trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự kiểm định.

Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, nội dung chương trình giảng dạy; đánh giá về cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của nhà trường và các điều kiện học tập của HS,SV, hoạt động giảng dạy của giáo viên so với bộ tiêu chí, tiêu chuẩn.

Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu nhà trường.

Mục đích của việc tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN là bước khởi đầu rất quan trọng cho việc thực hiện đánh giá ngoài chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời gian tới.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

Tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN là một quá trình liên tục, đòi hỏi nhiều công sức, thời gian, phải có sự tham gia của nhiều đơn vị và cá nhân trong toàn trường. Hoạt động tự kiểm định đòi hỏi tính khách quan, trung thực và công khai. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phải dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy, phù hợp với nội hàm từng tiêu chuẩn.

Cụ thể hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN cần đảm bảo minh bạch, khách quan, trung thực trong quá trình tự đánh giá; hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả các thành viên trong trường.

Thực hiện đúng theo qui trình, và tuân thủ theo các yêu cầu hướng dẫn, các văn bản, biểu mẫu của Cục Kiểm định chất lượng dạy nghề - Tổng cục giáo dục nghề nghiệp.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

Căn cứ hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng trường Cao đẳng do Bộ LĐTB&XH ban hành, các nhóm chuyên trách thuộc Hội đồng tự kiểm định rà soát lại các hoạt động của trường đã đáp ứng được những chỉ số, tiêu chuẩn thuộc các tiêu chí trên cơ sở các minh chứng để đánh giá mức độ đạt hay chưa đạt của từng tiêu chí và tiêu chuẩn. Khi đánh giá xong, tổ thư ký tổng hợp kết quả và làm căn cứ để xếp cấp độ.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng được quy định tại Thông tư số 42/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cụ thể như sau:

- Thực hiện công tác chuẩn bị tự đánh giá chất lượng GDNN: Thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng dạy nghề của cơ sở GDNN, xây dựng, phê duyệt kế hoạch thực hiện tự kiểm định chất lượng GDNN gồm các nội dung chính: mục tiêu; các công việc phải làm và trình tự thực hiện; phân công cụ thể cho đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện; tiến độ thời gian thực hiện; các kết quả, sản phẩm phải hoàn thành và kinh phí bảo đảm để thực hiện kế hoạch.

- Thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN của Phòng đào tạo và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ; các khoa và bộ môn trực thuộc Trường: Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị; đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định

chất lượng GDNN có liên quan; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị; viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng GDNN của đơn vị và gửi Hội đồng kiểm định của cơ sở GDNN; tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của đơn vị.

- Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN của Hội đồng tự đánh giá chất lượng GDNN: Nghiên cứu báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN của các đơn vị trong trường; tổng hợp thông tin, minh chứng theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí tự đánh giá chất lượng GDNN; kiểm tra thực tế, thu thập thêm thông tin, minh chứng theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí tự đánh giá chất lượng GDNN; đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng GDNN; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng GDNN; viết dự thảo báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề của Nhà trường, gửi các đơn vị trong trường để lấy ý kiến; hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng GDNN của Nhà trường.

- Công bố báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề trong Trường và gửi báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp về Tổng cục GDNN: Hiệu trưởng triệu tập cuộc họp công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng GDNN trong nội bộ trường; gửi báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng GDNN về Tổng cục GDNN.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC: 94 điểm		<i>Đạt / không đạt tiêu chuẩn kiểm định</i>
	Tổng điểm	100	
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý;	11	Đạt
	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào	1	<i>Đạt</i>

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	tạo phù hợp		
	Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn .4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1	Đạt
	Tiêu chí 5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	0	Không Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới	1	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	theo quy định.		
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	17	Đạt
	Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ	1	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	thông tin trong hoạt động dạy và học.		
	Tiêu chuẩn 10: Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 11: Hàng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 15: Hàng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	1	<i>Đạt</i>
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	15	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà	1	<i>Đạt</i>

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.		
	Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1	<i>Đạt</i>

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	Tiêu chuẩn 11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1	<i>Đạt</i>
4	4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	14	
	Tiêu chuẩn 1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao	1	<i>Đạt</i>

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	động.		
	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	0	<i>Không đạt</i>
	Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	1	<i>Đạt</i>

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	15	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn	1	<i>Đạt</i>

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.		
	Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối	1	<i>Đạt</i>

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	thiếu 05 bản in.		
	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	0	<i>Không đạt</i>
6	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	5	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	1	<i>Không đạt</i>
	Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường	0	<i>Không đạt</i>
7	Tiêu chí 7: Quản lý tài chính	6	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1	<i>Đạt</i>

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	Tiêu chuẩn 2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động, của trường.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	1	<i>Đạt</i>
8	Tiêu chí 8: Dịch vụ người học	8	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích	1	<i>Đạt</i>

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.		
	Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	0	<i>Không đạt</i>
9	Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng	6	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể	1	<i>Đạt</i>

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.		
	Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	1	Đạt

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí tiêu chuẩn

3.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

Đánh giá tổng quan tiêu chí 1:

Mở đầu

Từ khi được thành lập là Trường Xây dựng Việt - Đức cho đến nay trở thành Trường Cao đẳng Việt - Đức, Nghệ An, trường đã trải qua một thời gian dài hơn 45 năm hoạt động trong lĩnh vực đào tạo nghề. Với bề dày kinh nghiệm trong công tác quản lý, đào tạo giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp, trường đã xác định các mục tiêu, nhiệm vụ trong từng giai đoạn phát triển của nhà trường nhằm đáp ứng các yêu cầu đào tạo, nhu cầu của các doanh nghiệp và xã hội.

Ban giám hiệu cùng tập thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên quyết tâm thực hiện mục tiêu: Đào tạo người lao động có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo các bậc đào tạo ở các cấp trình độ: cao đẳng nghề, trung cấp nghề và sơ cấp nghề; có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe phù hợp với nghề nghiệp nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm, tham gia lao động trong và ngoài nước hoặc tiếp tục học tập nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng.

Trường Cao đẳng Việt - Đức, Nghệ An có cơ cấu tổ chức hợp lý, phù hợp với quy định của Nhà nước cũng như với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển của trường và hoạt động có hiệu quả. Nghị quyết của Đảng bộ trường thể hiện tốt vai trò lãnh đạo có phân công, tập trung chỉ đạo theo nghị quyết và chấp hành sự chỉ đạo của cấp trên.

Ban thanh tra xây dựng kế hoạch cụ thể và thực hiện đúng tiến độ, quá trình thực hiện minh bạch, rõ ràng, công khai đã tạo niềm tin cho CB, CNV, GV và HS, SV. Quy chế chi tiêu nội bộ mỗi năm có thay đổi, điều chỉnh và bổ sung phù hợp cho từng giai đoạn phát triển của trường.

Các Phòng chức năng, các Khoa chuyên môn, tổ bộ môn và các tổ chức chính trị trong trường đều có chức năng hoạt động rõ ràng. Hàng năm có xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CB, GV, chiến lược tuyển dụng GV, nhân viên trên cơ sở định hướng phát triển của trường.

* Những điểm mạnh:

Mục tiêu, nhiệm vụ của trường được xác định rõ ràng, theo từng giai đoạn phát triển, từng năm học, được công bố bằng nhiều hình thức trên các phương tiện thông tin, tài liệu giới thiệu về trường và trên website của trường.

Trường có đầy đủ các văn bản qui định cụ thể rõ ràng về chức năng nhiệm vụ của các phòng chức năng, khoa chuyên môn, tổ bộ môn. Công tác quản lý được thể chế hóa bằng các qui định và hoạt động có hiệu quả. Kế hoạch được thực hiện và đánh giá theo định kì hàng tháng, học kì, năm học.

** Những tồn tại:*

So với các yêu cầu của các tiêu chuẩn trong tiêu chí trường nhận thấy đầy đủ những điều kiện đề ra, không có điểm tồn tại cần khắc phục.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Từ năm học 2018-2019, Trường giao phòng Công tác HS,SV tiến hành khảo sát ý kiến rộng rãi của các nhà tuyển dụng và cựu sinh viên. Đồng thời, sẽ có nhiều hình thức phổ biến, triển khai, thực hiện mục tiêu giáo dục sâu rộng trong toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và học sinh, sinh viên.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Nhà trường định kì rà soát, bổ sung mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý nhằm trở thành một trường Cao đẳng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao

Đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý;	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai	1 điểm
Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp	1 điểm
Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1 điểm
Tiêu chuẩn 4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1 điểm
Tiêu chí 5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường	1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.	1 điểm
Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1 điểm
Tiêu chuẩn 9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	1 điểm
Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1 điểm
Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	1 điểm
Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	1 điểm

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.

Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật Việt-Đức được thành lập theo Quyết định số 195/QĐ - BLĐT BXH, ngày 30/01/2007 về việc thành lập trường Cao đẳng nghề kỹ thuật Việt-Đức (1.1.01- Quyết định số 195/QĐ-BLĐT BXH, ngày 31/01/2007 của Bộ trưởng BLĐT BXH về việc thành lập Trường cao đẳng nghề kỹ thuật Việt-Đức Nghệ An). Đến ngày 18/05/2017, theo Quyết định số 694/QĐ-LĐT BXH, Trường được đổi tên thành Trường Cao đẳng Việt - Đức Nghệ An (1.1.02- Quyết định số 694/QĐ-LĐT BXH, ngày 18 tháng 05 năm 2017 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội về việc về việc đổi tên Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Việt- Đức Nghệ An thành Trường Cao đẳng Việt- Đức, Nghệ An), để phù hợp với giai đoạn phát triển mới, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập Quốc tế của đất nước.

Trường đã xác định mục tiêu và sứ mạng một cách cụ thể, với mong muốn: Trường CĐ Việt - Đức, Nghệ An sẽ là cơ sở giáo dục với đa ngành nghề, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu sử dụng nhân lực cho Nghệ An

nói riêng, cũng như các vùng lân cận cả nước nói chung. Như vậy, sứ mạng của trường được xác định phù hợp, gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Mục tiêu giáo dục trên đây đã được thảo luận, thống nhất trong Đảng ủy, cán bộ chủ chốt, công chức, viên chức và đã được cụ thể hóa thành nhiệm vụ trọng tâm của Trường (*1.1.03- Đề án thành lập Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Việt-Đức, Nghệ An*).

Mục tiêu của Nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực có kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có năng lực thực hành nghề tương xứng với trình độ đào tạo, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khoẻ nhằm tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Thông tin được công khai trên website của nhà trường tại địa chỉ : www.cdvdna.edu.vn.

Mục tiêu sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thể hiện được vai trò của Trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương (*1.1.04- Công văn tuyển dụng của các công ty*).

Hàng năm, Trường xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ năm học nhằm cụ thể hóa mục tiêu giáo dục. Kế hoạch năm học được phổ biến rộng rãi trong toàn Trường bằng nhiều hình thức: hội nghị cán bộ, công chức, viên chức; đại hội Đảng và các đoàn thể. Trường đã triển khai thực hiện mục tiêu bằng nhiều biện pháp mạnh mẽ và đã đạt kết quả tốt đẹp. Các hội nghị tổng kết năm học của Trường, của các đoàn thể, các đơn vị hàng năm có đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch năm học. Như vậy, mục tiêu của Trường được xác định phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố của Trường; được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, Trường sẽ có nhiều hình thức để giới thiệu, phổ biến, tuyên truyền sứ mạng rộng rãi theo nhiều hình thức và sẽ triển khai, thực hiện mục tiêu giáo dục sâu rộng trong toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và học sinh, sinh viên.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.

Hàng năm, để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo cho phù hợp với mục tiêu, sứ mạng của Trường, Trường có tham khảo từ những số liệu khảo sát nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương (*1.2.01- Đề án đào tạo nhân lực kỹ thuật tỉnh Nghệ An giai đoạn 2012-2020 kèm theo Quyết định số 2439-QĐ-UBND, ngày 03/07/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An*)

Trên cơ sở kết quả khảo sát nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, trường xây dựng các Đề án quy hoạch, định hướng phát triển phù hợp với yêu cầu về nhân lực của địa phương, ngành đến năm 2015 và 2020 (*1.2.02- Đề Án: Chiến lược đầu tư phát triển “Tăng cường năng lực dạy nghề” giai đoạn 2007- 2015”; 1.2.03- Đề Án đầu tư*

nghề trọng điểm giai đoạn 2011- 2015 và định hướng đến năm 2020 của Trường cao đẳng nghề Kỹ thuật Việt- Đức Nghệ An).

Trong năm học 2018-2019 và những năm tiếp theo, để khảo sát nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Nghệ An và cả nước, Trường đã giao phòng Công tác HS,SV và phòng Đào tạo tiến hành khảo sát có hệ thống ý kiến của nhà tuyển dụng và cựu HS,SV nhằm tiếp tục bổ sung để phân tích, đánh giá, điều chỉnh để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo cho phù hợp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.

Trường có cơ cấu tổ chức và quản lý phù hợp với qui định của Nhà nước và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với nguồn lực và điều kiện cơ sở vật chất của Trường. Bộ máy tổ chức và quản lý của Trường vận hành thông suốt và có hiệu quả.

Trường có hệ thống văn bản rõ ràng để quản lý có hiệu quả các mặt hoạt động, ban hành chức năng, nhiệm vụ, qui chế hoạt động của các đơn vị trực thuộc. Cơ cấu, tổ chức của Trường ngày càng hoàn thiện và thường xuyên được điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn. Cụ thể:

Căn cứ theo Điều lệ được ban hành (1.3.01- Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2009 của UBND tỉnh Nghệ An, về việc phê duyệt Điều lệ trường cao đẳng nghề kỹ thuật Việt-Đức Nghệ An), nhà trường tiến hành thành lập các hội đồng nhằm thực hiện tốt mục tiêu đào tạo gồm: Hội đồng tuyển sinh hàng năm, hội đồng tuyển dụng, hội đồng thi tốt nghiệp, hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng khen thưởng - kỷ luật HS-SV, hội đồng kiểm kê thanh lý tài sản hàng năm... (1.3.02- các quyết định thành lập các Hội đồng: QĐ thành lập các hội đồng tuyển sinh, hội đồng tuyển dụng, hội đồng thi tốt nghiệp, hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng khen thưởng - kỷ luật HS,SV, hội đồng thanh lý tài sản, hội đồng thẩm định chương trình giáo trình).

Căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập các phòng, khoa, tổ bộ môn và quy định chức năng nhiệm vụ của các phòng chức năng, các khoa, tổ chuyên môn. Trong đó, có phân cấp quản lý rõ ràng của từng đơn vị, nhiệm vụ cụ thể của từng phòng chức năng, các khoa chuyên môn trong trường. (1.3.03- Quyết định thành lập các Phòng, Khoa và qui định chức năng nhiệm vụ của các phòng khoa).

Bên cạnh đó để thực hiện cơ chế quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ nhà trường xây dựng Quy chế dân chủ cơ sở, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế thi đua khen thưởng... các quy chế xây dựng đều được lấy ý kiến của toàn thể CB GV CNV thông qua hội nghị cán bộ công nhân viên chức. (Các quy chế: 1.3.04- Quy chế dân chủ cơ sở cao đẳng nghề kỹ thuật Việt-Đức, 1.3.05- Quy chế chi tiêu nội bộ, 1.3.06 - Quy chế thi đua khen thưởng).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.

Các văn bản nội bộ thực hiện, hàng năm các Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế dân chủ cơ sở đều được rà soát bổ sung sửa đổi và thông qua trong hội nghị công nhân viên chức, đảm bảo đúng quy định của Pháp luật và phù hợp với thực tế của đơn vị. (1.3.04- Quy chế dân chủ cơ sở cao đẳng nghề kỹ thuật Việt - Đức (2016,2017,2018); 1.3.05- Quy chế chi tiêu nội bộ, căn cứ tình hình nhiệm vụ từng thời kỳ Trường rà soát quyết định thành lập các Phòng, khoa, đơn vị trực thuộc trường (1.4.01- Quyết định số 243/QĐ-Tr.VĐ, ngày 13/06/2014 của Hiệu trưởng về việc thành lập Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng; 1.4.02.- Quyết định số 20/QĐ-VĐ, ngày 07/02/2012 của Hiệu trưởng về việc tách Phòng liên kết đào tạo từ phòng Tổ chức- Hành chính).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 1: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.

Cùng với qui chế tổ chức và hoạt động của Trường CĐ Việt - Đức, Nghệ An, Nhà trường có các văn bản qui định, phân định rõ ràng chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, từng thành viên Ban Giám hiệu, từng cán bộ quản lý các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường. Trường có văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ; quan hệ công tác của lãnh đạo trường, của các phòng, khoa, bộ phận rõ ràng, hợp lý (1.3.03- Quyết định thành lập các Phòng Khoa và qui định chức năng nhiệm vụ của các phòng khoa).

Văn bản đã quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể cho các phòng, khoa, đây là cơ sở để các phòng, khoa thực hiện nhiệm vụ đảm bảo sự hoạt động nhịp nhàng, phân công, phân cấp hợp lý, rõ ràng, không chồng chéo hay bỏ sót. Trường có Quy chế tổ chức và hoạt động của trường; có sơ đồ tổ chức bộ máy (1.5.01- Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Nhà trường).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.

Căn cứ điều lệ Trường, Trường đã tham mưu và được UBND tỉnh phê duyệt thành lập Hội đồng trường CDN kỹ thuật Việt-Đức tại quyết định số 2060/QĐ-UBND, ngày 24/05/2013. Hội đồng trường có 9 thành viên, thành phần có đại diện Đảng, Ban giám hiệu, Đoàn thanh niên, Công đoàn, lãnh đạo các đơn vị phòng khoa, đại diện giáo viên các đơn vị (1.6.01- QĐ số 2060/QĐ - UBND, ngày 24/05/2013 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Hội đồng trường).

Để thực hiện các mặt hoạt động Trường có quyết định thành lập các hội đồng tư vấn như: Hội đồng Thi đua khen thưởng, hội đồng tuyển dụng, các hội đồng thực hiện công tác chuyên môn như hội đồng Tuyển sinh, hội đồng Thi tốt nghiệp, hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình, hội đồng thanh lý tài sản... (1.3.02 - QĐ thành lập

các hội đồng tuyển sinh, hội đồng tuyển dụng, hội đồng thi tốt nghiệp, hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng khen thưởng- kỷ luật HS,SV, hội đồng thanh lý tài sản, hội đồng thẩm định chương trình giáo trình...).

Hiện nay, theo qui mô đào tạo và cơ cấu ngành nghề trường đã xây dựng bộ máy quản lý tương đối hoàn chỉnh và phù hợp, gồm có Ban giám hiệu; 07 phòng chức năng đó là phòng Tổ chức - Hành chính, phòng Đào tạo, phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, phòng Công tác HS,SV, phòng Kế hoạch, phòng Tài vụ, phòng Liên kết đào tạo; 06 khoa chuyên môn: Khoa Điện, Khoa Cơ khí, Khoa công nghệ ô tô, Khoa Xây dựng, khoa Khoa học cơ bản, khoa Đào tạo lái xe và 02 tổ bộ môn gồm tổ Điện nước, tổ Tin học - Ngoại ngữ (1.3.03 - *QĐ thành lập các phòng khoa và qui định chức năng nhiệm vụ của các phòng khoa; 1.5.01- Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Nhà trường*).

Đối chiếu giữa cơ cấu tổ chức của nhà trường như phân tích ở trên và cơ cấu ngành nghề đào tạo hiện nay của trường là trung cấp (9 nghề) và cao đẳng (5 nghề) phục vụ nhu cầu lao động kỹ thuật cho các khu công nghiệp trong tỉnh và khu vực. Ngoài ra để đáp ứng nhu cầu người học trường còn Liên kết với Viện ĐH Mở Hà Nội đào tạo ngành Quản trị kinh doanh, Kế toán doanh nghiệp, Luật kinh tế. Cơ cấu đó phù hợp với cơ cấu ngành nghề và quy mô ngành nghề đào tạo của trường.

Trường có các văn bản phân công, phân cấp về chức năng, nhiệm vụ cho các đơn vị trong trường (1.3.03 - *Quyết định thành lập các Phòng Khoa và qui định chức năng nhiệm vụ của các phòng khoa*).

Các phòng chức năng và khoa chuyên môn đều hoạt động có hiệu quả, thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ chuyên môn được giao. Kết quả trên được thể hiện trong các báo cáo kết quả công tác hàng năm của các phòng, khoa và của nhà trường; thể hiện trong các danh hiệu thi đua và hình thức hình thức khen thưởng được cấp trên ghi nhận (1.6.02- *Kết quả xếp loại thi đua các đơn vị trong trường các năm từ 2015 - 2018; 1.6.03- Các quyết định khen thưởng (giấy khen, bằng khen) hàng năm của cấp trên cho các tập thể, cá nhân của Nhà trường*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.

Trường đã có bộ phận chuyên trách về đảm bảo chất lượng từ năm 2014 thuộc phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng (1.4.01- *Quyết định số 243/QĐ-Tr.VĐ, ngày 13/06/2014 của Hiệu trưởng về việc thành lập Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng*). Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng có 4 cán bộ gồm 2 thạc sĩ, 2 cử nhân. Đến nay, Trường có đội ngũ cán bộ chuyên trách đủ năng lực triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng có hiệu quả như: tổ chức lấy ý kiến người học hàng năm về hoạt động giảng dạy của giảng viên, về trường... Tuy vậy, cán bộ phụ trách công tác đảm bảo chất lượng còn kiêm nhiệm, chưa được đào tạo bài bản nên tính chuyên nghiệp của chuyên viên đảm bảo chất lượng chưa cao. Hệ thống đảm bảo chất lượng đang được xây dựng chưa hoàn chỉnh, cần phải tiếp tục bổ sung, hoàn thiện và vận hành thử

nghiệm.

Kế hoạch: Từ năm học 2018 -2019, bên cạnh phát huy những việc đã làm được Trường tiếp tục cử cán bộ đi đào tạo chuyên sâu về công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng nhằm góp phần hoàn thiện tốt hơn nữa công tác đảm bảo chất lượng trong trường; hiện nay trường đang tiếp tục xây dựng bổ sung hoàn thiện Hệ thống đảm bảo chất lượng.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 1: 0 điểm

Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là công tác đào tạo được quản lý bằng hệ thống phần mềm một cách khoa học và hợp lí. Chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, các văn bản qui định về các hoạt động đào tạo được Nhà trường xây dựng và quản lý rõ ràng, đúng qui định, qui chế. Các dữ liệu về quản lí nhà trường và quản lý đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ (1.8.01- Phần mềm quản lí Eduman) và hệ thống sổ sách khoa học, đúng qui định. Cụ thể, Nhà trường có hệ thống cơ sở dữ liệu lưu trữ đầy đủ các thông tin trong các năm về: Công tác tuyển sinh, điểm chuẩn đầu vào, điểm trúng tuyển, danh sách thí sinh trúng tuyển, danh sách sinh viên nhập học, danh sách các lớp (1.8.02- Các quyết định trúng tuyển; Quyết định thành lập lớp); Chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo từng khóa, đề cương học phần, lịch trình đào tạo; Kết quả học tập của sinh viên; kết quả điểm tốt nghiệp; quyết định, danh sách sinh viên tốt nghiệp .

Nhà trường đã có 2 phòng phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo, đó là: Phòng Đào tạo và Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng (1.3.03 - QĐ thành lập các phòng khoa và qui định chức năng nhiệm vụ của các phòng khoa; 1.4.01- Quyết định số 243/QĐ-Tr.VĐ, ngày 13/06/2014 của Hiệu trưởng về việc thành lập Phòng

Khảo thí và đảm bảo chất lượng). Hai bộ phận này có đủ năng lực triển khai nhiều hoạt động có hiệu quả, hoàn thành các nhiệm vụ được giao, góp phần thiết thực vào việc nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Đảng bộ nhà trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo Quy định số 97-QĐ/TW ngày 22/3/2004 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị sự nghiệp. Tổ chức Đảng Nhà trường làm tốt công tác lãnh đạo về thực hiện nhiệm vụ chính trị, an ninh quốc phòng; về công tác tư tưởng; về công tác tổ chức, cán bộ; về lãnh đạo đoàn thể nhân dân; về xây dựng tổ chức Đảng; hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Đảng bộ hiện tại có 70 Đảng viên, trong đó 68 Đảng viên là cán bộ, giáo viên, 2 Đảng viên là HS,SV sinh hoạt tại 6 chi bộ trực thuộc. Đảng bộ, các chi bộ

đã xây dựng Quy chế làm việc của Đảng ủy, chi ủy theo chỉ đạo của Đảng ủy cấp trên và theo các văn bản quy định của Đảng. BCH Đảng ủy trường giữ vai trò lãnh đạo bằng các Nghị quyết chỉ đạo toàn trường thực hiện và hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị, được Thành ủy Vinh liên tục đánh giá là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh. (1.9.01- *Quyết định công nhận Danh hiệu Đảng bộ đạt danh hiệu: Trong sạch vững mạnh của Thành ủy Vinh các năm 2015,2016,2017*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Dưới sự lãnh đạo sâu sát, toàn diện của Đảng ủy, các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh đã tổ chức được các hoạt động phong phú, đa dạng, thu hút đông đảo đảng viên, đoàn viên, hội viên tham gia.

Tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên trường được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ quy định của các tổ chức xã hội, đoàn thể, trong khuôn khổ pháp luật Nhà nước. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đoàn thể, công đoàn. Tổ chức Đoàn thanh niên hoạt động theo đúng điều lệ Đoàn và dưới sự chỉ đạo của tỉnh đoàn Nghệ An (1.10.01- *Các báo cáo và kế hoạch của Công đoàn, 1.10.02- Các báo cáo và kế hoạch của Đoàn trường*)

Công đoàn đã phối hợp với Ban giám hiệu nhà trường thực hiện các quy định trong Quy chế dân chủ của cơ quan (1.3.04- *Quy chế dân chủ cơ sở trường cao đẳng nghệ kỹ thuật Việt-Đức*). Xây dựng quy chế thi đua khen thưởng, quy chế chi tiêu nội bộ... (1.3.05- *Quy chế chi tiêu nội bộ, 1.3.06- Quy chế thi đua khen thưởng*)

Mối quan hệ giữa tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên và Chính quyền luôn gắn bó mật thiết và hoạt động trên cơ sở các kế hoạch và nghị quyết đã thống nhất, trong Đảng ủy có phân công phụ trách để chỉ đạo kịp thời hoạt động 02 đoàn thể. Các đoàn thể tập hợp thu hút đông đảo CB GV CNV, HSSV tham gia nhiều hoạt động xã hội, hoạt động phong trào, tổ chức tốt các hoạt động thi đua tạo không khí sôi nổi vui tươi lành mạnh trong nhà trường, như tham gia các giải cầu lông, bóng chuyền, bóng đá giữa các đơn vị trong trường với nhau, các giải thi đấu giữa các trường trong khối thi đua các Trường Đại học, Cao đẳng tỉnh Nghệ An trên địa bàn thành phố Vinh; Giải bóng đá HS,SV tranh cúp truyền hình qua các năm (1.10.03- *Kế hoạch, hình ảnh tham gia các hoạt động phong trào của CB GV CNV, HSSV nhà trường*)

Tổ chức Công đoàn trường, với 109 đoàn viên sinh hoạt trong 05 công đoàn bộ phận, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ. Đây thực sự là tổ chức vì quyền lợi chính đáng của người lao động, tạo ra các phong trào thi đua sôi nổi trong tập thể trường, góp phần đáng kể trong việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động tạo động lực cho CB, GV CNV phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ, nâng cao chất lượng đào tạo. Ban chấp hành Công đoàn trường luôn có kế hoạch tổ chức các phong trào thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và cuối năm bình xét phân loại đoàn viên, bình chọn đoàn viên công đoàn xuất sắc đề nghị công đoàn cấp

trên khen thưởng (1.10.04- *Danh sách Khen thưởng công Đoàn viên xuất sắc các năm 2016, 2017, 2018*). Vận động đoàn viên GV tham gia hội giảng GV dạy giỏi, áp dụng phương pháp tích cực hoá người học, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBVC trong nhà trường (1.10.05- *Văn kiện đại hội Công đoàn*). Câu lạc bộ nữ công luôn tổ chức các hoạt động chăm lo đời sống tinh thần của chị em phụ nữ trong trường như tổ chức ngày 8/3, 20/10 với nhiều hình thức để hoạt động được đa dạng tạo không khí lành mạnh vui tươi (1.10.06- *Kế hoạch hoạt động của Ban nữ công trường*), cũng như quan tâm đến các em thiếu nhi là con em của CBVC trong trường, kết hợp với Đoàn Thanh niên tổ chức vui chơi, tặng quà ngày 1/6, vui tết trung thu (1.10.07- *Kế hoạch tổ chức 1/6; vui tết trung thu hàng năm*). Công đoàn trường luôn vận động các đoàn viên tham gia các hoạt động xã hội như ủng hộ đồng bào lũ lụt, ủng hộ GV và HS nghèo vượt khó vùng sâu ... (1.10.08- *Các danh sách ủng hộ đồng bào lũ lụt, ủng hộ GV và HS nghèo, ốm đau*), đồng thời hỗ trợ các đoàn viên công đoàn trong nhà trường trong việc ốm đau, hay gia đình có việc đột xuất, tổ chức hoạt động văn thể mỹ chào mừng các ngày lễ lớn, động viên CBVC nỗ lực hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ của đơn vị hàng năm, nhằm đem lại những hoạt động thật hiệu quả cho đơn vị. Nhiều năm tổ chức Công Đoàn nhà trường được Liên đoàn lao động thành phố Vinh tặng bằng khen: “*Có thành tích trong công tác xây dựng Công đoàn cơ sở đạt vững mạnh xuất sắc*” (1.10.09 - *Bằng khen Công đoàn trường hàng năm*)

Hiện tại Ban chấp hành Đoàn trường có 15 đoàn viên. Số lượng đoàn viên gồm hơn 1.230 đoàn viên, trong đó có 25 đoàn viên là viên chức, giáo viên. Cơ cấu với 4 liên chi đoàn các khoa. Đầu mỗi năm học, đoàn trường đều có kế hoạch định hướng hoạt động trong năm, và các hoạt động được cụ thể hóa bằng các kế hoạch từng tháng giúp cho hoạt động của Đoàn trường được linh hoạt và sát với tình hình thực tế.

Đoàn trường thường xuyên tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, TDTT chào mừng các ngày lễ lớn. Hàng năm Đoàn trường đều tổ chức cho các cán bộ đoàn và đoàn viên tiêu biểu du xuân về thăm quê Bác, dâng hoa báo công với Bác tại Quảng trường Hồ Chí Minh nhằm khích lệ đoàn viên có thành tích xuất sắc (1.10.10- *Tập ảnh cán bộ đoàn, đoàn viên ưu tú tham dự lễ báo công tại Kim liên, Quảng trường Hồ Chí Minh*), vận động đoàn viên thanh niên tham gia các hoạt động xã hội, đền ơn đáp nghĩa, hoạt động ngoại khóa như tham gia tình nguyện hè, tiếp sức mùa thi đóng góp công trình thanh niên, lắp đặt đèn quạt cho các trường tiểu học vùng sâu... cũng như vận động đoàn viên thanh niên tham gia tư vấn tuyển sinh trong nhà trường; tham gia các phong trào hiến máu tình nguyện... (1.10.11- *Danh sách đoàn viên thanh niên tham gia tình nguyện hè các năm; 1.10.12- Danh sách đoàn viên thanh niên đóng góp đền ơn đáp nghĩa và các ủng hộ khác qua các năm; 1.10.13- Danh sách đoàn viên tham gia các ngày lễ hiến máu tình nguyện*). Công tác tập hợp thanh niên, giáo dục truyền thống có những chuyển biến tốt, tích cực trong những năm qua. Tập thể và nhiều đoàn viên đã được Thành đoàn, tỉnh đoàn cũng như Trung ương đoàn khen thưởng (1.10.14- *các Giấy khen, Bằng khen của Đoàn trường qua các năm*).

Kết quả các hoạt động của các đoàn thể trong trường đã góp một phần không nhỏ giúp cho việc đảm bảo chất lượng đào tạo của trường ngày một được nâng lên, đạt hiệu quả cao.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.10, tiêu chí 1: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hàng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.

Nhà trường đã đề ra được chính sách và biện pháp kiểm tra, giám sát, đánh giá các hoạt động của trường theo quy định nhằm thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, bao gồm: Kiểm tra việc thực hiện giờ làm việc của CB, CNV hành chính, theo dõi sát sao việc thực hiện giờ dạy của các giáo viên... (1.11.01- Thông báo về việc thực hiện giờ làm việc; 1.11.02- Kế hoạch theo dõi việc thực hiện giờ lên lớp của giáo viên do phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phụ trách). Xây dựng, ban hành các qui chế, qui định, hướng dẫn để cụ thể hóa. Triển khai thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động của trường trong chương trình công tác hàng năm của Đảng ủy, Ban Thanh tra nhân dân, Công đoàn...

Hàng năm Ban thanh tra nhân dân xây dựng kế hoạch thanh tra giám sát (1.11.02- Kế hoạch hoạt động của Ban thanh tra nhân dân), tiến hành phối hợp với các đơn vị chức năng để xử lý, giải quyết các công việc liên quan, có tổng kết định kỳ, đánh giá và báo cáo BGH, Ban thanh tra nhân dân của Trường thực hiện việc kiểm tra giám sát các hoạt động của trường như chỉ tiêu thi đua của các Phòng, Khoa đăng ký từ đầu năm học, thực hiện chế độ chính sách...(1.11.03- Biên bản họp ban thanh tra nhân dân, 1.11.04- Báo cáo tổng kết hoạt động thanh tra nhân dân).

Thông qua thực hiện kế hoạch đề ra, việc kiểm tra định kỳ và thường xuyên, đột xuất các bộ phận thanh tra, giám sát báo cáo lãnh đạo trường để có hướng xử lý giải quyết kịp thời nhằm giải đáp thắc mắc của CBGV và HS,SV trong các cuộc họp hội nghị CNVC, các cuộc họp giao ban và sinh hoạt chào cờ hàng tuần, chỉ đạo các hoạt động cho phù hợp với nghị quyết đã đề ra, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của trường

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 1: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.

Đối với giáo viên, Trường thực hiện chính sách phụ cấp ưu đãi giáo viên, phụ cấp thâm niên nghề theo đúng quy định (1.12.01- Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 06/10/2005 về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập; 1.12.02- Nghị định 54/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/07/2011 về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo).

Thực hiện tốt chính sách bình đẳng giới. Cán bộ, công nhân viên nữ được thực hiện đầy đủ các chính sách như nghỉ thai sản, giảm thời gian làm việc trong thời gian

con dưới 1 tuổi. Lãnh đạo Nhà trường phối hợp với công đoàn thường xuyên tổ chức các hoạt động tham quan, học tập, mít tinh kỷ niệm, giao lưu văn hóa, thể dục thể thao cho các chị em phụ nữ trong các đợt hoạt động chào mừng ngày 08/3; 20/10 (1.12.03-Kế hoạch chào mừng 8/3 - 20/10 các năm 2016, 2017, 2018 do Công đoàn Trường tổ chức). Ngoài ra, cán bộ nữ được ưu tiên trong công tác thi đua khen thưởng, công tác bổ nhiệm, quy hoạch cán bộ quản lý.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 1: 1 điểm.

3.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quan tiêu chí 2:

Mở đầu:

Để đảm bảo chất lượng đào tạo, trong quá trình tổ chức dạy và học nhà trường đã chăm lo từ chất lượng đầu vào. Các tiêu chuẩn tuyển sinh để được tiếp nhận vào học tại trường được nhà trường cụ thể hóa trên cơ sở quy chế tuyển sinh của bộ lao động thương binh xã hội (giao hội đồng tuyển sinh có nhiệm vụ kiểm tra soát xét đảm bảo các quy định). Trong đào tạo đã đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo (Bồi dưỡng, đào tạo ngắn hạn, dài hạn tại trường hoặc tại các công ty xí nghiệp...) việc tổ chức đào tạo được thực hiện trên cơ sở kế hoạch đào tạo được tổ chức kiểm tra giám sát chặt chẽ, đảm bảo đúng tiến độ, có hiệu quả, phù hợp nhu cầu của sản xuất. Tổ chức dạy học theo mục tiêu, nội dung chương trình dạy nghề đã được duyệt, thực hiện phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa người học. Đảm bảo đánh giá kết quả học tập theo hướng coi trọng đánh giá quá trình, thực hiện nghiêm túc khách quan phù hợp phương thức đào tạo, hình thức học tập. Gắn đào tạo với nghiên cứu và ứng dụng KHKT và hợp tác quốc tế để nâng cao năng lực và chất lượng đào tạo.

*** Những điểm mạnh:**

- Công tác tuyển sinh: Hàng năm ngoài việc quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng, Nhà trường còn có nhiều hình thức tuyên truyền khác như: cử cán bộ đến tận các trường PTTH để tư vấn cho học sinh học nghề, tổ chức cho các HS,SV đang học ở nhà trường cùng tham gia công tác tư vấn tuyển sinh tại địa phương vào dịp nghỉ lễ, nghỉ hè. Giới thiệu về trường nhân dịp các đợt hội chợ việc làm, hội thi thiết bị tự làm, hội giảng...

- Trong hoạt động tổ chức đào tạo nghề, nhà trường đã thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo, dạy nghề dài hạn tập trung tại trường, ngắn hạn tại trường và các cơ sở sản xuất, đào tạo theo địa chỉ để đáp ứng yêu cầu của người học, người sử dụng lao động.

- Phòng đào tạo, các khoa nghề được tăng cường lực lượng đủ trình độ, kinh nghiệm để hoạch định các kế hoạch, tiến độ giảng dạy và tổ chức thực hiện.

- Các tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên đã có nhiều hoạt động lãnh đạo tập hợp động viên mọi thành viên tích cực thực hiện. Đặc biệt Đoàn thanh niên là tổ chức thường xuyên, gần gũi với các lớp, các chi đoàn chỉ đạo công tác học tập.

- Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, hội giảng giáo viên 1-2 lần/năm để nâng cao nghiệp vụ giảng dạy. Tham gia tất cả các hội giảng cấp tỉnh và

quốc gia, là trường đạt nhiều giải quốc gia và cấp tỉnh nhất trong hệ thống các trường dạy nghề trong tỉnh.

- Công tác thanh tra, kiểm tra việc giảng dạy và học tập. Bằng chế độ kiểm tra đột xuất, định kỳ, thường xuyên là một tiêu chuẩn để đánh giá công tác thi đua.

- Quá trình kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả rèn luyện, cấp văn bằng đúng quy định, đảm bảo khách quan với phần mềm cơ sở dữ liệu lưu trữ thông tin Eduman.

- Về cơ bản 80% học sinh tốt nghiệp có việc làm ổn định, thu nhập cao.

- Các hoạt động dạy và học đã thể hiện tính ổn định và phát triển của nhà trường trong đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho sự nghiệp CNH, HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta trong giai đoạn hiện nay.

* *Những tồn tại:*

- Với việc mở rộng liên kết đào tạo tại các huyện, công tác xây dựng tiến độ, đảm bảo chất lượng đào tạo tại các huyện đang còn gặp nhiều khó khăn.

- Do thị hiếu người học, trong đào tạo còn có nghề học sinh đăng ký vào học đông (Công nghệ ô tô, Điện, Hàn), nhưng còn có nghề học sinh vào học ít (Xây dựng, Điện nước) nhà trường sẽ tăng cường đầu tư tạo điều kiện thuận lợi cho người học nghề và có chính sách khuyến khích, nâng cao chất lượng và vị thế cũng như sự thu hút của cơ sở sản xuất để có sự thu hút hơn cho các nghề này.

- Việc tổ chức đào tạo liên thông thực hiện chậm.

- Công tác nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ giáo viên còn hạn chế, chưa thường xuyên.

Để chuyển biến về công tác đào tạo, trong thời gian tới nhà trường sẽ: tăng cường tư vấn giới thiệu việc làm và nhu cầu của các cơ sở sản xuất để học sinh biết; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và các trang thiết bị phục vụ dạy và học, mở rộng nghề đào tạo như nghề cơ điện tử, các nghề kinh tế; tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao chất lượng đào tạo; thực hiện việc đào tạo liên thông giữa các bậc đào tạo và giữa các nghề đào tạo.

Bổ sung và có các giải pháp kịp thời khuyến khích (cụ thể hóa bằng văn bản), thúc đẩy công tác nghiên cứu khoa học

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Để nâng cao chất lượng công tác đào tạo, trong thời gian tới nhà trường sẽ: tăng cường tư vấn giới thiệu việc làm và nhu cầu của các cơ sở sản xuất để HS,SV biết; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và các trang thiết bị phục vụ dạy và học, mở rộng nghề đào tạo như nghề cơ điện tử, các nghề kinh tế; tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao chất lượng đào tạo; thực hiện việc đào tạo liên thông giữa các bậc đào tạo và giữa các nghề đào tạo.

- Bổ sung và có các giải pháp kịp thời khuyến khích (cụ thể hóa bằng văn bản), thúc đẩy công tác nghiên cứu khoa học

- Nâng cao chất lượng cũng như số lượng đội ngũ giáo viên cơ hữu bằng các hình thức thi tuyển, bồi dưỡng qua các lớp nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Điểm đánh giá tiêu chí 2:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	
Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.	1 điểm
Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	1 điểm
Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan	1 điểm
Tiêu chuẩn 4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1 điểm
Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.	1 điểm
Tiêu chuẩn 6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1 điểm
Tiêu chuẩn 12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	1 điểm
Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1
Tiêu chuẩn 14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	1 điểm
Tiêu chuẩn 15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	1 điểm
Tiêu chuẩn 16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.	0 điểm
Tiêu chuẩn 17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	1 điểm

Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban

hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

Hiện tại Trường đang đào tạo 05 nghề ở trình độ cao đẳng, 08 nghề ở trình độ Trung cấp, tất cả các nghề đào tạo đều được Tổng cục GDNN (Tổng cục dạy nghề trước đây) cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (2.1.01- *Các giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp*).

Các chương trình đào tạo của Trường đều được xây dựng đúng theo các văn bản quy định về chương trình đào tạo nghề của Bộ LĐTB-XH. Trong các chương trình đào tạo đều thể hiện rõ các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí và cơ hội việc làm (2.1.02- *Khung chương trình đào tạo của các nghề theo quy định*).

Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo được công bố công khai trên trang Website của Trường. Hàng năm tại tuần học đầu khóa, chuẩn đầu ra, nội dung của các chương trình đào tạo đều được thông tin đến tất cả các tân HS,SV để một lần nữa các em yên tâm với nghề đã lựa chọn, hoặc nếu cần có thể kịp thời chuyển đổi sang nghề nghề học khác phù hợp với bản thân (2.1.03- *Các kế hoạch học tập đầu khóa*). Điểm mạnh Chương trình đào tạo của Nhà trường được xây dựng theo các qui định hiện hành được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ban hành; có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường học có uy tín trong nước và trên thế giới; có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lí, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực cho xã hội.

Tuy nhiên chương trình có sự tham gia của các nhà tuyển dụng, đại diện các tổ chức xã hội - nghề nghiệp vào phát triển chương trình đào tạo của Trường còn hạn chế. Chuẩn đầu ra của từng giai đoạn và từng thời điểm khác nhau do yêu cầu của doanh nghiệp ngày càng cao.

Từ năm học 2018 -2019, Nhà trường tiếp tục thực hiện chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo và chuyển dần sang đào tạo theo tín chỉ. Hội đồng nghiệm thu chuẩn đầu ra có sự tham gia góp ý của toàn thể CBGV trong trường và có đóng góp của các đơn vị tuyển dụng lao động, các tổ chức xã hội nghề nghiệp nhằm đáp ứng hơn nữa yêu cầu của các Doanh nghiệp sử dụng lao động và người học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2 : 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.

Trên cơ sở Thông tư Quy định quy chế tuyển sinh của Bộ lao động thương binh và Xã hội ban hành, hàng năm Nhà trường đều ban hành qui chế tuyển sinh cụ thể để qui định về các nguyên tắc, chính sách ưu tiên, thủ tục, qui trình tuyển sinh nhằm công khai minh bạch đảm bảo tuyển sinh công bằng, đúng qui định (2.2.01- *Qui chế tuyển sinh Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật Việt-Đức, Nghệ An*; 2.2.02- *Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh các năm 2016, 2017, 2018*). Sau khi có thông báo về chỉ tiêu tuyển sinh của UBND tỉnh Nghệ An, công tác tuyển sinh được thực hiện theo qui trình: Thông báo tuyển sinh rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, thu nhận hồ

sơ, đến thời điểm kết thúc thời hạn tuyển sinh Hội đồng tuyển sinh họp xét quyết định danh sách trúng tuyển và gửi giấy báo trúng tuyển triệu tập nhập học.

Xác định công tác tuyển sinh là khâu then chốt nên hàng năm tùy thuộc vào tình hình cụ thể. Nhà trường luôn có hướng dẫn riêng về quy định công tác tuyển sinh.

Công tác tuyển sinh nhận được sự quan tâm của tất cả CBGV và đặc biệt là Ban giám hiệu luôn kịp thời theo dõi, tập huấn, định hướng chính xác vào từng thời điểm, đem lại những hiệu quả rõ rệt trong những năm học gần đây.

Năm học 2018-2019 và những năm tiếp theo tiếp tục thực hiện công tác tuyển sinh đúng qui chế.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.*

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu của các Doanh nghiệp trên cơ sở các thông báo tuyển dụng, các đơn đặt hàng, ý kiến của HS thông qua các đợt tư vấn học nghề ở các trường THPT, căn cứ vào thực tế cơ sở trang thiết bị, nhà xưởng, đội ngũ giáo viên Hội đồng tuyển sinh xác định chỉ tiêu và làm báo cáo đăng ký với UBND tỉnh phê duyệt thực hiện. (2.3.01- Các báo cáo tuyển sinh và đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh các năm 2015-2016, 2016-2017, 2017-2018).

Trên cơ sở quy định tuyển sinh của bộ LĐTBXH Nhà trường ban hành Quy chế tuyển sinh của trường cụ thể hóa quy định tuyển sinh của bộ Lao động thương binh và Xã hội (2.2.01- *Qui chế tuyển sinh Trường Cao đẳng Việt-Đức, Nghệ An*). Các thông tin tuyển sinh được công bố rõ ràng trên các phương tiện thông tin đại chúng đến rộng khắp các vùng miền, thôn, bản trên địa bàn tuyển sinh, kể cả các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đảm bảo quyền lợi đối với học nghề cho mọi đối tượng.

Trong những năm qua, công tác tuyển sinh của Nhà trường được thực hiện tốt từ khâu tuyên truyền, tư vấn tuyển sinh, xét tuyển, tổ chức đón tiếp nhập học; tất cả đều được thực hiện đúng qui định; chưa có năm nào để xảy ra tiêu cực.

Trong giai đoạn hiện nay, công tác tuyển sinh học nghề nói chung gặp nhiều khó khăn. Vì vậy trong những năm tới Nhà trường xác định tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo, quan hệ chặt chẽ với các cơ sở sản xuất tiếp nhận lao động, có chế độ chính sách ưu tiên, tạo thuận lợi cho người học nhất là các nghề khó tuyển sinh, từ đó thu hút người vào học, đảm bảo công bằng, khách quan.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.*

Thực hiện Luật dạy nghề và các văn bản của Bộ Lao động thương binh và xã hội ban hành, hướng dẫn về tổ chức đào tạo nghề, trong những năm qua Trường cao đẳng Việt-Đức, Nghệ An đã thực hiện đa dạng hóa các loại hình đào tạo để đáp ứng nhu cầu của người học. Như tổ chức:

- Đào tạo tại Trường (2.4.01- *Quyết định mở lớp đào tạo tại trường*)

- Đào tạo tại các cơ sở liên kết (2.4.02- *Quyết định mở lớp đào tạo liên kết*)
- Đào tạo Lớp Giao thông thủy nội địa cho các HTX vận tải đường thủy tại các huyện (2.4.03- *Quyết định đào tạo phương tiện thủy nội địa*).

Nhà trường đã có chủ trương, có các hướng dẫn, có các chương trình đào tạo, tổ chức liên kết đào tạo được với nhiều cơ sở, trong tổ chức có thu thập thông tin tổng kết rút kinh nghiệm và điều chỉnh phương thức đào tạo, chương trình đào tạo nên có thể nói rằng Trường CĐ Việt-Đức là cơ sở có hoạt động đào tạo đa dạng được mọi người tin tưởng. Nhà trường chủ yếu đào tạo theo thể mạnh, đào tạo theo thị trường lao động. Đồng thời mở rộng các đối tượng liên kết tổ chức đào tạo như: liên kết đào tạo giữa Nhà trường và Doanh nghiệp (2.4.04- *Các Hợp đồng liên kết đào tạo với các Doanh nghiệp*), mời các cán bộ chuyên môn của các doanh nghiệp tham gia dạy thực hành, nhận giáo viên và học sinh đến thực tập, hợp tác sản xuất, nghiên cứu khoa học và chuyên giao công nghệ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

Trên cơ sở chương trình đào tạo chi tiết của các nghề, hàng năm vào cuối năm học, Phòng Đào tạo xây dựng Kế hoạch đào tạo cho năm học tiếp theo chi tiết đối với từng ngành, nghề. Kế hoạch này được BGH duyệt và thông báo cho các khoa trước khi nghỉ hè. Căn cứ kế hoạch đào tạo năm học, Phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa, Bộ môn xây dựng tiến độ đào tạo, kế hoạch giảng dạy cho từng học kỳ, từng tháng trong năm. Sau khi được Hiệu trưởng phê duyệt, Phòng Đào tạo lập thời khóa biểu cho các môn học lý thuyết, các khoa xây dựng kế hoạch đào tạo các mô-đun, thời khóa biểu được gửi đến các khoa, giáo viên và các lớp học để thực hiện và kiểm tra theo dõi chung. Mọi sự thay đổi, điều chỉnh kế hoạch đều được thông qua BGH phê duyệt triển khai thực hiện (2.5.01- *Kế hoạch đào tạo hàng năm*; 2.5.02- *Thời khóa biểu*).

Trong những năm qua Kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp được phê duyệt và thực hiện nghiêm túc, phù hợp với từng loại hình đào tạo. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo, Phòng Đào tạo là đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ giảng dạy, giám sát việc thực hiện kế hoạch và nội dung giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo của từng nghề. Việc giám sát được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất và bằng các biện pháp như: Kiểm tra giáo án, kiểm tra sổ ghi đầu bài, dự giờ giáo viên. Cuối mỗi học kỳ và cuối mỗi năm học có tổng hợp kết quả học tập và rèn luyện của HS,SV và báo cáo tổng kết năm học qua đó để đánh giá hiệu quả thực hiện kế hoạch đào tạo (2.5.03- *Các sổ kiểm tra đánh hồ sơ giảng dạy*; 2.5.04- *Các loại phiếu dự giờ*).

Hàng năm, nhà trường đều có những cuộc điều tra, phỏng vấn, thu thập các ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý đào tạo, giáo viên về tiến độ, kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo (2.5.06- *Phiếu khảo sát thu thập ý kiến của giáo viên về tiến độ đào tạo*)

Kết quả trong những năm qua Nhà trường đã thực hiện việc xây dựng, phê duyệt và triển khai kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học cho từng ngành nghề theo từng học kỳ và năm học, kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ lý thuyết, giờ thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo đúng quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.

Sau khi được phê duyệt các kế hoạch, tiến độ đào tạo được Phòng Đào tạo triển khai tới các Khoa nghề thực hiện, Phòng Khảo thí và ĐBCL theo dõi, kiểm tra. (2.6.01- Các sổ biên bản kiểm tra, theo dõi kế hoạch, tiến độ đào tạo; 2.5.02- Thời khóa biểu)

Tiến độ thực hiện trong năm học, khóa học sát với kế hoạch. Những ngày nghỉ đột xuất nằm ngoài kế hoạch đều được bố trí học bù đảm bảo tiến độ. Mọi sự thay đổi, điều chỉnh kế hoạch đều phải thông qua BGH phê duyệt (2.5.01 - Kế hoạch đào tạo hàng năm; 2.5.02 - Thời khóa biểu; 2.6.02- Sổ lên lớp của của giáo viên).

Trong những năm tiếp theo Nhà trường tiếp tục triển khai xây dựng kế hoạch, tiến độ đào tạo linh hoạt hơn để thực hiện tốt nhiệm vụ, nâng cao chất lượng đào tạo. Đặc biệt là phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên kết, các đơn vị tiếp nhận HSSV đến thực tập để cụ thể hóa rõ ràng hơn kế hoạch, tiến độ đào tạo tránh bị động.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Trường Cao đẳng Việt-Đức, Nghệ An được giao nhiệm vụ đào tạo nghề theo 3 cấp trình độ: Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề và Sơ cấp nghề. Tất cả các nghề đào tạo cả 3 cấp trình độ đều có chương trình đào tạo chi tiết. Chương trình được thiết kế một cách hệ thống trên cơ sở hướng dẫn của Tổng cục GDNN ban hành. Các chương trình đào tạo của trường đều có mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, có cấu trúc hợp lý, khoa học, nội dung phù hợp với yêu cầu thực tiễn sản xuất, luôn được định kỳ rà soát bổ sung, điều chỉnh dựa trên ý kiến phản hồi từ các cơ sở sản xuất, của chính học sinh đã tốt nghiệp và các giáo viên giảng dạy.

Trên cơ sở chương trình đào tạo chi tiết, việc tổ chức đào tạo đều tuân thủ các mục tiêu đào tạo đã được xác định (2.7.01- Hồ sơ, giáo án, đề cương bài giảng của các giáo viên giảng dạy). Trong các đợt HS,SV đi thực tập, đều có sự phối hợp của đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động (2.7.02- Kế hoạch đưa HS,SV đi thực tập, 2.7.03- Các hợp đồng tiếp nhận HS,SV thực tập; 2.7.04- Quyết định cử giáo viên đi thực tập và danh sách HS,SV tham gia thực tập và danh sách HS,SV tham gia thực tập, 2.7.05- Phiếu báo cáo kết quả thực tập)

Trong quá trình sinh viên thực tập, các doanh nghiệp thường có những góp ý thiết thực về các nội dung đào tạo mà nhà trường cần bổ sung, thực sự hữu ích cho việc đổi mới chương trình đào tạo sát hơn với yêu cầu sản xuất. Với sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà trường và doanh nghiệp, việc theo dõi tình hình việc làm của sinh viên sau khi ra trường và đánh giá chất lượng đào tạo sẽ dễ dàng và hiệu quả hơn. Các chương trình thực tập cũng mở ra nhiều cơ hội hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp trong các lĩnh vực liên quan khác như: Doanh nghiệp tạo điều kiện cho sinh viên tham quan vào công việc thực tiễn, tài trợ học bổng cho sinh viên, tuyển dụng sinh viên sau khi tốt nghiệp (2.7.06- *Chương trình tổ chức ngày hội tư vấn giới thiệu việc làm và danh sách các đơn vị tham gia tư vấn*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.7, tiêu chí 2: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.

Để phát huy tính tích cực của HSSV, trong những năm qua Chương trình đào tạo của Nhà trường đã được xây dựng, chỉnh sửa kết cấu đào tạo theo mô-đun, áp dụng chủ yếu hình thức tổ chức dạy học tích hợp nhằm phát huy tính tích cực, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức, rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm cho HSSV (2.7.01- *Hồ sơ, giáo án, đề cương bài giảng của các giáo viên giảng dạy*; 2.8.01- *Các biên bản kiểm tra, phiếu dự giờ đánh giá bài giảng của giáo viên*).

Nhằm mục đích giúp các em rèn luyện năng lực thực hành, làm quen với môi trường làm việc thực tế, rèn luyện kỹ năng phối hợp, làm việc nhóm, nhà trường đã phối hợp chặt chẽ với các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp để gửi học sinh đến thực tập theo chương trình đào tạo (2.7.02- *Các hợp đồng tiếp nhận HSSV thực tập*).

Trong thời gian tới để không ngừng áp dụng các phương thức đào tạo kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm, Nhà trường tiếp tục đưa vào qui chế chi tiêu nội bộ việc xét thưởng hàng tháng cho các giáo viên có bài giảng áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, chất lượng cao, thu hút, phát huy được tính tích cực của HS,SV.

Tăng cường mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ để nâng cao chất lượng các phương thức đào tạo đáp ứng nhu cầu của người học và người sử dụng lao động.

Mở rộng các đối tượng liên kết tổ chức đào tạo như: liên kết đào tạo, mời các cán bộ chuyên môn của các doanh nghiệp tham gia dạy thực hành, nhận giáo viên và học sinh đến thực tập, hợp tác sản xuất, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

Trong 7 năm gần đây, Trường đã có các đề tài nghiên cứu khoa học gắn với quản lý như đề tài nghiên cứu phần mềm quản lý điểm bộ môn, phần mềm tuyển sinh, các đề tài gắn với giảng dạy và cải tiến phương pháp dạy học dưới hình thức thiết bị dạy nghề do giáo viên của trường tự làm đạt giải các cấp; bộ chương trình, bài giảng các môn học và các nghề đào tạo; đề tài nghiên cứu khoa học trình độ thạc sĩ gắn với việc quản lý của nhà trường và đề tài tốt nghiệp gắn với giảng dạy và cải tiến phương pháp (2.9.01- *Danh sách các đề tài cấp trường đạt giải*; 2.9.02- *Các giải thưởng của tổng cục dạy nghề về thiết bị dạy nghề tự làm*)

Đến nay, các hoạt động dạy học, quản lý nhà trường đều có ứng dụng công nghệ thông tin, tại các phòng học, xưởng thực hành đều được trang bị máy chiếu đa năng, hoặc Tivi thông minh có kết nối Internet màn hình lớn phục vụ việc giảng dạy có ứng dụng công nghệ thông tin(2.9.03 - *Bảng kê trang thiết bị các phòng học*). Để đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ thông tin trong dạy học Nhà trường đã đưa vào Quy chế chi tiêu nội bộ việc trích thưởng cho những giáo viên có nhiều bài giảng áp dụng công nghệ thông tin có hiệu quả (1.3.05- *Quy chế chi tiêu nội bộ*).

Việc lưu trữ, theo dõi kết quả học tập của HSSV đều được thực hiện trên phần mềm Quản lý đào tạo Eduman.

Tuy vậy, vẫn còn nhiều tài liệu tham khảo, một số giáo trình chưa được số hóa để phục vụ công tác giảng dạy học tập. Thư viện điện tử của Nhà trường chưa phong phú. Trong thời gian tới Nhà trường đã có kế hoạch thực hiện các biện pháp để số hóa các tài liệu học tập, tăng cường xây dựng và phát triển, quản lý thư viện điện tử, làm tốt hơn nữa việc giảng dạy và học tập.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.9, tiêu chí 2: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 10: Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.

Đầu năm học, Phòng đào tạo lên tiến độ giảng dạy cho các khóa học (2.10.01- *tiến độ giảng dạy*). Qua đó các khoa dựa vào tiến độ giảng dạy để lên kế hoạch giảng dạy cho từng tháng (2.10.02- *Kế hoạch giảng dạy của các khoa*).

Căn cứ kế hoạch, Thời khóa biểu về hoạt động dạy học của giáo viên Phòng Khảo thí & ĐBCL lập kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện giảng dạy của giáo viên theo đúng chương trình đào tạo của từng nghề. Việc giám sát được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất và bằng các biện pháp như: Kiểm tra giáo án, kiểm tra sổ ghi đầu bài, dự giờ giáo viên. (2.10.03- *Sổ theo dõi việc thực hiện giờ lên lớp các năm học (2015-2016;2016-2017; 2017-2018)*), kiểm tra hồ sơ, giáo án và đánh giá giờ giảng của giáo viên một cách nghiêm túc theo đúng kế hoạch (2.10.04- *Sổ kiểm tra hồ sơ giảng dạy của giáo viên các năm (2015-2016; 2016-2017; 2017-2018)*).

Cuối mỗi học kỳ và cuối mỗi năm học Phòng Đào tạo, Phòng công tác HS,SV tổng hợp kết quả học tập và rèn luyện của HS,SV và báo cáo tổng kết năm học qua đó

để đánh giá hiệu quả thực hiện kế hoạch đào tạo (2.10.05- *Bảng điểm tổng kết của HSSV hàng năm*; 2.10.06- *Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện*).

Kế hoạch đào tạo được xây dựng khoa học, tiến độ thực hiện trong năm học, khóa học sát với kế hoạch,việc triển khai được giám sát qua lại chặt chẽ giữa các phòng chức năng và các khoa nghề.

Hàng năm tổ chức thu thập ý kiến đánh giá của giáo viên và cán bộ quản lý, kiểm tra, giám sát về tiến độ, kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: *Hàng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.*

Hàng năm, nhà trường luôn tổ chức các đợt kiểm tra, dự giờ bài giảng, kết quả được xếp loại và công bố, bên cạnh đó luôn quan tâm tới các đề tài khoa học, sáng kiến kinh nghiệm các cấp nghiên cứu về các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học(2.5.03- *Các sổ kiểm tra đánh giá giờ giảng*; 2.5.04- *Các loại phiếu dự giờ*; 2.11.01- *Quyết định thành lập hội đồng khoa học, Quyết định ban hành quy chế hoạt động của hội đồng khoa học, Quy chế hoạt động của hội đồng khoa học, Quy định quản lý đề tài KH cấp trường*).

Kết quả kiểm tra, dự giờ bài giảng được đánh giá khách quan, trong các báo cáo đều đưa ra đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học, là những cơ sở để điều chỉnh các hoạt động dạy và học ngày các phù hợp hơn với thực tế.

Hàng tháng Phòng Khảo thí &ĐBCL tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện giờ lên lớp và kiểm tra hồ sơ giáo án cho các phòng, khoa (2.11.02- *Báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện giờ lên lớp và kiểm tra hồ sơ giảng dạy*).

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường đã thường xuyên tổ chức đánh giá hoạt động giảng dạy của giáo viên, đánh giá kết quả học tập của người học (2.10.05- *Bảng điểm tổng kết của HS,SV hàng năm*), tổ chức các buổi hội thảo bàn về phương pháp giảng dạy nâng cao chất lượng đào tạo. Ban Giám hiệu làm việc với từng phòng khoa chuyên môn để đánh giá lại các hoạt động giảng dạy và đề ra phương hướng, kế hoạch đào tạo cho năm học mới. Từng bộ môn cũng đã chủ động tổ chức họp tổ chuyên môn nhằm đánh giá và góp ý kiến hoạt động giảng dạy của giáo viên, nhất là đối với giáo viên trẻ.

Để đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh thực hiện tốt trong các hoạt động giảng dạy, học tập và quản lý phục vụ, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của HS, SV đối với các hoạt động giảng dạy của giảng viên và điều kiện phục vụ của Nhà trường (2.11.03- *Phiếu lấy ý kiến HS,SV*). Qua kết quả khảo sát, Trường đã kịp thời chấn chỉnh các hoạt động giảng dạy của giáo viên; tích cực đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá kết quả học tập của HS,SV.

Trong thời gian tới trường sẽ tăng cường công tác kiểm tra giám sát hoạt động dạy học. Tiếp tục tổ chức việc thăm lớp dự giờ, thi giáo viên giỏi và đổi mới phương pháp

dạy học, ngày càng nâng cao chất lượng dạy học để xây dựng Trường trở thành cơ sở dạy nghề chất lượng cao.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 2: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

Trên cơ sở quy chế thi kiểm tra và công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ của Bộ lao động thương binh và Xã hội ban hành, Nhà trường đã cụ thể hóa bằng các văn bản hướng dẫn chi tiết việc thực hiện qui chế. (2.12.01- Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp trong dạy nghề hệ chính quy, 2.12.02- các văn bản hướng dẫn qui trình tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập; 2.12.03- Sổ cấp văn bằng, chứng chỉ).

Trong những năm qua nhờ việc chỉ đạo nghiêm túc, có các văn bản hướng dẫn cụ thể nên việc kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ đều tuân thủ đúng quy định, không xảy ra tiêu cực, sai sót.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 2: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Trong những năm qua nhà trường đã có sự liên kết chặt chẽ với các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp để gửi học sinh đến thực tập theo chương trình đào tạo vào thời gian học sinh đi thực tập chuyên sâu, mỗi học sinh đi thực tập đều được các cơ sở, công ty đánh giá theo từng biểu mẫu gửi về trường nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo, sát với thực tiễn.(2.7.01- Các hợp đồng tiếp nhận HSSV thực tập, 2.13.01- Phiếu đánh giá kết quả thực tập của cơ sở sản xuất)

Việc đánh giá nhận xét này rất quan trọng bởi nếu học sinh sinh viên làm việc tốt, ý thức tốt thì sẽ được ghi nhận vào phiếu báo thực tập, làm căn cứ xét tốt nghiệp. Và sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động- đơn vị thực tập còn thể hiện ở bảng lương thực tập (2.13.02- Bảng lương học sinh - sinh viên tham gia thực tập trải nghiệm tại các công ty). Mức lương được tính dựa vào ngày công làm việc đồng thời cũng qua đó thấy được ý thức làm việc của học sinh sinh viên. Nhiều học sinh sinh viên ra trường đã được doanh nghiệp tiếp nhận vào làm việc chính thức.

Tuy nhiên, sự tham gia đánh giá kết quả học tập của HSSV từ các Nhà sản xuất chưa nhiều, nội dung có lúc chưa sâu, sát với nội dung, yêu cầu.

Để tăng cường sự tham gia đánh giá của đơn vị sử dụng lao động về kết quả học tập của người học đảm bảo sâu sát, công bằng và khách quan hơn, trong những năm tới Nhà trường sẽ nghiên cứu các biểu mẫu, các phương pháp đánh giá khách quan hơn. Tăng cường mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, phối hợp tổ chức phần thi tốt nghiệp tại cơ sở sản xuất, mời các chuyên gia cùng tham gia vào Hội đồng thi tốt nghiệp, không ngừng nâng cao chất

lượng các phương thức đào tạo đáp ứng nhu cầu của người học và người sử dụng lao động.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

Trên cơ sở quy chế thi kiểm tra và công nhận tốt nghiệp, các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện, để đảm bảo khách quan Nhà trường đã xây dựng Ngân hàng các đề kiểm tra kết thúc môn học/mô-đun và bốc thăm tổ chức kiểm tra kết thúc môn học/mô-đun theo qui trình đảm bảo công bằng, khách quan (2.12.01- *Quy chế thi kiểm tra và công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ của trường CD Việt-Đức Nghệ An, các văn bản hướng dẫn qui trình tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập; 2.14.01- Quy trình tổ chức kiểm tra kết thúc môn học/mô-đun; 2.14.02- Hồ sơ lưu trữ các văn bản tổ chức kiểm tra, thi tốt nghiệp*).

Các kết quả kiểm tra, thi đều được thông báo công khai bằng văn bản gửi đến giáo viên chủ nhiệm thông báo đến HSSV, lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo.

Nhờ làm tốt qui trình, đúng qui định các văn bản hướng dẫn qui định về đánh giá kết quả kiểm tra, thi và có sự giám sát chặt chẽ của các phòng chuyên môn, nên trong những năm qua việc tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ đều đảm bảo theo quy định nghiêm túc, khách quan, không có tiêu cực xảy ra.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.14, tiêu chí 2: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.

Trong quá trình thực hiện qui định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đặc biệt là kỳ thi tốt nghiệp sau mỗi đợt đều có các cuộc họp để đánh giá, đúc rút kinh nghiệm (2.15.01- *Các biên bản họp Hội đồng thi tốt nghiệp, đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm*); Hằng năm, sau quá trình thực hiện, nhà trường đều giao cho Phòng khảo thí-ĐBCL phối hợp phòng đào tạo và các khoa lấy ý kiến về quy trình tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp để rà soát, điều chỉnh, bổ sung nhằm tổ chức ngày một tốt hơn. Năm 2013 nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức hội thảo về đổi mới phương pháp quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập cho HSSV để công tác dạy nghề đạt mục tiêu và nội dung chương trình đã được duyệt (2.12.02 - *Kế hoạch tổ chức hội thảo về đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập; 2.12.03- Biên bản Hội thảo về đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập*).

Năm học 2017 Bộ LĐTĐ-BHXH đã ban hành thông tư số 09/TT-BLĐTBXH về Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, Nhà trường cũng đã kịp thời rà soát cụ thể hóa Ban hành văn bản phù hợp theo quy định mới (2.15.04- *Quy chế thi kiểm tra và công nhận tốt*

nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ của trường CĐ Việt-Đức (áp dụng cho các khóa đào tạo tuyển sinh từ năm 2017)).

Như vậy, trong những năm qua nhà trường đều thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh phù hợp với các văn bản hướng dẫn chỉ đạo của Bộ LĐTBXH.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 2: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.

Việc đào tạo liên thông giữa 3 cấp trình độ: Từ sơ cấp nghề lên trung cấp nghề; từ trung cấp nghề lên cao đẳng nghề và liên thông giữa các nghề Nhà trường đã đặt ra ngay từ khi xây dựng chương trình.

Nhà trường đã xây dựng chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp nghề lên cao đẳng nghề cho 3 nghề đào tạo: Công nghệ ô tô; Hàn và Điện công nghiệp.

Trong những năm qua, học sinh trung cấp nghề có nguyện vọng học liên thông, Phòng Đào tạo tham mưu Ban giám hiệu nhà trường hướng dẫn làm thủ tục ghép thành các lớp và tiến hành đào tạo những môn học/mô đun đang còn thiếu và đào tạo những môn học/mô đun chưa đủ số trình để đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng tương đương trình độ cao đẳng(2.16.01- Các bộ chương trình đào tạo liên thông; 2.16.02- Điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục và quy định tổ chức đào tạo liên thông)

Kế hoạch: Hiện tại Nhà trường đang rà soát, xây dựng cụ thể hóa các văn bản hướng dẫn đào tạo liên thông theo quy định mới tại thông tư số 27/TT-BLĐTBXH, ngày 21/09/2017 và có hiệu lực từ ngày 05 tháng 11 năm 2017 Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp.

Kết hợp với các cơ sở sản xuất cùng số giáo viên đủ trình độ có kinh nghiệm của nhà trường xem xét chỉnh sửa lại chương trình đào tạo bậc cao đẳng nghề đồng thời xây dựng lại chương trình đào tạo liên thông từ bậc trung cấp nghề lên bậc cao đẳng nghề cùng ngành cho 3 nghề đào tạo nói trên.

Năm học 2018-2019 triển khai tuyển sinh đào tạo liên thông giữa các bậc đào tạo trong cùng ngành; tiếp tục xây dựng chương trình đào tạo liên thông giữa các nghề.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 16, tiêu chí 2: 0 điểm.

Tiêu chuẩn 17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.

Trường đã xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo và đã sử dụng có hiệu quả. Cơ sở dữ liệu luôn được cập nhật sau mỗi học kỳ, sau mỗi năm học và được lưu bằng bản in và dữ liệu điện tử. Cơ sở dữ liệu về đào tạo từ năm 2011 được lưu trữ trên phần mềm quản lý Eduman. Cơ sở dữ liệu của trường bao gồm:

- Cơ sở dữ liệu tuyển sinh: danh sách thí sinh, quyết định và danh sách trúng tuyển, danh sách nhập học theo lớp hành chính do Phòng Đào tạo quản lý; Hồ sơ học sinh sinh viên nhập học và Hồ sơ tốt nghiệp: do Phòng Công tác HS,SV quản lý;

- Chương trình đào tạo các nghề và đề cương chi tiết các học phần trong từng chương trình;

- Kết quả học tập của HSSV(2.17.01- *Danh sách công nhận tốt nghiệp các khóa*);

- Dữ liệu tốt nghiệp: Quyết định và danh sách sinh viên tốt nghiệp theo từng khóa/đợt xét tốt nghiệp, Sổ cấp phát văn bằng chứng chỉ: do bộ phận chuyên trách trực thuộc Phòng Đào tạo quản lý (2.17.02- *Danh sách xét điều kiện tốt nghiệp*);

Các cơ sở dữ liệu này được lưu trữ và quản lý một cách khoa học để khai thác, sử dụng hiệu quả cho việc nâng cao chất lượng quản lý, dự báo góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Tuy nhiên cơ sở dữ liệu về tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp chưa đầy đủ.

Từ năm học 2018-2019, Nhà trường tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu về tình hình sinh viên tốt nghiệp, việc làm và thu nhập của sinh viên sau khi ra trường để từ đó có các chương trình hỗ trợ sinh viên sau khi tốt nghiệp và làm cơ sở điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh, chương trình đào tạo phù hợp hơn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 17, tiêu chí 2: 1 điểm.

3.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

Đánh giá tổng quan tiêu chí 3:

Mở đầu: Trường có qui trình chặt chẽ trong việc tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức và người lao động. Quá trình tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo đúng qui trình đã đề ra. Nhờ đó Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức và người lao động có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, đáp ứng được yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và được đảm bảo quyền lợi theo quy định hiện hành của Nhà nước và của trường. Nhà trường có chính sách đào tạo bồi dưỡng cán bộ, hỗ trợ cả về thời gian và kinh phí cho cán bộ đi học tập bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao trình độ.

Số GV của trường đảm bảo đạt chuẩn về trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, đáp ứng yêu cầu giảng dạy của trường và đảm bảo trên 60% GV dạy được cả lý thuyết và thực hành. GV nhà trường tham gia tốt phong trào thi đua dạy tốt như hội giảng GV giỏi cấp trường và các cấp tỉnh, toàn quốc nhằm góp ý rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giảng dạy.

Đa số CBQL các phòng, khoa, tổ môn, đội ngũ quản lý được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và chuyên môn, lý luận chính trị. Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng và qui hoạch cán bộ kế thừa.

*** Những điểm mạnh:**

Ban giám hiệu nhà trường có phẩm chất đạo đức, có năng lực chuyên môn tốt, khả năng điều hành, quản lý, tầm nhìn và hoạch định chiến lược cho sự phát triển của nhà trường.

Cán bộ quản lý các phòng, khoa, tổ môn, đội ngũ quản lý được bồi dưỡng và không ngừng học tập nâng cao trình độ nghiệp vụ quản lý và chuyên môn, đáp ứng được nhiệm vụ được giao.

Đội ngũ giáo viên nhà trường đạt chuẩn về trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, đáp ứng yêu cầu giảng dạy. Đồng thời nhiệt tình, năng động, có trách nhiệm cao trong giảng dạy, không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thực hiện tốt mục tiêu chất lượng do nhà trường qui định.

** Những tồn tại:*

Tỉ lệ giáo viên cơ hữu chưa đồng đều trong các khoa, tổ bộ môn.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Trong thời gian tới, nhà trường sẽ tuyển mới một số giáo viên có trình độ sau đại học ở một số khoa nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Điểm đánh giá chỉ 3:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	
Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1 điểm
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.	1 điểm
Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1 điểm
Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1 điểm
Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	1 điểm
Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1 điểm
Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và	1 điểm

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	
Tiêu chuẩn 8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1 điểm
Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1 điểm
Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1 điểm
Tiêu chuẩn 11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1 điểm
Tiêu chuẩn 12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1 điểm
Tiêu chuẩn 13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	1 điểm
Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1 điểm
Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1 điểm

Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.

Thực hiện Nghị quyết của Đảng uỷ nhà trường, BGH thực hiện công tác bồi dưỡng đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ GV đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của nhà trường. Nhà trường có xây dựng qui hoạch GV, cán bộ quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và tăng qui mô (3.1.01- Kế hoạch cán bộ, giáo viên giai đoạn 2015 - 2020; 3.1.02- Báo cáo công tác quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn 2015 -2020)

Thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng CBVC, nhà trường đã xây dựng quy chế tuyển dụng giáo viên (3.1.03- Quy định về tuyển dụng cán bộ, giáo viên), hàng năm, tùy tình hình thực tế, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, tuyển dụng bổ sung GV nhân viên cho các phòng khoa theo

nhu cầu và có báo cáo công tác tuyển dụng gửi Sở Nội vụ Nghệ An. (3.1.04- *Kế hoạch tuyển dụng CB, GV qua từng năm*). Ngoài ra nhà trường còn thực hiện xây dựng kế hoạch đào tạo CB, GV nhằm tăng cường năng lực đội ngũ GV như: Đào tạo cao học, bồi dưỡng giáo viên theo kế hoạch của tổng cục dạy nghề, bồi dưỡng nâng cao trình độ về lý luận chính trị, kiến thức bổ trợ cho các cán bộ quản lý (3.1.05- *Các kế hoạch đào tạo, bồi CB GV*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.

Nhà trường tổ chức tuyển dụng công khai, có kế hoạch cụ thể gửi Sở Nội vụ Nghệ An, có quy trình tuyển dụng chặt chẽ, đăng báo tuyển dụng công khai... Quy trình sử dụng, quy hoạch đều được thông báo công khai rộng rãi tới các phòng, khoa. Công tác đánh giá, phân loại giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên được nhà trường đặc biệt chú trọng. Nhà trường đã xây dựng quy trình, phương pháp, đánh giá phân loại CB, GV. (3.2.01- *Quy trình, phương pháp, đánh giá phân loại CB, GV*)

Đầu mỗi năm học các CB, GV, CNV trong trường đều đăng ký thi đua để phân đấu thực hiện nhiệm vụ trong năm (3.2.02- *Bản đăng ký thi đua đầu năm của các Phòng Khoa*), mỗi quý các Phòng Khoa đều tổ chức bình xét thi đua A, B, C qua đó tự kiểm điểm cá nhân, đồng thời được tập thể đóng góp để khắc phục những hạn chế trong thời gian vừa qua. Trên cơ sở đó, Hội đồng TĐ-KT Nhà trường họp xét và xếp loại thi đua hàng tháng (3.2.03- *Tổng hợp kết quả bình xét ABC hàng tháng của CB, GV*).

Hàng năm nhà trường đều có kế hoạch tổ chức hội giảng GV dạy giỏi cấp trường, từ dạy dự giờ vòng 1 (cấp Khoa), đến việc chọn GV dạy dự giờ vòng 2 (cấp trường) (3.2.04- *Kế hoạch hội giảng dạy giỏi cấp trường hàng năm*) để GV luôn có ý thức nâng cao nghiệp vụ chuyên môn qua đó đánh giá phân loại GV để cần thiết bồi dưỡng kịp thời về nghiệp vụ chuyên môn.

Vào cuối mỗi năm học các Phòng Khoa đều tổ chức đánh giá, xếp loại thi đua và có khen thưởng kịp thời cho các cán bộ, GV, công nhân viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao (3.2.05- *Biên bản đánh giá CBCC hàng năm*, 3.2.06- *Báo cáo thi đua hàng năm*)

Bên cạnh đó, Đảng bộ nhà trường đều thực hiện đúng quy trình đánh giá chất lượng Đảng viên, phân loại đảng viên. Các tổ chức Đoàn thể của nhà trường cũng bình xét phân loại đoàn viên hàng năm để có biện pháp khen thưởng kịp thời khích lệ đồng thời có hình thức xử lý kỷ luật đối với đoàn viên vi phạm. (3.2.07 - *Kết quả bình xét phân loại đoàn viên công đoàn*, 3.2.08 - *Hồ sơ đánh giá chất lượng Đảng viên*)

Tất cả những hoạt động trên đều được thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo đúng quy định và quy chế chi tiêu nội

bộ, quy chế thi đua khen thưởng (1.3.05 - Quy chế chi tiêu nội bộ, 1.3.06 - Quy chế thi đua khen thưởng).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.

Toàn bộ đội ngũ GV của Nhà trường đảm bảo đạt chuẩn trở lên về trình độ được đào tạo và nghiệp vụ sư phạm theo qui định; GV dạy thực hành đạt chuẩn về kỹ năng thực hành nghề theo quy định. Có ít nhất 60% số GV dạy cả lý thuyết và thực hành nghề.

Toàn bộ đội ngũ GV của Nhà trường đảm bảo đạt chuẩn về năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học theo qui định.

Căn cứ chương II, điều 3 Quyết định số 57/2008/QĐ-BLĐT BXH về tiêu chuẩn, trình độ chuẩn của giáo viên dạy nghề, trường Cao đẳng Việt - Đức, Nghệ An giáo viên đảm bảo tiêu chuẩn (3.3.01- Danh sách trích ngang nhà giáo). Bên cạnh hàng năm nhà trường cử đội ngũ giáo viên tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng do Tổng cục dạy nghề tổ chức như năm 2017 tại Đà Nẵng... Ngoài ra nhà trường liên kết với trường ĐH Sư phạm kỹ thuật 3 mở các kỹ năng nghề. Với những biện pháp đồng bộ trên đến nay tất cả giáo viên dạy lý thuyết và thực hành ở hệ: Sơ cấp nghề, trung cấp nghề, cao đẳng nghề đều đảm bảo đạt chuẩn trở lên về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm theo qui định.

	Tổng cộng	Thạc sĩ	Đang học cao học	Tốt nghiệp Đại học	Tốt nghiệp Cao đẳng	Trung cấp và CNKT	Nghiệp vụ sư phạm
Số lượng	71	32	5	30	1	3	71
Tỷ lệ %	100	0,45	0,07	0,43	0,01	0,04	100

Ngoài ra, đội ngũ GV nhà trường đảm bảo 100% đạt chuẩn về năng lực chuyên môn, đúng chuyên ngành giảng dạy. Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch tiếp tục bồi dưỡng về ngoại ngữ, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho GV. Đồng thời khuyến khích GV tự học để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu phát triển nhà trường và xã hội.

Tuy vậy, theo qui định mới tại thông tư 08/2017/TT-BLĐT BXH, ngày 10/03/2017, Quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp thì về ngoại ngữ và tin học một số giáo viên chưa đạt chuẩn mới cần phải được bồi dưỡng bổ sung theo yêu cầu mới.

Kế hoạch: Từ năm học 2018-2019 và những năm tiếp theo Nhà trường đã có kế hoạch tổ chức các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ và tin học để GV tham dự thi cấp chứng chỉ ngoại ngữ và tin học đạt chuẩn theo qui định mới.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 0 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.

Nhà trường đã đề ra các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, trong đó có sự hỗ trợ về chế độ chính sách được thể hiện cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Các cán bộ quản lý được kịp thời bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và trình độ chính trị, theo đúng quy định của Bộ Lao động thương binh và xã hội, của tổng cục dạy nghề và của Nhà trường. Hàng năm, Nhà trường tổ chức đánh giá cán bộ quản lý các đơn vị trong Trường. Việc đánh giá năng lực công tác và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được thực hiện từ ba phía: bản thân tự đánh giá, đánh giá của đơn vị (bộ môn/tổ, khoa/phòng) và đánh giá của lãnh đạo; thực hiện dưới nhiều hình thức như: họp bộ môn, họp chi bộ, đảng bộ; hội nghị cán bộ - viên chức hoặc có thể phản ánh trực tiếp tới Lãnh đạo Nhà trường. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ quản lý của Trường có phẩm chất, đạo đức tốt, tâm huyết và trách nhiệm với công việc, có năng lực chuyên môn vững vàng và tiếp cận nhanh chóng nghiệp vụ quản lý, do đó hầu hết cán bộ quản lý của Trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu đổi mới trong quản lý giáo dục.

Thông qua các đánh giá chuyên môn, các hoạt động công đoàn và của Nhà trường, các cán bộ quản lý, viên chức, giáo viên và người lao động đều hoàn thành tốt nhiệm vụ và quyền hạn của mình, không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của nhà trường, thể hiện qua việc bình xét ABC hàng tháng. (3.2.03- Tổng hợp kết quả bình xét ABC hàng tháng của CB, GV, 3.3.01- Tổng hợp kết quả thi đua hàng năm, các quyết định công nhận các danh hiệu).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định...

Nhà trường đã xây dựng chiến lược để phát triển đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo. Trường có đủ số lượng giảng viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện chương trình đào tạo ở hầu hết các chuyên ngành. Tỷ lệ qui đổi sinh viên chính qui trên giảng viên cơ hữu là 22,49 sinh viên/ 1 giảng viên. Đội ngũ giảng viên ở các bộ môn có cơ cấu tương đối hợp lý về trình độ và độ tuổi, có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo đúng qui định. Tổng số cán bộ CNV của Nhà trường hiện tại là 109 người, trong đó có 71 giáo viên, đảm bảo tỷ lệ giáo viên theo quy định. Hiện tại Nhà trường có 32 giáo viên có trình độ thạc sỹ, đạt tỷ lệ 29,4%. Đối với các chức danh hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, trưởng phòng Đào tạo có 100% người có trình độ thạc sỹ (3.2.05- Biên bản đánh giá CBCC hàng năm, 3.2.06 - Báo cáo kết quả thi đua hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

Toàn thể GV tham gia giảng dạy tại trường luôn nghiêm túc giờ giấc lên lớp theo qui định, thực hiện giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo, đúng với thời khóa biểu do Phòng Đào tạo kết hợp với các khoa lên kế hoạch, đảm bảo đúng tiến độ đào tạo đã đề ra. Đảm bảo các tiết giảng đạt chất lượng như soạn giáo án, giáo trình,... theo các biểu mẫu qui định.

Ngoài việc thực hiện công tác giảng dạy, đa số GV đã tham gia xây dựng chương trình; biên soạn giáo trình; viết sáng kiến kinh nghiệm; soạn giáo trình điện tử; phần mềm mô phỏng,... đưa công nghệ thông tin vào trong dạy học; tự làm các mô hình, thiết bị,.. giúp học sinh dễ hiểu hơn không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy. Ngoài chức năng, nhiệm vụ chính của nhà trường là đào tạo nghề, một số GV trong nhà trường còn nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ cho các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp. Thông qua công tác này, trình độ của GV cũng được nâng lên đáng kể góp phần nâng cao chất lượng đào tạo (1.3.05 - Quy chế chi tiêu nội bộ).

Tuy nhiên, việc nghiên cứu, áp dụng những thành tựu KHCN vào cải tiến phương pháp giảng dạy và giáo dục học sinh chưa được nhân rộng nhiều và đều khắp ở các giáo viên. Vì vậy, Nhà trường sẽ tiếp tục nghiên cứu chính sách đãi ngộ, khuyến khích giáo viên nghiên cứu và áp dụng những thành tựu KHCN vào giảng dạy.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

Thực hiện Nghị quyết của Đảng uỷ, hàng năm Nhà trường đã thực hiện và làm tốt công tác bồi dưỡng đào tạo, xây dựng đội ngũ giáo viên đảm bảo phù hợp với sự phát triển của nhà trường. Thực hiện tốt công tác đào tạo bồi dưỡng và có chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ giáo viên. (1.3.05- Quy chế Chi tiêu nội bộ, 3.7.01- Danh sách, kết quả cán bộ giáo viên đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao; 3.7.02- Các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ GV).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.

Hàng năm, nhà trường lập kế hoạch, triển khai đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ GV về nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học (3.8.01- Danh sách CB, GV tham gia học các lớp tin học). Vào đầu năm học các phòng, khoa, tổ bộ môn, GV đều được phổ biến về việc kế hoạch, đăng ký tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ thông qua hội nghị cán bộ công chức, họp giao ban...

Nhà trường thực hiện tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Tổng cục dạy nghề để nâng cao trình độ, năng lực giảng dạy cho đội ngũ giáo viên (3.8.02- Danh sách CB, GV tham gia các lớp tập huấn). Tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ thường xuyên cho CBGV để hội nhập khu vực và quốc tế.

Giáo viên trong trường tham gia hội giảng cấp khoa để tuyển chọn những tiết giảng xuất sắc, điển hình để tham gia Hội giảng cấp trường, cấp tỉnh và cấp toàn quốc. (3.8.03- *Danh sách giáo viên tham gia hội giảng các cấp*) Thông qua hội giảng, tập thể GV góp ý, học hỏi kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác giảng. Kết quả: Năm 2017 có 05 GV đạt GV giỏi cấp trường, 05 GV đạt GV giỏi cấp tỉnh (trong đó có 01 GV được chọn tham dự Hội giảng toàn quốc).

- Hàng năm nhà trường có giới thiệu cho GV đi thâm nhập thực tế tại các xí nghiệp, công ty và thông qua các đợt hướng dẫn thực tập học sinh cũng là dịp GV tham quan thực tế và tiếp cận công nghệ mới, bổ sung kiến thức và kinh nghiệm nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu giảng dạy... (3.8.04- *Các quyết định cử giáo viên quản lý học sinh đi thực tập*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Hàng năm nhà trường có giới thiệu cho GV đi thâm nhập thực tế tại các đơn vị sử dụng lao động, các xí nghiệp, công ty và thông qua các đợt hướng dẫn thực tập học sinh cũng là dịp GV tham quan thực tế và tiếp cận công nghệ mới, bổ sung kiến thức và kinh nghiệm nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu giảng dạy. Kết hợp đưa học sinh sinh viên đi thực tập tại các Doanh nghiệp, giáo viên được cử đi kèm để quản lý, hướng dẫn học sinh thực tập, đồng thời cập nhật các công nghệ, phương pháp tổ chức sản xuất tại các Doanh nghiệp (3.8.04- *Các quyết định cử giáo viên quản lý học sinh đi thực tập*).

Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức cho CB,CNV,GV được đi tham quan, học tập thực tế vào dịp hè mỗi năm. (3.9.01- *Các quyết định cử giáo viên tham gia tham quan, học tập*). Tuy nhiên, Trường chưa có nhiều các nhóm nghiên cứu khoa học; nguồn kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học còn hạn hẹp nên qui mô các đề tài còn nhỏ; số lượng đề tài, dự án liên kết với địa phương, các doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất chưa nhiều;

Từ năm 2018 -2019, Nhà trường tiếp tục tăng chi ngân sách tạo điều kiện thuận lợi hơn cho giáo viên tham gia học tập cập nhật kiến thức, công nghệ và phương pháp tổ chức quản lý sản xuất.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 3: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 10: Hàng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.

Nhà trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo thông qua việc lồng ghép vào các cuộc họp định kỳ. Hàng năm, Trường đã đánh giá hiệu quả làm việc của đội ngũ giáo viên thông qua việc xếp loại viên chức. Kết quả đánh giá cho thấy, giáo viên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đã vận dụng những kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp đã được học tập vào công tác giảng dạy (3.10.01- *Quyết định thi đua khen thưởng*).

Trong năm học 2018-2019, phòng Tổ chức hành chính sẽ kết hợp với các khoa đào tạo, phòng Công tác HS,SV, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên và các đơn vị liên quan khác tiến hành khảo sát người học về chất lượng giảng dạy của đội ngũ giáo viên. Đồng thời, Trường sẽ đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sử dụng các trang thiết bị hiện đại cho đội ngũ cán bộ, giáo viên.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 3: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.

Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng của trường đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Điều lệ trường CDN, trong đó Hiệu trưởng có trình độ thạc sĩ Quản lý Giáo dục và cao cấp lý luận chính trị; 02 Phó Hiệu trưởng: một là thạc sĩ Giáo dục học - Cao cấp lý luận chính trị và 01 là thạc sĩ Quản lý giáo dục, có quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng của UBND tỉnh Nghệ An (3.11.01- Các quyết định bổ nhiệm, các bằng cấp của Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng).

Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ quản lý, năng động trong công tác lãnh đạo các hoạt động của trường. Khả năng điều hành, quản lý, tầm nhìn và hoạch định chiến lược, luôn quan tâm đến chính sách hỗ trợ GV, cán bộ CNV, học sinh nghèo có hoàn cảnh khó khăn. Lãnh đạo đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao.

BGH được đại đa số CBGV của nhà trường tín nhiệm, thông qua các kỳ hội nghị Cán bộ công chức, các buổi họp xét phân loại đảng viên, bình xét thi đua hàng năm đều đạt hơn 90% số phiếu tín nhiệm của đảng viên và CBGV toàn trường (3.11.02- Kết quả xếp loại Đảng viên, Quyết định thi đua khen thưởng, bằng khen của UBND tỉnh)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 3: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

Đội ngũ cán bộ quản lý của Nhà trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đúng quy trình, đúng quy hoạch và đúng quy định mà Nhà nước đã đề ra. Trường có qui trình chặt chẽ trong việc tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ. Quá trình tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo đúng qui trình đã đề ra; nhờ đó Trường có đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo chất lượng, có cơ cấu tương đối hợp lý, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Trường đã có chính sách hỗ trợ, động viên cán bộ, công chức, viên chức học tập nâng cao trình độ để thực hiện tốt công việc được giao. Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường chủ yếu được lựa chọn từ lực lượng giảng viên ở các khoa, được bồi dưỡng thêm về công tác quản lý, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.(3.12.01- Quy trình bổ nhiệm: các biên bản, các phiếu tín nhiệm.)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 3: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 13: *Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.*

Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường chủ yếu được lựa chọn từ lực lượng giảng viên ở các khoa, được bồi dưỡng thêm về công tác quản lý, hoàn thành tốt các nhiệm vụ đảm nhận. Đội ngũ cán bộ quản lý của Nhà trường từ trường các bộ môn, phó trưởng phòng/khoa, đến trưởng các phòng, khoa và BGH đều đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ. Tất cả đều tốt nghiệp đại học và trên đại học, có trình độ lý luận chính trị từ sơ cấp, trung cấp đến cao cấp (3.13.01- *QĐ phân công nhiệm vụ đội ngũ quản lý*).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức đánh giá cán bộ quản lý các đơn vị trong Trường. Việc đánh giá năng lực công tác và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được thực hiện từ ba phía: bản thân tự đánh giá, đánh giá của đơn vị (bộ môn/tổ, khoa/phòng) và đánh giá của lãnh đạo; thực hiện dưới nhiều hình thức như: họp bộ môn, họp chi bộ, đảng bộ; hội nghị cán bộ - viên chức hoặc có thể phản ánh trực tiếp tới Lãnh đạo Nhà trường. (3.13.02- *Biên bản các cuộc họp bình xét tháng, kỳ, cuối năm*). Nhìn chung, đội ngũ cán bộ quản lý của Trường có phẩm chất, đạo đức tốt, tâm huyết và trách nhiệm với công việc, có năng lực chuyên môn vững vàng và tiếp cận nhanh chóng nghiệp vụ quản lý, do đó hầu hết cán bộ quản lý của Trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu đổi mới trong quản lý giáo dục.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 3: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 14: *Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.*

Đội ngũ CBQL của trường luôn được Chi bộ - BGH nhà trường quan tâm trong việc học tập bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ cũng như học tập nâng cao lý luận chính trị. Hiện tại đội ngũ CBQL của trường có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quản lý đảm bảo tính kế thừa về kinh nghiệm, công tác chuyên môn, độ tuổi đáp ứng được yêu cầu công tác. Việc hướng dẫn đào tạo cho cán bộ trẻ tiếp nối những công việc về lâu về dài đã được đặc biệt chú trọng, trường đã có kế hoạch quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý kế cận. Hàng năm trường luôn có kế hoạch học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ quản lý. Đa số cán bộ quản lý các phòng, khoa, tổ môn, đội ngũ quản lý được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và chuyên môn. Có kế hoạch bồi dưỡng và quy hoạch cán bộ kế thừa.

Qui chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường qui định rõ về sự hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, thanh toán tiền mua tài liệu; thanh toán tiền tàu xe; hỗ trợ sinh hoạt phí cho cán bộ, giảng viên, giáo viên tham gia các đợt tập huấn, bồi dưỡng. Những cán bộ, giảng viên đi học cao học được Trường hỗ trợ tiền học phí, được hưởng lương, phụ cấp và các quyền lợi như những viên chức đang làm việc được qui định rõ trong Qui chế chi tiêu nội bộ, (1.3.05- *Quy chế chi tiêu nội bộ*).

Tuy vậy vẫn còn một số cán bộ quản lý các phòng, khoa chưa qua lớp trung cấp chính trị. Trong thời gian tới, nhà trường lên kế hoạch, lập danh sách cử cán bộ quản lý tham gia lớp cao cấp chính trị và trung cấp chính trị.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 3: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 15: *Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.*

Trường hiện có 110 viên chức, người lao động. Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Hàng năm, theo định kỳ, đội ngũ viên chức, người lao động đều được tham gia các khóa bồi dưỡng cán bộ về tin học, ngoại ngữ, quản lý hành chính nhà nước, quốc phòng-an ninh, được tạo điều kiện để bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Trường đã có các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, người lao động bằng cách hỗ trợ họ về chế độ chính sách thể hiện qua Quy chế chi tiêu nội bộ (1.3.0 5- Quy chế chi tiêu nội bộ, 1.3.06 - Quy chế thi đua khen thưởng), kịp thời đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức, người lao động đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Trường.

Hàng năm, Trường đã đánh giá hiệu quả làm việc đội ngũ viên chức, người lao động thông qua việc xếp loại. (3.13.01- Biên bản các cuộc họp bình xét tháng, kỳ, cuối năm). Kết quả đánh giá cho thấy, đa số đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 3: 1 điểm.

3.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quan tiêu chí 4:

Mở đầu

Chương giáo, trình đào tạo của Nhà trường được biên soạn, lựa chọn theo đúng quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, quy định về quy trình xây dựng; thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn; lựa chọn giáo trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ cao đẳng. Đảm bảo phù hợp với thực tiễn, sự phát triển của khoa học công nghệ, đảm bảo tính liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng các phương pháp dạy học tích cực.

**** Những điểm mạnh***

Trường Cao đẳng Việt-Đức Nghệ An đã xây dựng và ban hành đầy đủ chương trình dạy nghề cho tất cả các nghề đang đào tạo theo đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh, dịch vụ của vùng, địa phương và yêu cầu công nghệ mới. Các chương trình đào tạo đều đã được chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật phù hợp với thực tế.

**** Những tồn tại***

Năm 2017, Khi Luật giáo dục nghề nghiệp được triển khai thực hiện, một số văn bản mới ra đời thay thế các văn bản trước đây trong lĩnh vực dạy nghề, Nhà trường đã kịp thời chuyển đổi, điều chỉnh, bổ sung chương trình, giáo trình phù hợp với yêu cầu

mới. Tuy nhiên, vẫn còn một số khóa học đã triển khai vẫn còn theo chương trình cũ, chưa được cập nhật bổ sung.

Trong quá trình xây dựng chương, giáo trình của một số nghề, sự tham gia của Doanh nghiệp còn hạn chế, các Doanh nghiệp chưa thực sự tâm huyết góp ý.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tiếp tục xây dựng kế hoạch xây dựng chuyên đổi, bổ sung chương giáo trình đào tạo phù hợp với yêu cầu trong giai đoạn mới của lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

Quan hệ, hợp tác chặt chẽ hơn nữa với các Doanh nghiệp sử dụng lao động, mở rộng hình thức tổ chức đào tạo theo đơn đặt hàng của các Doanh nghiệp.

Năm học 2018-2019, xây dựng chương trình đào tạo xin cấp phép nâng cấp đào tạo ở bậc Cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, một trong những nghề hiện nay nhu cầu người học nhiều.

Điểm đánh giá tiêu chí 4:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	
Tiêu chuẩn 1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1 điểm
Tiêu chuẩn 2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1 điểm
Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	1 điểm
Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1 điểm
Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.	1 điểm
Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	0 điểm
Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.	1 điểm
Tiêu chuẩn 8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương	1 điểm

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	
Tiêu chuẩn 9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1 điểm
Tiêu chuẩn 10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1 điểm
Tiêu chuẩn 11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1 điểm
Tiêu chuẩn 12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1 điểm
Tiêu chuẩn 13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1 điểm
Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1 điểm
Tiêu chuẩn 15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	1 điểm

Tiêu chuẩn 1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.

Hiện tại, Nhà trường đang đào tạo 11 nghề ở các trình độ Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp. Tất cả các nghề đào tạo đều có đầy đủ chương trình đào tạo (4.1.01- Các quyết định ban hành chương trình đào tạo Cao đẳng nghề, Các quyết định ban hành chương trình đào tạo trung cấp nghề).

100% các nghề được cấp phép đào tạo (theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đã cấp) có mục tiêu được xác định rõ ràng, trong đó quy định cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng; phương pháp, hình thức đào tạo, có đầy đủ chương trình dạy nghề chi tiết.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.

Tất cả các chương trình đào tạo của Nhà trường đều được tổ chức xây dựng theo đúng qui định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, quy định về quy trình xây dựng; thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn; lựa chọn giáo trình

đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Hằng năm nhà trường đã cho các bộ môn rà soát lại chương trình đào tạo các môn học, mô-đun đề xuất các ý kiến điều chỉnh chương trình gửi các khoa, trên cơ sở đó các khoa tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng nhà trường, tổ chức thẩm định thông qua, chỉnh sửa và phê duyệt đưa vào sử dụng các chương trình đào tạo. (4.1.01- Các quyết định ban hành chương trình đào tạo Cao đẳng nghề, Các quyết định ban hành chương trình đào tạo trung cấp nghề; 4.2.01- Các Quyết định Hội đồng Biên soạn, chỉnh sửa Chương trình đào tạo; Các văn bản hướng dẫn biên soạn, chỉnh sửa chương trình đào tạo các nghề)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.

Các chương trình đào tạo của Nhà trường đều được tổ chức xây dựng theo đúng qui định tại Thông tư số 03//2017/TT-BLĐTBXH, ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, quy định về quy trình xây dựng; thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn; lựa chọn giáo trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ cao đẳng. Mỗi chương trình đều thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định. (4.1.01- Các quyết định ban hành chương trình đào tạo Cao đẳng nghề, Các quyết định ban hành chương trình đào tạo trung cấp nghề)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Khi tổ chức xây dựng, chỉnh sửa bổ sung chương trình đào tạo, Nhà trường căn cứ vào trình độ, năng lực của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý có năng lực để đưa vào các Tổ biên soạn, chỉnh sửa chương trình đào tạo. Ngoài ra còn mời thêm một số cán bộ kỹ thuật của các đơn vị sử dụng lao động cùng tham gia góp ý, phản biện tại các cuộc hội thảo. (4.4.01- Các Quyết định thành lập các Hội đồng, Ban biên soạn chỉnh sửa chương trình đào tạo các nghề; 4.4.02- Các phiếu nhận xét, góp ý của các chuyên gia về chương trình đào tạo các nghề)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.

Chương trình đào tạo của Nhà trường được xây dựng trên cơ sở phân tích nghề, sự góp ý của các nhà sử dụng lao động, hàng năm tham khảo ý kiến đánh giá về sự phù hợp của chương trình đào tạo của HSSV đã tốt nghiệp đang làm việc đúng nghề tại các

Doanh nghiệp, cũng như của HSSV đã đi thực tập tại các Doanh nghiệp để có sự điều chỉnh, cập nhật. Vì vậy Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. (4.5.01- Sơ đồ phân tích nghề của các chương trình đào tạo; 4.4.02- Các phiếu nhận xét, góp ý của các chuyên gia về chương trình đào tạo các nghề)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.

Chương trình đào tạo của Nhà trường được xây dựng theo đúng qui định tại của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, quy định về quy trình xây dựng; thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn; lựa chọn giáo trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ cao đẳng; Quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học, nhà trường xây dựng chương trình đào tạo bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ đào tạo một cách đơn giản, dễ dàng nhất cho người học. Các chương trình đều bảo đảm tính liên thông giữa các trình độ đào tạo, sự liên thông ngang giữa các nghề đào tạo. (4.1.01- Các quyết định ban hành chương trình đào tạo Cao đẳng nghề, Các quyết định ban hành chương trình đào tạo trung cấp nghề; 4.6.01- Quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học)

Việc đào tạo liên thông giữa 3 cấp trình độ: Từ sơ cấp nghề lên trung cấp nghề; từ trung cấp nghề lên cao đẳng nghề và liên thông giữa các nghề Nhà trường đã đặt ra ngay từ khi xây dựng chương trình. Tuy nhiên trong thời gian qua do quá trình chuyển đổi từ việc đào tạo công nhân bậc 3/7 sang hình thức đào tạo nghề theo ba cấp trình độ đang trong giai đoạn khởi đầu, chương trình khung của Bộ LĐTB & XH quy định có nhiều thay đổi chưa ổn định nên việc đào tạo liên thông chưa triển khai tuyển sinh được. Tuy nhiên hằng năm vẫn có những HSSV có nhu cầu thực sự được nhà trường tạo điều kiện học liên thông bằng cách học ghép tại nhiều lớp, học thêm các môn học, mô-đun còn thiếu và số lượng HSSV này không nhiều.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 0 điểm.

Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.

Ngoài việc cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo hàng năm theo ý kiến đề xuất của các khoa nghề, thì theo định kỳ 02 năm một lần đối với chương trình đào tạo Trung cấp, 03 năm một lần đối với chương trình đào tạo Cao đẳng. Nhà trường đều xây dựng kế hoạch thực hiện biên soạn, chỉnh sửa bổ sung các chương trình đào tạo (4.4.01- Các Quyết định thành lập các Hội đồng, Ban biên soạn chỉnh sửa chương trình đào tạo các nghề; 4.4.02- Các quyết định ban hành chương trình đào tạo Cao đẳng nghề, Các quyết định ban hành chương trình đào tạo trung cấp nghề).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 8: *Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.*

Trong quá trình biên soạn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo, Nhà trường đều có các cuộc Hội thảo lấy ý kiến Chuyên gia từ các lĩnh vực chuyên ngành liên quan, các đơn vị sử dụng lao động, tham khảo các chương trình đào tạo của nước ngoài như Malaysia, Đức để cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo. (4.8.01- Biên bản các cuộc Hội thảo xin lấy ý kiến chuyên gia về Chương trình đào tạo các nghề; 4.8.02- Chương trình đào tạo nghề KT xây dựng của Malaysia; 4.8.03- Chương trình Điện nước của CHLB Đức)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 9: *Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.*

Việc căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học là việc làm bắt buộc trước khi đào tạo liên thông (2.16.01- Các bộ chương trình đào tạo liên thông; 2.16.02- Điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục và quy định tổ chức đào tạo liên thông; 4.9.01- Một số Quyết định về việc miễn môn học/mô-đun đối với các lớp đào tạo liên thông)

Ngày 21/09/2017 Bộ lao động thương binh và Xã hội đã ban hành thông tư số 27/TT-BLĐTBXH có hiệu lực từ ngày 05 tháng 11 năm 2017 Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp. Vì vậy, hiện nay Nhà trường đã rà soát, xây dựng cụ thể hóa các văn bản hướng dẫn đào tạo liên thông theo quy định mới.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 10: *Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.*

Trong những năm qua ngoài việc lựa chọn các giáo trình để đưa vào làm tài liệu giảng dạy; Nhà trường đã tổ chức biên soạn các giáo trình cho các mô đun, môn học, đến nay đảm bảo Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.(4.10.01- Các quyết định phê duyệt lựa chọn giáo trình làm giáo trình giảng dạy các mô đun, môn học ; 4.10.02- Các quyết định ban hành giáo trình mô đun, môn học, các giáo trình kèm theo)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 11: *100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.*

Để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức các giáo trình của Nhà trường đều được biên soạn hoặc lựa chọn theo đúng Quy định tại Thông tư số 03//2017/TT-BLĐTBXH, ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, quy định về

quy trình xây dựng; thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn; lựa chọn giáo trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ cao đẳng. (4.10.01- Các quyết định phê duyệt lựa chọn giáo trình làm giáo trình giảng dạy các mô đun, môn học; 4.11.01- Các Quyết định Hội đồng Biên soạn giáo trình đào tạo; Các văn bản hướng dẫn biên soạn giáo trình đào tạo các nghề)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.

Các giáo trình của Nhà trường đều được biên soạn hoặc lựa chọn theo đúng Quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, quy định về quy trình xây dựng; thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn; lựa chọn giáo trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ cao đẳng. Nên đều đảm bảo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. (4.10.02- Các quyết định ban hành giáo trình mô đun, môn học, Các giáo trình kèm theo)

Các giáo trình dạy nghề được giao cho các nhóm giáo viên có trình độ và giàu kinh nghiệm biên soạn. Có các biên bản nghiệm thu giáo trình dạy nghề của hội đồng thẩm định nhận xét về mức độ cụ thể hoá các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ trong chương trình dạy nghề.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Nội dung các giáo trình mô đun, môn học đều được biên soạn có cấu trúc ngắn gọn, sau mỗi bài đều có câu hỏi, bài tập ứng dụng, các hướng dẫn tạo điều kiện cho HSSV tự nghiên cứu. Đây là những yếu tố tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. (4.13.01- Các giáo trình đào tạo cho các mô đun, môn học)

Sau mỗi học kỳ nhà trường phát phiếu thu thập ý kiến đánh giá của cán bộ, giáo viên, người học về mức độ tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực của giáo trình (4.13.02- Báo cáo về việc sử dụng kết quả thực hiện thu thập ý kiến chuyên gia, giáo viên)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 4: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Để đảm bảo bổ sung, cập nhật kịp thời Nội dung các giáo trình mô đun, môn học, hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, HSSV tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo, kết quả các giáo trình của Nhà trường đều được đánh giá phù hợp. (4.14.01. Các phiếu đánh giá ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa

học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, HSSV tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; Tổng hợp các ý kiến đánh giá)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.

Sau mỗi lần điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo. Nhà trường đều tổ chức điều chỉnh, cập nhật lại nội dung các giáo trình đảm bảo phù hợp theo chương trình đào tạo. (4.15.01. Các quyết định Bổ sung cập nhật nội dung giáo trình đào tạo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 4: 1 điểm.

3.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

Mở đầu:

Cùng với việc xây dựng đội ngũ CBQL, giảng viên và nhân viên để phát triển Nhà trường, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trường Cao đẳng Việt-Đức Nghệ An đã không ngừng đầu tư về CSVC, trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy và NCKH. Hàng năm, nhà trường bổ sung, sửa chữa mua sắm trang thiết bị hiện đại trang bị cho phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành.

* *Những điểm mạnh:* Trường được đầu tư về cơ sở vật chất theo “Dự án đào tạo nghề hàng năm” từ các nguồn vốn như ODA, CTMTQG. Hàng năm, nhà trường đầu tư hàng tỉ đồng từ nguồn ngân sách của Tỉnh và nguồn vốn tự có để đầu tư mua sắm trang thiết bị, máy móc, dụng cụ dạy học hiện đại, tiên tiến phục vụ cho học tập lý thuyết, thực hành đầy đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng. Xây dựng hoàn chỉnh văn bản quy định phân cấp quản lý các hệ thống kỹ thuật hạ tầng. Nhà trường đã mạnh dạn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, cải tạo cơ sở hạ tầng như nhà ở, nhà làm việc, nhà xưởng, hội trường, công trình công cộng, khu thể thao..bằng nguồn vốn tự có, vốn huy động. Các khu chức năng đã được quy hoạch và có ranh giới bảo vệ (Khu giảng đường, xưởng, khu vui chơi giải trí), Nhà xưởng 4 tầng thực hành để HS,SV thực hành.

Trường có hai cơ sở đào tạo với tổng diện tích 36.483,6m², riêng cơ sở chính tại 315 Đường Lê Duẩn, T.P Vinh, Nghệ an nằm ngay trung tâm thành phố, nền đất tốt, cao ráo, không bị úng ngập, thuận tiện cho việc cung cấp điện và nước sinh hoạt. Vị trí xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực dân cư và mạng lưới cơ sở dạy nghề, giao thông thuận tiện.

Cả hai cơ sở của trường có hệ thống hạ tầng cơ sở được trang bị tương đối đầy đủ và hoạt động tốt, phù hợp với chương trình đào tạo của Nhà trường.

Các công trình đảm bảo quy chuẩn xây dựng và các yêu cầu về ngăn cách, vệ sinh, kiến trúc, chiếu sáng thông gió, quy hoạch nội bộ thuận tiện cho vận chuyển lắp đặt, vận hành trang thiết bị. Có hệ thống cấp, thoát nước chung, riêng cho các khu vực trong trường theo nhu cầu hoạt động học tập và sinh hoạt. Các công trình xây dựng đều được lắp đặt hệ thống thiết bị phòng chống cháy nổ đầy đủ và hiện đại.

Nhà trường có đầy đủ phương tiện, thiết bị và dụng cụ trong xưởng thực hành phong phú về số lượng, chủng loại và chất lượng. Đảm bảo các yêu cầu về sự phạm, mỹ thuật công nghiệp toàn vệ sinh công nghiệp và vệ sinh môi trường. Hệ thống kho vật tư, kho lưu trữ được thiết kế xây dựng ở những vị trí an toàn thuận tiện, đảm bảo các tiêu chuẩn như có mái che, hệ thống chiếu sáng, thông gió, chống ẩm mốc, phòng chống cháy nổ.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của nhà trường đảm bảo được các hoạt động dạy nghề, thực hành, thực nghiệm trong nhà trường. Có đầy đủ các hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, đường nội bộ, các xưởng đều có hệ thống thông gió, hệ thống phòng cháy chữa cháy được các cơ quan chức năng hàng năm kiểm tra đánh giá đảm bảo tốt các điều kiện kỹ thuật.

Công tác quản lý CSVC, thiết bị thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về sử dụng và quản lý tài sản công. Kí túc xá khang trang, sạch đẹp, đáp ứng nhu cầu người học. Trường có đầy đủ các biện pháp để bảo vệ tài sản và an toàn cho người học, công tác an ninh trật tự được đảm bảo.

Về phòng học và phòng làm việc thuê phòng học nói chung đáp ứng về yêu cầu ánh sáng cũng như yêu cầu học tập của sinh viên. Phòng làm việc đủ tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước. Trường đã cố gắng lắp đặt các trang thiết bị tối thiểu như trang âm, quạt, đèn chiếu sáng cho các lớp học, điều hòa cho các phòng làm việc.

Về mạng máy tính Trường đã có 02 cổng link, mỗi cổng 24 đường, 1 máy chủ. Trường đã trang bị 1 Trung tâm máy tính gồm 3 phòng với 60 máy tính cá nhân để phục vụ HS,SV học tập. Các cán bộ, giáo viên trong Trường đều được trang bị máy tính để bàn được nối mạng để trao đổi công việc.

Nhìn chung Trường đã trang bị đầy đủ trang thiết bị để đảm bảo các điều kiện tối thiểu cho điều kiện làm việc cho cán bộ giáo viên cũng như HS,SV học tập.

** Những tồn tại:*

Còn một số nghề mới chuyển sang đào tạo theo chương trình mới nên một số thiết bị chưa đủ về số lượng trên đầu người học. Tuy nhà trường có sân luyện tập thể dục thể thao nhưng chỉ đáp ứng cho 2 bộ môn thể thao là bóng chuyền và cầu lông. Một số hạng mục còn chưa đồng bộ. Thiết bị dạy học còn chưa đáp ứng trên đầu học sinh. Cơ sở 2 của trường tuy đã đầu tư xây dựng nhiều, nhưng do sử dụng hoạt động ngoài trời nên trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy thực hành dạy lái xe thường nhanh bị xuống cấp, hư hỏng do tác động của thời tiết. Sân bãi dành cho công tác đào tạo nghề Vận hành máy thi công nền vẫn chưa đảm bảo sự đa dạng cho các bài tập thực hành.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Từ năm học 2018-2019, đẩy mạnh việc xây dựng trường trên cơ sở qui hoạch tổng thể được Bộ phê duyệt để đáp ứng yêu cầu mở rộng qui mô và nâng cao chất lượng đào tạo.

Trang bị thêm các thiết bị đào tạo thực hành cho các nghề trọng điểm nhằm đáp ứng được nhu cầu thực tiễn đồng thời mở rộng qui mô đào tạo cho một số nghề mới.

Liên kết đào tạo với thực tế sản xuất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và cải thiện đời sống cho cán bộ giáo viên công nhân viên.

Trong năm tới cần được sửa chữa nâng cấp một số hạng mục hoàn chỉnh và đồng bộ hơn, tiếp tục nâng cấp cải tạo sửa chữa, lập kế hoạch nâng cấp xây dựng cơ sở 2 để phát triển quy mô hoạt động đào tạo của nhà trường. Nhà trường sẽ hoàn thiện thêm hệ thống bảo quản như thông gió, chống ẩm, móc cho kho chung của trường cũng như các kho riêng của các Khoa, trang bị thêm giá, kệ, sắp xếp vật tư thiết bị cho các kho. Trong công tác quản lý vật tư trang thiết bị nhà trường sẽ có kế hoạch tiến tới quản lý bằng phần mềm máy tính để quản lý tốt hơn và thuận tiện trong việc quản lý.

Điểm đánh giá tiêu chí 5:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	
Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1 điểm
Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1 điểm
Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.	1 điểm
Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	1 điểm
Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1 điểm
Tiêu chuẩn 6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1 điểm

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1 điểm
Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	1 điểm
Tiêu chuẩn 9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	1 điểm
Tiêu chuẩn 10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1 điểm
Tiêu chuẩn 11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1 điểm
Tiêu chuẩn 12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1 điểm

Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập, giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Trường Cao đẳng Việt-Đức Nghệ an có 2 cơ sở đào tạo:

- Cơ sở 1 có trụ sở chính tại số 315 Lê Duẩn, T.P Vinh, Nghệ an với tổng diện tích đất 24.899m²

- Cơ sở 2 đóng tại địa bàn xã Nghi Phú - Thanh Phố Vinh với tổng diện tích là: 11.584.6m² làm sân tập lái xe phục vụ công tác đào tạo sát hạch lái xe. Ngoài ra trường còn liên kết với các trung tâm khác ở các huyện trên địa bàn tỉnh.

Hiện 2 cơ sở này đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (5.1.01- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Cơ sở chính của trường được xây dựng tại số 315 Đường Lê Duẩn, T.P Vinh, Nghệ an. Trường được xây dựng trên mặt bằng ngay giữa trung tâm thành phố, nằm ngay trên quốc lộ 1A được xây dựng trên nền đất tốt, mặt bằng nhà trường so với mặt bằng xung quanh bên ngoài cao ráo nên thuận tiện cho việc đi lại học tập, giảng dạy của HS-SV và giáo viên. Tất cả các công trình xây dựng đều được khảo sát và thiết kế đồng bộ, có quy hoạch cho hệ thống thoát nước tốt do đó tại cơ sở này không bị ngập úng, đảm bảo giao thông bình thường của CBCNV-GV và HSSV (5.1.02- Thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng trường; 5.1.03- Sơ đồ quy hoạch tổng thể nhà trường)

Về hệ thống điện tại cơ sở chính trường đáp ứng nhu cầu hoạt động đào tạo, và sinh hoạt của trường, tại trường có khảo sát và lắp đặt 01 trạm biến áp riêng với công suất 320KVA, đảm bảo cho việc phục vụ truyền tải và phân phối điện năng cho các khu vực và khu vực học tập sinh hoạt (5.1.04- Các hợp đồng cung cấp điện).. Tại các xưởng và các khu vực hoạt động trong trường đều có hệ thống ngắt điện tự động khi có sự cố xảy ra, ngoài ra còn được đầu tư trang bị 01 máy phát điện dự phòng có công suất lớn đảm bảo hoạt động của nhà trường khi mất điện.

Đến nay hệ thống nước sạch đã được cung cấp về trường đáp ứng đầy đủ nhu cầu nước sạch phục vụ sinh hoạt cho HS,SV và CBCNV-GV nhà trường.

Cả 2 cơ sở này đều nằm ngay giữa Trung tâm Thành phố nên cách xa các khu công nghiệp không có nhà máy xí nghiệp, hoặc cơ sở công nghiệp nào, xung quanh chỉ là khu dân cư và các cơ quan nhà nước, đặc biệt nằm đối diện với bộ tư lệnh quân khu 4 hoàn toàn không gây ồn, không thải ra các chất độc hại hay ô nhiễm nguồn nước và không khí, do đó không có ảnh hưởng gì đến quá trình dạy và học .

Trường đều thực hiện nhiệm vụ đào tạo theo hệ thống đào tạo nghề của bộ LĐTB và XH nằm trong quy hoạch chung của mạng lưới đào tạo nghề trên địa bàn và các tỉnh miền trung (1.1.01- Quyết định số 195/QĐ-BLĐTBXH, ngày 31/01/2007 của Bộ trưởng LĐTBXH về việc thành lập Trường cao đẳng nghề kỹ thuật Việt-Đức Nghệ An; 1.1.02- Quyết định số 694/QĐ-LĐTBXH, ngày 18 tháng 05 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc về việc đổi tên Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Việt - Đức Nghệ An thành Trường Cao đẳng Việt - Đức, Nghệ; 5.1.05- Ý kiến của người học, nhà giáo và cán bộ quản lý).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.

Trường Cao đẳng Việt-Đức Nghệ An có diện tích đất 24.899 m² nên quỹ đất trong khuôn viên đáp ứng nhu cầu hoạt động của trường theo quy định.

Ngoài ra trường còn có cơ sở 2 tại xã Nghi Phú, Thành Phố Vinh, Nghệ an với diện tích là 11.548,6m² làm sân tập lái phục vụ công tác đào tạo lái xe. Trường có diện tích đất dự trữ rộng nên Nhà trường đang tiến hành xây dựng thêm xưởng thực hành, phòng học chuyên môn, khu giải trí nhằm đáp ứng ngày càng cao nhu cầu đào tạo phù hợp với chiến lược phát triển và theo quy hoạch của cơ quan có thẩm quyền.(5.1.02 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.)

Mặt bằng tổng thể khuôn viên nhà trường được quy hoạch hợp lý phù hợp với chức năng đào tạo nghề và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc cảnh quan đảm bảo cảnh giới quy hoạch. (5.1.03- Sơ đồ quy hoạch tổng thể trường; 5.2.01-Quyết định phê duyệt mặt bằng quy hoạch tổng thể tỷ lệ 1/500)

Tại quyết định phê duyệt thiết kế thi công về diện tích xây dựng, qua tính toán cho thấy mật độ xây dựng công trình hiện nay là: 39%, với số liệu này thì mật độ xây dựng công trình của nhà trường đạt tiêu chuẩn theo quy định .

Trong thiết kế của hai cơ sở cũng chú trọng đến việc bố trí các mảng cây xanh, sân bãi, hạ tầng kỹ thuật để tạo cảnh quan cho khuôn viên trường là 61,00% đảm bảo tiêu chuẩn cây xanh bóng mát là 35%. Việc chăm sóc vườn hoa cây cảnh, sân trường được duy trì thường xuyên qua việc cắt cử hai nhân viên Phòng hành chính chuyên chăm sóc cây xanh trong toàn trường, đồng thời nhà trường tiếp tục kế hoạch trồng cây xanh tạo cảnh quan nhiều hơn nữa cho các khu vực mới xây dựng

Trường có đủ các khối công trình phục vụ nhu cầu đào tạo và các hoạt động của trường, được phân thành 03 khu chức năng: Khu A: Khu hiệu bộ - Giảng đường lớp học lý thuyết; Khu B: Khu xưởng thực hành - Bãi tập xe máy; Khu C: Khu ký túc xá HS,SV - Khu giáo dục thể chất. Với diện tích sử dụng cho các khu chức năng cụ thể như sau: (5.1.15- Sơ đồ mặt bằng quy hoạch tổng thể trường; 5.2.01 - Báo cáo kê khai về tài sản trụ sở làm việc; 5.2.02 - Thiết kế sơ bộ quy hoạch tổng thể trường năm 2015-2020; 5.2.03 - Quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu, kết quả đấu thầu, quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật Nhà xưởng thực hành nghề KTXD)

Diện tích hạng mục và công trình sử dụng như sau:

TT	Hạng mục, công trình	Số tầng	Diện tích xây dựng (m²)	Tổng DT sàn xây dựng (m²)
1	Nhà hiệu bộ	3	739	2.217
2	Ký túc xá	5	768	3.840
3	Nhà xưởng 4 tầng (điện + CN ô tô-)	4	800	3.200
4	Giảng đường (2 nhà 4 tầng)	4	1493	5.972
5	Hội trường		650	
6	Nhà học TH cơ khí + Kho VT	1	1834	1.834
7	Xưởng sửa chữa khoa CN ô tô	1	648	648
8	Nhà xưởng nghề XD	4	543	2.172

9	Sân tập lái nghi phú	1	11.585	11.585
10	Công trình khác (<i>mương máng, sân bãi, khuôn viên...</i>)		15.920	15.920
11	Ga ra	1	944.7	944.7
12	Nhà giáo dục thể chất	1	300	300
13	Nhà thường trực khu hành chính	2	259	518

Các khối công trình, vật kiến trúc phục vụ nhu cầu đào tạo trên đây được thể hiện qua bộ hồ sơ hoàn công và bản thống kê tổng hợp về diện tích xây dựng các công trình (5.2.04-Bộ hồ sơ hoàn công các khối công trình của trường; 5.2.05- Báo cáo kê khai trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; 5.1.05- Ý kiến của người học, nhà giáo và cán bộ quản lý).

Với việc bố trí như trên đảm bảo cách xa tiếng ồn giữa khu vực thực hành với khu vực lý thuyết cũng như đảm bảo về mặt quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc, cảnh quan.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

Cùng với sự mở rộng quy mô đào tạo, Nhà trường có đủ số phòng học, giảng đường, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Trường có phòng học lý thuyết, phòng học tiếng, phòng thực hành máy tính, xưởng thực hành, hệ thống phòng học giảng đường lớn, xưởng thực hành thí nghiệm đáp ứng ngành đào tạo, giảng viên và người học hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, ngoài ra chưa kể đến 02 sân bóng chuyên, cầu lông; nhà thi đấu; sân tập lái xe ô tô, ký túc xá, căng tin...).

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của nhà trường đảm bảo được các hoạt động dạy nghề, thực hành, thực nghiệm trong nhà trường. Nhà trường được xây dựng kiên cố chắc chắn (các dãy nhà phòng học lý thuyết, xưởng điện tử, ký túc xá được xây dựng theo tiêu chuẩn nhà cấp 2, các xưởng thực hành và nhà đa chức năng xây dựng theo tiêu chuẩn nhà cấp 3), đáp ứng nhu cầu thực hành của các Khoa cũng như đầu tư các trang thiết bị mới cho đào tạo các nghề, các công trình thực hiện theo đúng hồ sơ thiết kế. (5.1.02- Thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng trường; 5.1.03- Sơ đồ mặt bằng quy hoạch tổng thể nhà trường; 5.2.01- Quyết định phê duyệt mặt bằng quy hoạch tổng thể 1/500)

Các công trình được lắp đặt đầy đủ hệ thống điện nước đảm bảo tiêu chuẩn về chiếu sáng, với hệ thống quạt thông gió đảm bảo điều kiện thoáng mát đảm bảo phục vụ tốt việc học tập và giảng dạy, trường có các công trình, cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác đào tạo nghề, bao gồm:

- Khu vực hành chính (khu Hiệu bộ) tầng 1, tầng 2 là bao gồm Ban giám hiệu, các phòng chức năng, các phòng họp, và tầng 3 là khu vực giảng đường.

- Khu vực học tập:

+Hệ thống phòng học lý thuyết của trường là: 22 phòng với diện tích.

+Hệ thống xưởng thực hành gồm 40 xưởng

+Phòng thực hành tin học: 3 phòng

+Phòng thí nghiệm, 01 phòng

+Hội trường có sức chứa 750 ghế ngồi

+Hệ thống sân bãi phục vụ sinh hoạt thể dục thể thao.

+ Sân tập lái xe ô tô cùng hình tập, theo tiêu chuẩn giao thông quốc gia.

+ Nhà thường trực được xây dựng 2 tầng: gồm căng tin và văn phòng khoa đào tạo lái xe.

+ Ký túc xá, thư viện đầy đủ phục vụ nhu cầu sinh hoạt và học tập của học sinh.

Theo nhiệm vụ chức năng của từng đơn vị trong trường mà các công trình được xây dựng và khai thác sử dụng đúng công năng. Mỗi cá nhân phải tự trách nhiệm trước đơn vị về công tác quản lý khai thác sử dụng và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các công trình hoặc thiết bị được giao. Trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm trước ban giám hiệu về các công trình, thiết bị, tài sản mà đơn vị mình quản lý.

Trong xưởng thực hành, phòng thực hành đều có nội quy, quy định việc thực hiện, quy trình vận hành thiết bị, máy móc (5.3.1-Quy định quản lý và nội quy phòng thực hành, xưởng thực hành máy móc thiết bị; 5.1.05- Ý kiến của người học, nhà giáo và cán bộ quản lý)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5:1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Trường CĐ Việt Đức Nghệ an có hệ thống hạ tầng kỹ thuật bảo đảm đáp ứng nhu cầu làm việc và các hoạt động dạy nghề, thực nghiệm, thực hành.

Trường có hệ thống đường giao thông nội bộ rộng rãi, hai bên đường được trồng cây xanh để tạo bóng mát và cảnh quan môi trường, dọc hai bên đường được trang bị hệ thống chiếu sáng để bảo vệ là đèn cao áp, hệ thống giao thông nội bộ đảm bảo an toàn hợp lý trong việc vận chuyển và đi lại. (5.1.02- Thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng trường; 5.1.03- Sơ đồ mặt bằng quy hoạch tổng thể nhà trường; 5.2.01- Quyết định phê duyệt mặt bằng quy hoạch tổng thể 1/500; 5.4.01- Hồ sơ quyết toán hoàn thành công trình nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành các hạng mục nâng cấp cải tạo, làm mới trong khuôn viên trường.)

Nhà trường có đầy đủ các hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, đường nội bộ, sân vui chơi, nhà giữ xe, căng tin, các nhà xưởng thực hành.

Hệ thống đường giao thông nội bộ thuận tiện được rải thảm nhựa sạch để đi đến các xưởng và đường nội bộ khuôn viên trong nhà trường, bên hông nhà trường đường dẫn vào cổng sau của trường và ký túc xá được đổ bê tông bề rộng mặt đường 4,60m.

Hệ thống điện đáp ứng nhu cầu hoạt động đào tạo, và sinh hoạt của trường, Tại trường có đặt trạm biến áp riêng với công suất 320KVA đảm bảo cho việc phục vụ truyền tải và phân phối điện năng cho các khu vực xưởng và khu vực học tập sinh hoạt (So với nhu cầu sử dụng điện thực tế hiện nay của nhà trường khoảng 120KVA). Tại các xưởng và các khu vực hoạt động trong trường đều có hệ thống ngắt điện bảo vệ tự động khi có sự cố xảy ra. Ngoài ra nhà trường còn có một máy phát điện dự phòng với công suất 50 KVA để đảm bảo cho hoạt động của nhà trường khi mất điện.(5.1.04 - Các hợp đồng cung cấp điện)

Hệ thống cấp nước sạch sinh hoạt cho toàn trường và ký túc xá cho sinh viên, với hệ thống nước sạch cung cấp từ nhà máy nước Nghệ an đã thỏa mãn nhu cầu nước sinh hoạt trong toàn trường. Cùng với hệ thống cấp nước là hệ thống thoát nước được quy hoạch đảm bảo vệ sinh môi trường. (5.4.02- Hóa đơn thanh toán tiền điện, tiền nước)

Các phòng học, xưởng thực hành, ... đều có hệ thống thông gió và được trang bị các thiết bị phòng chống cháy nổ theo quy định an toàn PCCC, toàn bộ được trang bị các thiết bị chữa cháy tại chỗ như các bình CO₂, hệ thống bơm và vòi rồng có công suất lớn. (5.4.03- Biên bản kiểm tra về công tác an toàn và phòng cháy chữa cháy của cơ quan công an 2016,2017,2018; 5.4.04-Báo cáo công tác phòng cháy chữa cháy của Trường hàng năm 2016,2017,2018)

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được phân công rõ ràng theo từng đơn vị phòng, khoa, Trung tâm quản lý. Các công trình xây dựng, các thiết bị tài sản thường xuyên được kiểm tra bảo dưỡng, sửa chữa hoặc nâng cấp nhằm đảm bảo tốt nhất các điều kiện phục vụ công tác đào tạo và các hoạt động khác trong nhà trường (5.4.05- Quy định về sử dụng, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ; 5.4.06-Bản vẽ hoàn công sửa chữa cải tạo các hạng mục hàng năm;5.4.07- Hợp đồng, nghiệm thu sửa chữa nâng cấp các hạng mục hàng năm; 5.4.08- Báo cáo tổng kết hàng năm của trường; 5.4.09- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền đánh giá đối với hệ thống xử lý nước thải, chất thải; 5.1.06- Ý kiến của người học, nhà giáo và cán bộ quản lý)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.

Trường có phòng học lý thuyết, phòng học tiếng, phòng thực hành máy tính, xưởng thực hành , hệ thống phòng học giảng đường lớn, xưởng thực hành thí nghiệm đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo

TT	Tên xưởng	Số phòng xưởng thực hành
----	-----------	--------------------------

1	Xưởng Điện CN, Điện lạnh	11
2	Xưởng Cơ khí	8
3	Xưởng CN ô tô	9
4	Xưởng Xây dựng	9
5	Đào tạo lái xe	3
6	Phòng học tin học	3
7	Phòng thí nghiệm	1

So với lưu lượng học sinh hiện nay là 1800 học sinh thì hệ thống các phòng học, xưởng thực hành và các phòng sử dụng chung đáp ứng được các hoạt động đào tạo của trường.

Hệ thống các phòng lý thuyết và xưởng thực hành được bố trí riêng biệt, đảm bảo ngăn cách, không bị ảnh hưởng tiếng ồn giữa khu vực lý thuyết và thực hành, các công trình có quy chuẩn kết cấu, kiến trúc và nội thất đảm bảo các yêu cầu về an toàn, hệ thống chiếu sáng và thông gió đủ và đúng quy chuẩn. Hệ thống các phòng học lý thuyết được xây dựng thoáng mát, thông gió tốt, bố trí các cửa sổ đảm bảo lấy được ánh sáng tối đa, âm áp về mùa đông thoáng mát về mùa hè, thể hiện qua hồ sơ thiết kế các công trình của nhà trường. Nhà trường có đường giao thông nội bộ thuận tiện, các xưởng bố trí sơ đồ trang thiết bị hợp lý đảm bảo cho việc vận chuyển, lắp đặt và vận hành các thiết bị. Xưởng thực hành có bố trí đèn, quạt đảm bảo thông thoáng và đầy đủ ánh sáng để học sinh thực hành, thực tập. (5.5.01- Bộ hồ sơ hoàn công các khối công trình của trường; 5.5.02- Báo cáo kê khai trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp).

Các công trình được thực hiện theo đúng hồ sơ thiết kế, các công trình được lắp đặt đầy đủ hệ thống điện, nước đảm bảo tiêu chuẩn về chiếu sáng, với hệ thống quạt thông gió đảm bảo điều kiện thoáng mát, đã có nhiều phòng được trang bị máy điều hòa đảm bảo phục vụ tốt việc học tập và giảng dạy.

Trong các xưởng thực hành đều được trang bị các máy móc, thiết bị phục vụ nhu cầu đào tạo cho học sinh, sinh viên. Các khoa chuyên môn đều có nội quy quy định việc thực hành tại xưởng, quy trình vận hành thiết bị, máy móc, sổ theo dõi của giáo viên lên lớp được phòng khảo thí lưu giữ, các xưởng, các trang thiết bị được bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ đảm bảo hoạt động bình thường và tổ chức hướng dẫn thực hành theo từng chủng loại, và tính chất đào tạo của từng nghề. Các xưởng thực hành được thiết kế và bố trí hợp lý mang tính thẩm mỹ nghề nghiệp và sư phạm. Các khu thực hành được lắp đặt biển báo về an toàn, có hệ thống thông gió, ánh sáng đầy đủ, an toàn và vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong quá trình lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng trang thiết bị, dụng cụ trong xưởng thực hành. (5.5.03- Biên bản nghiệm thu bàn giao danh mục mua sắm thiết bị đào tạo đã được các khoa kí nhận qua các năm)

Theo nhiệm vụ chức năng của từng đơn vị trong trường mà các công trình được xây dựng và khai thác sử dụng đúng công năng. Mỗi cá nhân phải chịu trách nhiệm trước đơn vị về công tác quản lý khai thác sử dụng và bảo trì, bảo dưỡng định kì các công trình hoặc thiết bị được giao. Khu vực học tập và sinh hoạt vui chơi đều riêng

biệt, có đội ngũ bảo vệ, quản lý thường xuyên kiểm tra các lớp sau giờ học và có nhân viên vệ sinh hàng ngày đảm bảo vệ sinh các khu vực. (5.1.06- Ý kiến của người học, nhà giáo và cán bộ quản lý; 5.5.04- Báo cáo văn bản của trường đánh giá về mức độ đáp ứng về số lượng phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa cho các chương trình đào tạo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.

Trong các xưởng thực hành chuyên môn đều có nội quy quy định việc thực hành tại xưởng, quy trình vận hành thiết bị, máy móc, sổ bàn giao các ca thực tập tại các xưởng, các trang thiết bị được bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ đảm bảo hoạt động bình thường và tổ chức hướng dẫn thực hành theo từng chủng loại, và tính chất đào tạo của từng nghề. Các xưởng thực hành được thiết kế và bố trí hợp lý mang tính thẩm mỹ nghề nghiệp và sư phạm. Các khu thực hành được lắp đặt biển báo về an toàn, có hệ thống thông gió, ánh sáng đầy đủ, an toàn và vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong quá trình lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng trang thiết bị, dụng cụ trong xưởng thực hành

Tất cả các trang thiết bị đều có hồ sơ xuất xứ, nơi, năm sản xuất, nhà sản xuất rất rõ ràng, thể hiện trong các biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng. (5.5.03- Biên bản nghiệm thu bàn giao danh mục mua sắm thiết bị đào tạo đã được các khoa ký nhận qua các năm; 5.6.01- Quy trình bảo trì thiết bị các xưởng thực hành trong toàn trường).

Để quản lý thiết bị của các khoa trong toàn trường thì khi mua thiết bị bàn giao về cho các khoa ký nhận, đều có sổ sách theo dõi, các khoa tự quản lý và bảo dưỡng chịu trách nhiệm mất mát hư hỏng và cuối năm sẽ kiểm kê từng khoa về số lượng còn hay không và tự chịu trách nhiệm ký vào biên bản kiểm kê cuối năm. Bên cạnh đó khi mua về có biên bản bàn giao thiết bị giữa nhà trường và trưởng phòng các khoa ký nhận.

Theo sự phân cấp quản lý và định mức tài chính của nhà trường cho công tác bảo dưỡng, việc bảo dưỡng thường xuyên do đơn vị sử dụng trang thiết bị thực hiện nhằm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật khi vận hành và đảm bảo tính đồng bộ đối với trang thiết bị. Các khoa kết hợp với phòng kế hoạch kiểm tra các trang thiết bị của các phòng học, nhà xưởng, các hệ thống điện nước để kịp thời phát hiện ra hư hỏng và sửa chữa. Ngoài công tác bảo dưỡng thường xuyên, hàng năm vào dịp nghỉ hè các khoa đều có kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng gia cố các hư hỏng. (5.6.02- Đề nghị sửa chữa bảo dưỡng máy móc thiết bị trong dịp nghỉ hè của các khoa; 5.6.03- Hồ sơ quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị hàng năm.)

Trong năm học 2018-2019, cũng như đề án phát triển nhà trường giai đoạn 2017-2020, nhà trường có kế hoạch mua sắm các trang thiết bị dạy nghề từ các nguồn vốn địa phương và trung ương đồng thời, sắp xếp và phân bổ lại trang thiết bị phù hợp với từng ngành nghề đào tạo theo nhu cầu.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.

Tổng thể mặt bằng khu thực hành được trang bị hệ thống chiếu sáng, thiết bị phục vụ công tác giảng dạy như: máy chiếu, máy tính, ti vi màn hình lớn; bố trí các mảng cây xanh đảm bảo tính thẩm mỹ trong môi trường sư phạm. Việc vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong quá trình lắp đặt, vận hành trang thiết bị, dụng cụ thực hành được tiến hành sau mỗi buổi học. Việc bố trí thiết bị tại các xưởng, phòng học chuyên môn được nghiên cứu và lắp đặt đảm bảo tính an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành và bảo dưỡng phù hợp với môi trường công nghiệp

Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo của nhà trường đã được đầu tư đồng bộ, khang trang hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu học tập và NCKH. Cơ sở vật chất của nhà trường đảm bảo đủ tiêu chuẩn quy định. Theo nhiệm vụ chức năng của từng đơn vị trong trường mà các công trình được xây dựng và khai thác sử dụng đúng công năng. Mỗi cá nhân phải chịu trách nhiệm về công tác quản lý khai thác sử dụng và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các công trình hoặc thiết bị được giao. Trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm trước Ban giám hiệu về các công trình, thiết bị, tài sản mà đơn vị mình quản lý (5.3.1- Quy định quản lý và nội quy phòng thực hành, xưởng thực hành máy móc thiết bị; 5.7.01- Báo cáo về sử dụng phòng học, giảng đường, Thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa; 5.1.06- Ý kiến của người học, nhà giáo và cán bộ quản lý)

Trong xưởng thực tập từng vị trí, phòng học thực hành đều có nội quy quy định việc thực hiện, quy trình vận hành thiết bị, máy móc

Các công trình đảm bảo đúng quy chuẩn xây dựng, hệ thống các phòng học lý thuyết và các xưởng thực hành được bố trí riêng biệt, đảm bảo ngăn cách, không bị ảnh hưởng tiếng ồn giữa khu vực lý thuyết và thực hành, các công trình có quy chuẩn kết cấu, kiến trúc và nội thất đảm bảo các yêu cầu về an toàn, hệ thống chiếu sáng và thông gió đủ và đúng quy chuẩn cụ thể hiện qua hồ sơ thiết kế các công trình của nhà trường. Nhà trường có đường giao thông nội bộ thuận tiện, các xưởng bố trí sơ đồ trang thiết bị hợp lý đảm bảo cho việc vận chuyển, lắp đặt và vận hành các thiết bị. Hệ thống các phòng học lý thuyết được xây dựng thoáng mát, thông gió tốt, bố trí các cửa sổ đảm bảo lấy được ánh sáng tự nhiên tối đa.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.

Các trang thiết bị hiện có của nhà trường đảm bảo chất lượng, phù hợp với công nghệ sản xuất, phù hợp với các ngành nghề đào tạo trong giai đoạn hiện nay. Thiết bị máy móc, dụng cụ, phục vụ các hoạt động giảng dạy thực hành đáp ứng đúng về chủng loại, công năng, thông số kỹ thuật, mỹ thuật và đảm bảo các yêu cầu về sức khỏe, vệ sinh an toàn. (5.5.03- *Hợp đồng mua sắm thiết bị, biên bản nghiệm thu danh mục mua sắm thiết bị đào tạo đã được các khoa kí nhận qua các năm*).

Trong chương trình đào tạo của Trường theo từng Modul/môn học các danh mục thiết bị đào tạo được trang bị tương đối đầy đủ, những trang thiết bị được trang bị so với khu vực và trên thế giới chưa đáp ứng được; chưa có bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị hiện có của Trường với danh mục đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động TBXH đề làm cơ sở so sánh và đề xuất được trang thiết bị thêm phục vụ công tác đào tạo (5.8.01- *Bảng so sánh, đối chiếu danh mục TB đào tạo hiện có của trường với danh mục TB đào tạo tối thiểu được xác định trong chương trình đào tạo*; 5.8.02- *Bảng so sánh, đối chiếu danh mục TBĐT hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong chương trình đào tạo (Trường hợp Bộ Lao Động- Thương binh và Xã hội chưa ban hành quy định về danh mục đào tạo tối thiểu*; 5.8.03- *Biên bản thanh, kiểm tra về thiết bị đào tạo của sở LDTB &XH*).

Phòng Kế hoạch kết hợp phòng TCHC được giao nhiệm vụ quản lý toàn bộ cơ sở vật chất của trường, điều chuyển tài sản cho phù hợp với từng khoa, phòng, nhằm khai thác tối đa tài sản mà trường hiện có; hàng ngày phòng TCHC , phòng kế hoạch thường xuyên kiểm tra theo dõi tất cả các nhà cửa, vật kiến trúc toàn trường, trước mùa mưa bảo tổ chức cắt tỉa cành cây gần các công trình nhằm phòng chống bão lụt có thể xảy ra và làm đẹp thêm cảnh quan môi trường sư phạm; hàng năm tiến hành kiểm kê tài sản toàn Trường, báo cáo hội đồng kiểm kê Nhà trường về công tác quản lý theo dõi tài sản cố định(5.8.04- *Báo cáo theo dõi tài sản cố định hàng năm*).

Có sổ sách thống kê số lượng người học tại mỗi lớp học lý thuyết và thực hành của các Modul/môn học trong chương trình đào tạo. Có thời khóa biểu cho cả năm học và thời khóa biểu cho từng tuần thể hiện việc bố trí xưởng, phòng học theo thời khóa biểu của Trường; thời khóa biểu gửi tới các phòng, khoa, trung tâm và ở bảng thông báo văn phòng khoa.

Các trang thiết bị mới đầu tư đều được các khoa nghiên cứu, chọn lọc và đề xuất về chủng loại, số lượng. Việc tổ chức đấu thầu được thực hiện đúng theo quy định về đấu thầu mua sắm tài sản. Quá trình nghiệm thu được thực hiện nghiêm túc, kỷ lưỡng bởi bộ phận kỹ thuật và cơ quan quản lý

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

Các phương tiện máy móc và các trang thiết bị, dụng cụ phục vụ thực hành được bố trí hợp lý từng khu vực theo từng nghề, từng nội dung đào tạo. Vị trí bố trí, lắp đặt phương tiện, thiết bị đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc vận hành, bảo dưỡng

và tổ chức hướng dẫn thực hành theo lớp, theo nhóm và theo từng cá nhân. Trang thiết bị, vật tư trong xưởng tại trường được sắp xếp đảm bảo các yêu cầu về mỹ thuật công nghiệp, mang tính thẩm mỹ nghề nghiệp của từng nghề phù hợp trong môi trường sư phạm và mang tính học tập, thực hành sư phạm. Các thiết bị nặng được bố trí cố định, các thiết bị rời di chuyển được để vào các vị trí thuận lợi để dễ di chuyển, dễ lấy; các khối thiết bị được sắp xếp theo nguyên tắc cao thấp, dài ngắn để có tầm nhìn trong không gian.

Trong quá trình học tập và giảng dạy tại xưởng thực hành, công tác đảm bảo an toàn khi thực tập và vệ sinh công nghiệp khi học tập, đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình lắp đặt, vận hành bảo dưỡng trang thiết bị dụng cụ trong xưởng thực hành đều được chú trọng và tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng quy định nội quy của xưởng thực hành (5.9.01- Hình ảnh bố trí thiết bị tại các khu xưởng thực hành; 5.9.02- Hồ sơ thiết kế; hồ sơ quản lý các thiết bị dụng cụ).

Trang thiết bị, dụng cụ tại xưởng thực hành được bố trí hợp lý, khoa học, đảm bảo không gian an toàn, vị trí kết nối máy móc thiết bị với các nguồn điện, nguồn nước an toàn và thuận tiện trong việc vận hành thiết bị. Đảm bảo an toàn tuyệt đối, dễ dàng cho việc đi lại, bảo hành và bảo dưỡng. (các xưởng thực hành trong đó có các phòng học thực hành, được thiết kế, lắp đặt đã đảm bảo các tiêu chuẩn quy định về mỹ thuật công nghiệp, thẩm mỹ nghề nghiệp và sư phạm; an toàn và vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. Để đảm bảo vệ sinh chung trường có nhân viên thực hiện vệ sinh hàng ngày, đồng thời nhà trường còn phân công lao động vệ sinh về các lớp thực hiện đảm bảo môi trường học tập vệ sinh sạch sẽ. (5.9.03- Văn bản của trường hoặc cơ quan chức năng đánh giá về sự an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng các thiết bị, dụng cụ.)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 5: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

Nhà trường có đủ kho bảo quản, lưu giữ vật tư, thiết bị cho trường, và có nhân viên phụ trách việc bảo quản và lưu giữ kho. Kho lưu trữ thiết bị đào tạo của nhà trường được bố trí trong khu nhà làm việc. Các hội trường và giảng đường có đầy đủ thiết bị phục vụ cho học tập và các hoạt động ngoại khóa. Kho chứa vật tư, thiết bị riêng cho mỗi khoa được bố trí ngay trong các phòng thực hành nên rất thuận tiện cho việc thường xuyên kiểm tra, bảo quản, phòng chống mất mát thiết bị, vật tư, hàng hoá, đảm bảo các điều kiện như tránh mưa, nắng, có đầy đủ ánh sáng, chống ẩm mốc, bảo vệ cẩn thận. Tại các phòng thực hành, xưởng thực hành đều có kho bảo quản vật tư thiết bị riêng cho mỗi khoa.

Định kỳ các khoa tổng hợp, thống kê báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, bảo quản cơ sở vật chất. Trong báo cáo ấy có chỉ rõ những ưu điểm, tồn tại và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất của Nhà trường Hàng năm nhà trường thực hiện kế hoạch tổng kiểm kê tài sản, trang thiết bị, đánh giá mức độ % còn sử

dụng, phân loại, thanh lý những thiết bị cũ, hư hỏng, lạc hậu không còn phù hợp cho công tác đào tạo của nhà trường.(5.10.01- Quy định của trường về quản lý, sử dụng bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị)

Đồng thời, để tăng cường công tác quản lý và bảo quản trang thiết bị nhằm nâng cao chất lượng trong công tác đào tạo, hiện nay Nhà trường quy định về công tác bảo quản, sửa chữa thiết bị và đồ dùng dạy học, cơ sở vật chất kỹ thuật tại các xưởng khoa nghề. Trường Khoa phải chủ động lập kế hoạch bảo dưỡng thiết bị thông qua phòng Kế hoạch tham mưu Ban giám hiệu trường những nội dung công việc cần bảo dưỡng theo định kỳ. Thiết bị đào tạo do bảo quản, sử dụng không đúng kỹ thuật để thiết bị xuống cấp nghiêm trọng không đúng định mức hao mòn theo quy định của Nhà nước thì hội đồng thi đua khen thưởng căn cứ giá trị tài sản để đánh giá bình xét hàng năm.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 5: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.

Tất cả các trang thiết bị khi mua về đều có hồ sơ ghi rõ xuất xứ, nơi sản xuất, mới 100% hay bao nhiêu %; năm sản xuất và công năng của nó mục đích sử dụng (5.5.03- Hợp đồng mua sắm thiết bị, biên bản nghiệm thu danh mục mua sắm thiết bị đào tạo đã được các khoa kí nhận qua các năm).

Hệ thống quản lý trang thiết bị tại trường được thực hiện theo quy định quản lý và sử dụng tài sản, vật tư thiết bị, trong đó quy định rõ phân loại tài sản, quy mô tài sản, quy trình quản lý tài sản từ khi đề xuất mua bán, giao nhận, sử dụng thanh lý thu hồi. Các đơn vị thực hiện việc thu nhận và cấp phát vật tư, hàng hóa từ phòng kế hoạch, phòng tài vụ, có sổ theo dõi, giám sát của cán bộ phụ trách, khi xuất thiết bị vật tư thực hành đều có sổ theo dõi quản lý. Hàng năm nhà trường đều có báo cáo đánh giá việc cấp phát, thu nhận trang thiết bị và tiến hành tổng kiểm kê tài sản, trang thiết bị, đánh giá phân loại và thanh lý những thiết bị cũ hỏng. Lập kế hoạch mua sắm thiết bị đồ dùng bổ sung.(5.11.01- Biên bản thanh lý tài sản các năm, 5.11.02- Biên bản họp hội đồng mua thiết bị của các khoa đề xuất)

Các thiết bị được sử dụng đúng công năng có cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra, vệ sinh các thiết bị sau mỗi giờ thực hành. Các thiết bị thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa hoặc nâng cấp nhằm đảm bảo tốt nhất các điều kiện phục vụ công tác đào tạo và các hoạt động khác trong nhà trường. (5.11.03- Văn bản đánh giá về việc sử dụng, quản lý, bảo trì bảo dưỡng thiết bị hàng năm)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 5: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.

Vào mỗi đầu năm học, dựa trên quy mô học sinh, sinh viên của Khoa, các khoa gửi danh sách đề nghị vật tư trong năm học để chuẩn bị cho sinh viên học thực hành, căn cứ số lượng học sinh và modul của từng môn học mà trưởng khoa sẽ gửi tiến độ đào tạo về phòng đào tạo duyệt, gửi về các phòng chức năng và ban giám huyện duyệt để mua vật tư nhập kho xuất cho khoa để hướng dẫn học sinh thực hành. (5.12.01- *Văn bản quy định của trường về định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức Kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo*)

Hệ thống trang thiết bị hàng hóa, vật liệu tại trường được thực hiện theo quy định quản lý và sử dụng tài sản, vật tư, thiết bị, trong đó quy định rõ phân loại tài sản, quy mô tài sản, quy trình quản lý tài sản từ khi đề xuất, mua bán, giao nhận sử dụng và thu hồi, thanh lý. Các đơn vị thực hiện việc thu nhận và cấp phát vật tư, hàng hóa từ Ban giám hiệu đến phòng Kế hoạch (kho vật tư), Tài vụ cuối cùng là người sử dụng theo một quy trình chặt chẽ. Hàng năm, nhà trường đều có báo cáo đánh giá việc cấp phát, thu nhận trang thiết bị hàng hóa, vật tư, tiến hành tổng kiểm kê tài sản, trang thiết bị, đánh giá phân loại và thanh lý những thiết bị cũ, hỏng, lạc hậu, lập kế hoạch mua sắm vật tư, thiết bị đồ dùng dạy học bổ sung . (5.12.02- *Văn bản của trường về quản lý, cấp phát , sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; 5.12.03 - Hệ thống sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát sử dụng vật tư phục vụ đào tạo; 5.12.04- Các đề xuất nhu cầu vật tư phục vụ đào tạo theo từng học kỳ, năm học của các khoa nghề học kỳ từng năm*)

Hệ thống kho lưu giữ bảo quản vật tư của trường gồm kho chung cho toàn trường và các kho nhỏ lẻ được quản lý trực tiếp tại các đơn vị phòng, khoa. Các kho chung được bố trí xây dựng hợp lý về vị trí đảm bảo an toàn và tiện lợi.

Hệ thống kho lưu giữ bảo quản vật tư của trường gồm kho chung cho toàn trường và các kho nhỏ lẻ được quản lý trực tiếp tại các xưởng thực hành của các khoa nghề. Các kho nhỏ lẻ của các khoa khi nhận vật tư từ thủ kho về để tiện cấp phát cho giáo viên của khoa khi lên lớp. Các kho nhỏ lẻ do các phòng ban, đơn vị trực tiếp quản lý chỉ có chức năng lưu giữ bảo quản mà không có chức năng cấp phát như: Kho lưu trữ tài liệu liên quan đến công tác đào tạo do phòng đào tạo quản lý; kho lưu giữ các loại giấy tờ chung của toàn trường (kho hồ sơ lưu trữ) do phòng TCHC quản lý; Kho lưu trữ tài liệu, hồ sơ liên quan đến công tác đào tạo và sát hạch lái xe do Khoa đào tạo lái xe quản lý. (5.12.05- *Văn bản tài liệu thể hiện công tác quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ chương trình đào tạo*)

Hàng năm, các khoa nghề trong trường đều có đề xuất nhu cầu vật tư của khoa mình dựa trên phòng đào tạo duyệt theo từng modul học, số lượng học sinh theo từng học kỳ của năm học, theo từng nghề, dựa trên định mức tiêu hao vật tư (5.12.06- *Văn bản tài liệu thể hiện đúng định mức tiêu hao vật tư / định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo*). Qua đó, mỗi khoa được cấp vật tư theo từng học kì. Việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư của nhà trường được phản ánh trên các sổ sách vật tư. (5.1.06- *Ý kiến của người học, nhà giáo và cán bộ quản lý*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 5: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.

Hiện nay hệ thống thư viện của trường được đầu tư mở rộng với tổng diện tích là 532,8 m². Trong đó sử dụng cho bộ phận lưu trữ kho sách thư viện và tra cứu tài liệu là 01 phòng với diện tích là 172,8 m². 05 phòng đọc với tổng diện tích 360 m². Năm học (2016 - 2017) thư viện được tăng thêm 01 phòng diện tích 68 m² (5.13.01- Báo cáo tổng hợp diện tích các phòng thư viện).

Trong các phòng đọc đều có đủ bàn ghế, đèn chiếu sáng, quạt điện, không khí thoáng mát phục vụ bạn đọc. Tại phòng đọc chính số 01 có 10 máy tính nối mạng Internet và tại tất cả các phòng đều có kết nối mạng Internet không dây, tại phòng đọc số 1 còn được trang bị các trang thiết bị phục vụ quản lý thư viện như: tủ đựng hồ sơ và giấy tờ văn bản, giá sách, tủ trưng bày sách báo, tủ mục đích để bạn đọc tra cứu.

Cùng với 02 máy tính tra cứu tài liệu, được chia quyền truy cập nguồn tài nguyên thư viện của trường bạn trên phần mềm đã cài đặt sẵn. Hiện tại, thư viện nhà trường có **1292** đầu sách với tổng số **29839** quyền. Các loại giáo trình có trong thư viện chủ yếu là sách kỹ thuật và các loại sách như sau: Sách dự án, giáo trình nội bộ của các giáo viên nhập kho thư viện: 78 (đầu sách) với 250 (quyền sách).

- + Sách tổng loại: 120 (đầu sách)
- + Sách kỹ thuật: 851 (đầu sách)
- + Sách Tin học: 45 (Đầu sách)
- + Tiếng Anh: 20 (Đầu Sách)
- + Y học, Y tế : 01 (Đầu sách)
- + Quản lý Giáo dục, Phương pháp dạy học: 30 (Đầu sách)
- + Sách về xã hội, chính trị, kinh tế nhà nước và pháp luật : 85 (Đầu Sách)
- + Tâm lý học, Logic học : 25 (đầu sách)
- + Sách khoa học tự nhiên và toán học: 60 (đầu sách)
- + Sách truyện: 55 (Đầu sách)

Như vậy nếu chia trung bình đầu sách/số lượng sách là: 29839/1292 thì mỗi đầu sách trong thư viện có trung bình 23 quyền (hay còn gọi là bản in);); (5.13.02 Danh mục sách thư viện cũ; 5.13.03- Danh mục sách Thư viện năm học 2017 - 2018; 5.13.04- Báo cáo tổng quát giáo trình Nghệ An - Báo cáo tổng quát sách Tham Khảo Nghệ An; 5.13.05 - Các phiếu xuất kho về sách và các trang thiết bị thư viện các năm; 5.13.06 - Bảng Kiểm Kế tài sản và một số dụng cụ phòng thư viện năm 2017).

Hiện nay trong kho sách thư viện trường số lượng giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo trình nội bộ đã được phê duyệt, giáo trình liên kết đào tạo, giáo trình tài liệu của dự án, giáo trình các lần nhập kho thư viện thì mỗi đầu sách đều có số lượng ít nhất từ 05 bản in trở lên, đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên và HS-SV toàn trường.

Tuy đã được quan tâm đầu tư mua sắm nhưng số lượng đầu sách, các tài liệu chuyên ngành và sách tham khảo chưa được phong phú. Số lượng các đầu báo, và tài

liệu tham khảo của nước ngoài còn ít. Diện tích phòng đọc và tra cứu tuy được mở rộng nhưng còn thiếu cán bộ quản lý thư viện.

Thời gian tới nhà trường tuyển thêm cán bộ thư viện để quản lý và hướng dẫn ở phòng tra cứu máy tính, và phòng đọc tài liệu. Đầu tư mua bổ sung số lượng sách mới hàng năm, tăng cường thêm các đầu sách ngoại ngữ chuyên ngành, và các giáo trình chuyên ngành kỹ thuật của nhà xuất bản LĐXH, sách tham khảo kỹ thuật, và các đầu sách liên quan đến sự phạm dạy nghề tâm lý và giáo dục học nghề nghiệp, công nghệ dạy học, phương pháp dạy học thực hành... để nhằm đẩy tăng thêm số lượng bản in trên một đầu sách, đáp ứng cho giáo viên và học sinh có được tài liệu hàng ngày, phục vụ tốt cho hoạt động dạy và học đạt hiệu quả cao.

Năm học 2018 - 2019, trường đang có kế hoạch liên hệ với nhà xuất bản LĐXH đặt mua bổ sung tăng thêm các đầu sách kỹ thuật có nội dung và năm xuất bản mới nhất, để cán bộ và giáo viên của trường được tiếp cận với các loại tài liệu mới nhất phục vụ tốt cho hoạt động dạy và học đạt hiệu quả cao.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 5: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.

Hàng năm ngay từ buổi học đầu khoá nhà trường đều có giới thiệu cho HS-SV về nội dung hoạt động của thư viện, nội quy thư viện và sách báo của thư viện nhà trường (5.14.01- Lịch làm việc của thư viện - Nội quy thư viện)

Khi có đợt sách mới được nhập về cán bộ thư viện sẽ giới thiệu đến cho bạn đọc dưới hình thức gián ở bảng tin của trường, và trực tiếp đưa cho các khoa và giáo viên chủ nhiệm phổ biến cho học sinh biết. (5.14.02- Các thông báo giới thiệu sách mới).

Để bạn đọc khi đến thư viện tìm được tài liệu cần tìm và không mất thời gian, nhà trường đã phân công cán bộ quản lý thư viện làm công tác tư vấn, hỗ trợ bạn đọc tra cứu tài liệu trên phần mềm máy tính, hoặc các địa chỉ Website mà các trường bạn cộng tác (5.14.03- Danh mục sách thư viện năm học 2016-2017; 5.14.04 - Hướng dẫn thư viện trường đăng nhập vào các tài khoản để vào bản quyền phần mềm thư viện của Viện Đại Học Mở; 5.14.05 - Mẫu biểu ghi phiếu nhập tin CSDL-CĐNKTVD). Hỗ trợ nhân bản, in ấn tài liệu bằng máy photo coppy, máy in của nhà trường. Mượn trả sách: có sổ ghi chép mượn trả sách (5.14.06 - Sổ theo dõi sử dụng sách báo thư viện).

Ngoài ra nhà trường đã chú trọng đến việc cộng tác với các thư viện của trường bạn để mở rộng kho tài nguyên thư viện, để giáo viên và HSSV không chỉ tụy cập nguồn tài liệu của trường mình mà còn mở rộng sang nguồn tài liệu thư viện của các trường bạn (5.14.07- Hợp đồng trao đổi tài liệu thư viện ngày 26/11/2012; 5.14.08- Hợp đồng trao đổi tài liệu thư viện ngày 20/10/2014).

Thư viện thường xuyên hoạt động, mở cửa đúng giờ theo quy định, và có những biện pháp nhằm khuyến khích bạn đọc, cán bộ, giáo viên và HS,SV đến khai thác tài liệu của thư viện qua bằng cách tổ chức giới thiệu tài liệu và các sách báo mới, các trang website tư vấn, hỗ trợ bạn đọc tra cứu tài liệu.

Vì số lượng cán bộ thư viện còn thiếu, trong lúc bạn đọc thư viện ngày càng đông và số lượng sách ngày càng nhiều nên việc xử lý nghiệp vụ sách và việc thay nhau phục vụ bạn đọc vào các ngày thứ 7 và chủ nhật chưa đảm bảo. Từ năm học 2018 - 2019, Trường sẽ điều động thêm cán bộ quản lý, phục vụ thư viện, để phục vụ bạn đọc ngày càng được tốt hơn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 5: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Trong thư viện, Trường đã cho lắp đặt 10 máy tính nối mạng, và 02 máy tính của trường bạn - Viện Đại Học Mở tặng đã được sê quyen và cài đặt phần mềm quản lý thư viện giúp cho việc quản lý phục vụ và tra cứu tài liệu nhanh hơn, có máy in, có hệ thống tài liệu giáo trình điện tử được thiết kế dưới dạng website để bạn đọc có thể dễ dàng tìm kiếm, đọc và Downloads tài liệu (5.15.01- Hướng dẫn thư viện trường đăng nhập vào các tài khoản để vào bản quyền phần mềm thư viện của Viện Đại Học Mở; 5.15.02- Mẫu biểu ghi phiếu nhập tin CSDL-CĐNKTV).

Tại các phòng đọc đều có công kết nối mạng Internet hữu tuyến và mạng không dây, hệ thống mạng của nhà trường đảm bảo hoạt động liên tục bình thường phục vụ tốt công việc tra cứu, tìm kiếm tài liệu điện tử. (5.15.03- Hợp đồng sử dụng trang Website trường hàng năm; 5.15.04- Công văn số 111/ĐHM về việc tập huấn sử dụng phần mềm thư viện 13-14/6/2013; 5.15.05- Công văn số 338/ĐHM về việc tập huấn và sử dụng phần mềm thư viện số Kipos, ngày 16/11/2014).

Thư viện Nhà trường được trang bị kết nối mạng LAN mạng Internet nên người đọc có thể dễ dàng tra cứu các tư liệu điện tử trong và ngoài trường. Nhằm tăng khả năng được tiếp cận đa dạng các tài liệu chuyên ngành, Trường đã ký thỏa thuận hợp đồng về trao đổi và truy cập các dạng tài liệu, giáo trình với các trường bạn. Bước đầu đã xây dựng được một nguồn cơ sở dữ liệu sách. Thư viện cũng đã áp dụng phần mềm quản lý thư viện tạo điều kiện tốt hơn trong việc quản lý cũng như hỗ trợ bạn đọc tra cứu.

Tuy vậy, việc số hóa các tài liệu phục vụ công tác học tập và giảng dạy còn hạn chế; số lượng máy tính phục vụ việc truy cập mạng Internet, tìm kiếm tài liệu và đọc tài liệu điện tử còn ít. Máy tính quản lý của thư viện chưa được lắp đặt con chip quét thẻ bạn đọc. Phần mềm quản lý thư viện còn thiếu một số tính năng như: tra cứu thư viện và đang từng bước số hóa tích hợp với thư viện điện tử.

Trong năm học 2018- 2019 này nhà trường sẽ nâng cấp và thay thế một số máy tính của các năm để phục vụ tra cứu tài liệu và truy cập Internet. Tiếp tục có biện pháp để nâng số lượng tài liệu, giáo trình được số hóa. Tìm hiểu và lắp đặt phần mềm quản lý thư viện mới nhất làm bản quyền chính thức của thư viện trường. Nhằm tiếp tục xây dựng phát triển phần mềm quản lý thư viện hoàn thiện hơn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 5: 0 điểm.

3.2.6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế

Đánh giá tổng quan tiêu chí 6

Mở đầu

Trong những năm gần đây, cùng với việc thực hiện tốt công tác giảng dạy, đổi mới phương pháp giảng dạy trong nhà trường; các hoạt động nghiên cứu khoa học đã phát triển mạnh mẽ và có kết quả rất khả quan, đáp ứng được yêu cầu mới phát sinh trong quá trình đổi mới phương pháp giảng dạy và nhu cầu xã hội. Hoạt động NCKH là một hoạt động góp phần nâng cao năng lực của đội ngũ CBCNV trong nhà trường; khẳng định được uy tín, vai trò của trường trong khu vực. Trường đã có các chính sách khuyến khích cũng như có các văn bản quy định khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo. Trường đã dành tỉ lệ kinh phí hợp lý (trong ngân sách và kinh phí tự bổ sung) cho hoạt động NCKH và phát triển công nghệ.

** Những điểm mạnh:*

Trường đã xây dựng được hệ thống văn bản, biểu mẫu hướng dẫn rõ ràng chi tiết bám theo quy định của các cấp quản lý. Trường đã hình thành được nền tảng vững chắc để khuyến khích cán bộ, giảng viên, nhân viên làm NCKH. Tập thể cán bộ, giảng viên, nhân viên nhận thức rõ vai trò, tác dụng của công tác NCKH và trách nhiệm của bản thân đối với công tác này. Nhà trường đã có những chủ trương và giải pháp để động viên và đôn đốc việc tham gia nghiên cứu ứng dụng KHKT vào quản lý và đào tạo. Một số CBGV có trình độ để nghiên cứu và ứng dụng những tiên bộ về KHKT. Đã có những nghiên cứu và ứng dụng tiên bộ KHKT vào công tác đào tạo và quản lý đào tạo.

** Những tồn tại:* Do kinh phí của Nhà trường còn hạn hẹp nên kinh phí dành cho công tác NCKH, cải tiến công nghệ mới chỉ đáp ứng được một phần so với nhu cầu thực tế. Có một bộ phận cán bộ, giáo viên chưa chú trọng công tác ngày dần tới chất lượng trong một số đề tài, sáng kiến chưa cao. Các đề tài NCKH chủ yếu tập trung ở cấp trường, các đề tài cấp tỉnh còn ít. Hoạt động NCKH trong sinh viên chưa triển khai được nhiều. Số lượng công trình nghiên cứu còn hạn chế, phần lớn mới chỉ tập trung ở các luận văn cao học, các trang thiết bị tự làm tham gia các hội thi.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Trong năm năm tới nhà trường sẽ chú trọng đến các hoạt động sau: Tổ chức tập huấn, trao đổi các văn bản pháp quy, kế hoạch nhiệm vụ khoa học công nghệ của Trường qua từng năm tới các giảng viên. Hoàn thiện và ban hành Quy định về hoạt động khoa học công nghệ trong Trường và đưa vào áp dụng. Nâng dần tỷ lệ kinh phí dành cho NCKH, triển khai hoạt động NCKH trong sinh viên nhiều hơn. Từ năm học 2018 - 2019, Trường sẽ điều chỉnh qui chế, chính sách theo hướng khuyến khích cán bộ, giảng viên tích cực hơn trong việc tìm kiếm các đề tài NCKH và chuyển giao công nghệ, đồng thời khuyến khích các sáng kiến cải tiến phục vụ và nâng cao chất lượng giảng dạy.

Điểm đánh giá tiêu chí 6:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ và hợp tác quốc tế	
Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	1 điểm
Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	1 điểm
Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	0 điểm
Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	1 điểm.
Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	0 điểm

Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

Việc tổ chức cho cán bộ giáo viên nghiên cứu khoa học được nhà trường quan tâm khi được nâng cấp lên trường Cao đẳng nghề. Hàng năm, Nhà trường thông báo rộng rãi đến toàn bộ CB, GV, CNV về việc đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học (6.1.01- Thông báo số 68/Tr.VĐ-TB ngày 20/09/2017 V/v xây dựng Thiết bị đào tạo tham gia hội thi và đề tài sáng kiến kinh nghiệm/NCKH năm học 2017-2018). Nhà trường đã tạo điều kiện về thời gian, kinh phí cho công tác nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm xây dựng qui chế khen thưởng, qui chế chi tiêu nội bộ thể hiện rõ các chế tài, các hình thức khích lệ tạo động lực cho công tác nghiên cứu khoa học, các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm là một trong những tiêu chuẩn để bình xét phân loại hàng năm, bình xét danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở (1.3.05- Quy chế chi tiêu nội bộ, 1.3.06 - Quy chế thi đua khen thưởng).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 6: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (có ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến cải tiến đối với trường cao đẳng).

Gắn kết các đề tài NCKH, sáng kiến kinh nghiệm với mục tiêu gắn liền với chương trình đào tạo để phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường luôn là định hướng quan trọng bậc nhất trong hoạt động NCKH - sáng kiến cải tiến của Trường Cao đẳng Việt - Đức, Nghệ An. Các hoạt động NCKH đã và đang đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng hệ thống chương trình, giáo trình và các tài liệu phục vụ đào tạo. (6.2.01- *Quyết định công nhận đề tài sáng kiến kinh nghiệm các năm 2016, 2017, 2018*).

Bên cạnh việc thực hiện tốt công tác giảng dạy, đổi mới phương pháp giảng dạy trong nhà trường; trong những năm gần đây, các hoạt động NCKH đã phát triển mạnh mẽ, các đề tài NCKH của Trường Cao đẳng Việt - Đức, Nghệ An gắn kết với mục tiêu, chương trình đào tạo trên các góc độ khác nhau. Phần lớn các đề tài hướng đến việc biên soạn bài giảng, giáo trình môn học và nâng cấp, cập nhật và bổ sung nội dung khoa học của các môn học do chính giảng viên giảng dạy. Năm 2016 tập thể khoa cơ khí và khoa điện đã có thiết bị tham gia hội thi Thiết bị dạy nghề tự làm tỉnh Nghệ An 2016 đạt giải, cụ thể Khoa Cơ khí đạt giải ba mô hình Máy cắt tấm dùng khí oxi – Acetylene và tập thể khoa Điện đạt giải ba tỉnh cho Mô hình giàn trải máy điều hòa nhiệt độ. Năm 2018 tập thể Khoa Ô tô và Khoa Điện đã có thiết bị tham gia hội thi Thiết bị dạy nghề tự làm tỉnh Nghệ An 2018 đạt giải cao (6.2.02- *Các giấy khen của tỉnh Nghệ An về hội thi thiết bị đào tạo tự làm*). Năm 2018 nhà trường có 21 đề tài sáng kiến kinh nghiệm được công nhận sáng kiến kinh nghiệm cấp trường. Ngoài các đề tài NCKH liên quan đến chuyên ngành đào tạo còn có một số đề tài, dự án không những được ứng dụng vào trong công tác đào tạo của nhà trường mà còn được chuyển giao giữa dự án với nhà trường như Dự án đào tạo thí điểm nghề kỹ thuật xây dựng mang lại hiệu quả thiết thực cho Trường.

Từ năm học 2018 - 2019, Trường xây dựng kế hoạch, hướng dẫn thực hiện việc triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu sau khi nghiệm thu và kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện. Nhà trường cũng tiếp tục mở rộng nghiên cứu các đề tài ứng dụng trực tiếp phục vụ công tác quản lý, đào tạo trong nhà trường và phục vụ cho nhu cầu xã hội. Ngoài ra, nhà trường cần có chính sách hợp lý hơn để khuyến khích, động viên cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường tập trung khả năng, trí tuệ cho công tác NCKH; đồng thời đưa ra biện pháp chế tài cụ thể nhằm đảm bảo công tác NCKH trong nhà trường thực hiện đúng tiến độ kế hoạch.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

Hàng năm, nhà trường đẩy mạnh phong trào viết sáng kiến kinh nghiệm và NCKH. Mỗi CBGV tham gia được tính trong tiêu chí thi đua xếp loại cán bộ, công chức hàng năm. Theo Điều lệ trường cao đẳng, một trong những nhiệm vụ chính của trường là “Thực hiện nhiệm vụ KH&CN do các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao; kết hợp đào tạo với NCKH, triển khai NCKH; phát triển và chuyển giao công nghệ, thực hiện các loại hình dịch vụ khoa học, công nghệ và sản xuất; sử dụng có hiệu quả kinh phí đầu tư phát triển khoa học và công nghệ”. Qua kết quả công trình NCKH khoa học của nhà trường trong thời gian vừa qua cho thấy nhà trường đạt được những kết quả tiên bộ rõ rệt so với giai đoạn trước nhưng số lượng, chất lượng các công trình NCKH cũng như việc cập nhật trên các bài báo và các ấn phẩm khoa học còn chưa xứng tầm nhiệm vụ, tiềm năng và còn ít tham gia vào những vấn đề KH&CN trong phát triển kinh tế xã hội của địa phương và của quốc gia.

Do công tác NCKH và bộ máy tổ chức về NCKH mới đi vào hoạt động nên vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục. Công tác hoạch định trong NCKH còn hạn chế, việc vận dụng các chủ trương, các chính sách, hỗ trợ, hướng dẫn về NCKH các cấp chưa đầy đủ. Đặc biệt công tác cập nhật các đề tài, chương giáo trình mới lên các ấn phẩm và các bài báo còn hạn chế, chưa được chú trọng dẫn đến có rất ít các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

Từ năm học 2018 - 2019, Trường sẽ xây dựng kế hoạch, hướng dẫn thực hiện cập nhật thường xuyên các đề tài NCKH và các sáng kiến kinh nghiệm lên các ấn phẩm và các bài báo. Nhà trường cũng tiếp tục mở rộng nghiên cứu các đề tài ứng dụng trực tiếp phục vụ công tác quản lý, đào tạo trong nhà trường và phục vụ cho nhu cầu xã hội. Ngoài ra, nhà trường cần có chính sách hợp lý hơn để khuyến khích, động viên cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường tập trung khả năng, trí tuệ cho công tác NCKH; đồng thời đưa ra biện pháp chế tài cụ thể về tiêu chí công nhận đề tài là phải được cập nhật thường xuyên đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế nhằm đảm bảo công tác NCKH trong nhà trường được đồng đều mọi người chia sẻ, góp ý.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 0 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm cải tiến được ứng dụng thực tiễn.

Công tác nghiên cứu khoa học trong nhà trường được tiến hành thường xuyên, liên tục. Để khuyến khích CBGV tham gia nghiên cứu khoa học, nhà trường đã ban hành các quy định về giải quyết chế độ cho CBGV có công trình nghiên cứu khoa học, coi việc nghiên cứu khoa học là một trong những tiêu chí để đánh giá xếp loại, khen thưởng hàng năm (6.4.01- Quyết định thành lập hội đồng KH-ĐT; 6.4.02- Quyết định ban hành quy chế hoạt động của hội đồng KH-ĐT, 6.4.03 - Quy chế hoạt động của hội đồng KH-ĐT, 6.4.04- Quy định quản lý đề tài KH cấp trường, 1.3.05- Quy chế chi tiêu nội bộ).

Trong thời gian qua đã có những kết quả trong nghiên cứu ứng dụng tiến bộ KHKT mang lại hiệu quả trong quản lý và đào tạo được đưa vào ứng dụng (6.4.05 - *Phần mềm tuyển sinh*). Bên cạnh đó nhà trường còn phối hợp với Trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ Đại học Bách khoa Đà Nẵng triển khai ứng dụng phần mềm Quản lý đào tạo Edu Man vào giảng dạy và học tập (6.4.06- *Hợp đồng xây dựng chuyển giao sử dụng phần mềm quản lý đào tạo Edu Man*). Các cá nhân và tập thể đã có nhiều nghiên cứu, thiết kế chế tạo các mô hình học cụ, các thiết bị dạy học. Năm 2018 nhà trường có 21 đề tài sáng kiến kinh nghiệm được công nhận sáng kiến kinh nghiệm cấp trường (6.2.01- *Quyết định công nhận đề tài sáng kiến kinh nghiệm các năm 2016, 2017, 2018*).

Các hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Trường gắn với hoạt động đào tạo, gắn kết với các viện nghiên cứu, các cơ sở và tổ chức giáo dục trong và ngoài nước và các doanh nghiệp; hiệu quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đã đóng góp quan trọng vào phát triển các nguồn lực của Trường.

Từ năm học 2018 - 2019, Nhà trường sẽ đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nhằm triển khai các đề tài NCKH gắn liền với thực tế; tổ chức gặp gỡ và trao đổi giữa cán bộ của Trường với các doanh nhân, nhà tuyển dụng về nhu cầu thực tiễn để định hướng cho việc chọn đề tài/dự án nghiên cứu.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Trong những năm qua, Nhà trường cũng đã có nhiều cuộc làm việc với các trường Cao đẳng, đại học, dạy nghề nước ngoài như Hàn Quốc, Nhật Bản, CHLB Đức về vấn đề hợp tác trao đổi học HSSV, liên kết đào tạo, nhưng do vướng mắc về thủ tục pháp lý đến nay mặc dù đã có văn bản ký kết liên kết đào tạo với một số trường (6.5.01- *Các văn bản ký kết hợp tác đào tạo với các trường đại học nước ngoài*) nhưng vẫn chưa có giấy phép để trực tiếp giới thiệu hay tiếp nhận HS,SV để đào tạo.

Về lĩnh vực du học và xuất khẩu lao động, để đáp ứng nhu cầu học tiếng của học sinh sinh viên nhà trường chỉ mở các lớp đào tạo tiếng Nhật, Hàn Quốc, Đức theo nhu cầu (hợp đồng giáo viên dạy) và giới thiệu các công ty về lĩnh vực này để người học tìm hiểu. Nhà trường đã triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài như: ĐH tongmyong - Hàn Quốc, ĐH Higashi Ashia Nhật Bản. Các hoạt động hợp tác quốc tế như tư vấn tuyển sinh du học Nhật Bản, Đức. Liên kết với trường Higashi Ashia Nhật bản mở lớp đào tạo miễn phí tiếng Nhật cho học sinh sinh viên nhà trường. (6.5.02- *Thông báo mở lớp tiếng Nhật và tiếng Đức*). Các chương trình thực tập sinh. Các chương trình xuất khẩu lao động, đáp ứng nhu cầu của học sinh sinh viên, người lao động. (6.05.03- *Chương trình xuất khẩu lao động*)

Kế hoạch: Trong năm 2019 và những năm tiếp theo trường tiếp tục xúc tiến việc xin cấp giấy phép tổ chức liên kết đào tạo, trao đổi HSSV.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 6: 0 điểm

3.2.7. Tiêu chí 7: Quản lý tài chính

Đánh giá tổng quan tiêu chí 7:

Mở đầu:

** Những điểm mạnh:*

- Từ năm 2004, Trường Cao đẳng Việt Đức Nghệ An được giao quyền tự chủ về tài chính, là đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo một phần chi hoạt động thường xuyên, toàn bộ hoạt động tài chính kế toán của trường thực hiện theo chế độ tài chính của đơn vị sự nghiệp có thu, thực hiện theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ, thông tư 71/2006/TT-BTC ngày 09/08/2006 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với sự nghiệp công lập và thực hiện theo QĐ số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ hành chính sự nghiệp, đã thực hiện cơ chế quản lý tài chính thống nhất trong toàn đơn vị thông qua “Quy chế chi tiêu nội bộ”.

- Công tác quản lý tài chính kế toán của trường được thực hiện theo mô hình tập trung nên đã bám sát được nhu cầu thực tiễn để lập dự toán và điều chỉnh. Các nguồn kinh phí luôn được sử dụng ưu tiên cho các hoạt động đào tạo và nâng cao thu nhập cho cán bộ công nhân viên chức và giáo viên. Các kế hoạch, dự toán ngân sách hàng năm được lập phù hợp đúng mục đích và mục tiêu phát triển của nhà trường.

- Công tác lập kế hoạch tài chính của trường đạt chuẩn theo hướng dẫn đáp ứng được yêu cầu về quản lý tài chính của trường, đúng quy định của nhà nước, đảm bảo minh bạch, công khai và đúng quy định.

- Có hệ thống hồ sơ, sổ sách về quản lý tài chính theo quy định, lập dự toán, thực hiện thu chi, thực hiện quyết toán, báo cáo tài chính, quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ theo chế độ kế toán - tài chính của Nhà nước.

- Có các nguồn thu hợp pháp từ học phí, lệ phí, liên kết đào tạo, sản xuất kinh doanh, dịch vụ tăng nguồn thu nhập và nâng cao đời sống cho CB, GV của trường.

** Những tồn tại:*

- Trong những năm qua, công tác tuyển sinh học nghề ngày càng gặp nhiều khó khăn do có quá nhiều trường, trung tâm được thành lập.

- Định mức cấp kinh phí đào tạo trên đầu học sinh bình quân các hệ không đủ để chi phí phục vụ công tác đào tạo trong khi các khoản chi như tiền lương, các khoản khác theo lương, vật tư, tuyển sinh, tiền điện...tăng mạnh theo từng năm:

Theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 14/12/2010 của UBND Tỉnh Nghệ An giao định mức cấp trên đầu học sinh bình quân hệ Cao đẳng: 5,7 triệu/hs/năm và hệ Trung cấp: 5 triệu/hs/năm từ năm 2010 đến năm 2016 không thay đổi trong khi tiền lương, các khoản chi có tính chất theo lương, vật tư, tiền điện...tăng mạnh theo từng năm.

Theo Quyết định số 76/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND Tỉnh Nghệ An về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017, ổn định đến năm 2020 của UBND Tỉnh Nghệ An giao định mức cấp trên đầu HS,SV

bình quân hệ Cao đẳng: 8 triệu/SV/năm và hệ Trung cấp: 7 triệu/HS/năm từ năm 2017 đến năm 2020.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Lập kế hoạch chi tiêu một cách chi tiết, cụ thể, thường xuyên cân đối nguồn tài chính nhằm đảm bảo việc sử dụng nguồn kinh phí cho các bộ phận, ưu tiên kinh phí cho vật tư thực tập, mua sắm trang thiết bị, sửa chữa cho các khoa phục vụ cho học tập và giảng dạy trên cơ sở nghiên cứu và dự báo quy mô đào tạo và loại trừ sự biến động của nhân tố giá cả.

- Xây dựng định mức chi phí đào tạo cho các ngành nghề, trên cơ sở đó phân tích tài chính và bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

- Những năm tới đây trường vẫn tiếp tục hoàn thiện, sửa đổi “Quy chế chi tiêu nội bộ” theo từng năm hướng sát với chiến lược phát triển trường và tinh thần tự chủ về tài chính.

Điểm đánh giá tiêu chí 7:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7: Quản lý tài chính	6
Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1 điểm
Tiêu chuẩn 2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	1 điểm
Tiêu chuẩn 3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động, của trường.	1 điểm
Tiêu chuẩn 4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1 điểm
Tiêu chuẩn 5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1 điểm
Tiêu chuẩn 6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	1 điểm

Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.

Công tác quản lý tài chính và sử dụng kinh phí của trường đúng mục đích, đúng quy định của Nhà nước thực hiện theo thông tư 71/2006/TT-BTC ngày 09/08/2006 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ,

quy định về chế độ tự chủ tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập nhằm thực hiện tốt quyền tự chủ tài chính, hàng năm Trường đều tổ chức lấy ý kiến đóng góp của cán bộ, giáo viên sửa đổi, bổ sung Quy chế CTNB cho phù hợp với điều kiện thực tế hàng năm tại Trường.

Trường đã xây dựng được quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với hoạt động đào tạo thực tế của trường hàng năm hoàn thiện hơn, sát với quy mô đào tạo của trường và tinh thần tự chủ tài chính.

Công tác quản lý tài chính đảm bảo đúng quy định của nhà nước, đảm bảo minh bạch, công khai và quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường.

Quy chế chi tiêu nội bộ thể hiện tính thống nhất về quản lý Tài chính trong toàn Trường, đưa ra các định mức thu chi tài chính cho các hoạt động thường xuyên, trong đó ưu tiên hàng đầu cho công tác đào tạo. (1.3.05- Quy chế chi tiêu nội bộ ; (7.1.01- Quy định mức khoán cho khoa ĐTLX và quy chế hoạt động của khoa năm 2016, 2017, 2018).

Kế hoạch tài chính hàng năm được xây dựng theo quy định và được công bố công khai, minh bạch: Hàng năm, trường lập báo cáo xây dựng dự toán ngân sách cấp kinh phí đào tạo (7.1.02- Báo cáo xây dựng dự toán năm 2016, 2017, 2018) trên cơ sở phân bổ chỉ tiêu đào tạo của UBND Tỉnh giao cho Trường gửi Sở Tài chính phê duyệt để được cấp kinh phí đào tạo (7.1.03- Quyết định của UBND Tỉnh giao chỉ tiêu đào tạo năm 2016, 2017, 2018). Kế hoạch tài chính hàng năm của trường được xây dựng căn cứ vào tình hình thực hiện dự toán năm trước và thực tế của trường.

Việc công khai hoạt động tài chính hàng năm được thông qua Hội nghị cán bộ công nhân viên chức tổ chức vào cuối năm của trường. Trong hội nghị, cán bộ viên chức đều có thể tham gia ý kiến đánh giá kết quả hoạt động và kế hoạch tài chính của trường theo nguyên tắc tập trung dân chủ (7.1.04- Báo cáo công khai tài chính năm 2016, 2017, 2018).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 7: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 2: *Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.*

Hàng năm trường được thu từ nguồn thu sự nghiệp thu học phí, lệ phí theo quy định của Nhà nước để phục vụ cho hoạt động đào tạo của Nhà trường (7.2.01- Các Quyết định quy định mức thu học phí học nghề)

Ngoài ra còn có các nguồn thu khác như liên kết đào tạo với Viện Đại học mở Hà nội: đào tạo ngành kinh tế, quản trị và luật kinh doanh (7.2.02- Các văn bản liên kết đào tạo giữa Trường và Viện ĐHM Hà Nội), đào tạo lái xe mô tô hạng A1 và lái xe ô tô các hạng tại trường (7.2.03- Quyết định mức thu học phí lái xe cơ giới đường bộ), đào tạo Điều khiển phương tiện thủy nội địa (7.2.04- Quyết định mức thu học phí điều khiển phương tiện thủy nội địa) và các khoản thu khác.

Hàng quý, hàng năm có báo cáo chi tiết tài khoản 531 thu liên kết đào tạo, thu dịch vụ và thu khác (7.2.05 - Báo cáo chi tiết tài khoản 531 thu liên kết đào tạo, thu dịch vụ và thu khác)

Các nguồn tài chính được quản lý và phân bổ chi tiêu đúng mục đích, đúng quy định. Có hệ thống hồ sơ, sổ sách về quản lý tài chính theo quy định.

Hệ thống quản lý tài chính của trường được kiểm soát rất chặt chẽ và đảm bảo tính chính xác. Thực hiện theo đúng các quy định về tài chính, có hệ thống báo cáo tài chính, sổ sách rõ ràng, đầy đủ và chính xác. Phòng Tài vụ thường xuyên lập báo cáo tài chính theo quý, theo năm và ghi chép sổ sách kế toán cẩn thận cho từng tháng nhằm đảm bảo tính chính xác và kịp thời trong công tác tài chính của đơn vị (7.2.06- Báo cáo tài chính năm 2016, 2017, 2018; 7.2.07- Biên bản kiểm tra công tác tài chính)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, Tiêu chí 7: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động, của trường.

Nhà trường đảm bảo mức kinh phí chi cho đào tạo: Căn cứ vào định mức kinh phí chi cho đào tạo tính trên một học sinh được Nhà nước cấp và qua phân tích báo cáo tài chính trong các năm, ngoài kinh phí NSNN cấp để phục vụ công tác đào tạo, Nhà trường được cấp bổ sung nguồn kinh phí không tự chủ để mua sắm thêm thiết bị dạy học, sửa chữa xây dựng cơ bản nhỏ trong trường, viết chương giáo trình phục vụ công tác giảng dạy, hỗ trợ thêm kinh phí học tập chuẩn giáo viên... (7.3.01- Các Quyết định cấp nguồn tự chủ và không tự chủ năm 2016, 2017, 2018).

Hàng năm được cấp nguồn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm thiết bị nguồn kinh phí hỗ trợ dự án đổi mới và phát triển dạy nghề (7.3.02- Các Quyết định cấp nguồn XDCB và mua sắm thiết bị CTMTQG năm 2016, 2017, 2018).

Kinh phí bình quân tính trên 1 học sinh do ngân sách nhà nước cấp còn thấp so với đào tạo Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề (chủ yếu phân thực hành chiếm tỷ lệ cao nên tiêu tốn nhiều vật tư, sử dụng nhiều thiết bị máy móc hơn).

Hàng năm Nhà trường được thu từ nguồn thu học phí, lệ phí theo quy định của Nhà nước để phục vụ cho hoạt động đào tạo của Nhà trường (7.2.01- Các Quyết định quy định mức thu học phí học nghề)

Trường đã thực hiện đầy đủ các Quyết định, Thông tư về việc miễn giảm học phí, chính sách nội trú, chế độ hưởng học bổng, trợ cấp xã hội cho học sinh học nghề (7.3.03- Các Quyết định, Thông tư về việc miễn giảm học phí, chính sách nội trú, chế độ hưởng học bổng, trợ cấp xã hội cho học sinh)

Bên cạnh công tác đào tạo chính quy, nhà trường còn liên kết đào tạo với Viện ĐHM Hà nội (7.2.02- Các văn bản liên kết đào tạo giữa Trường và Viện ĐHM Hà nội), đào tạo lái xe mô tô hạng A1 và lái xe ô tô các hạng tại trường (7.2.03- Các Quyết định mức thu học phí lái xe cơ giới đường bộ), đào tạo Điều khiển phương tiện thủy nội địa (7.2.04- Quyết định mức thu học phí điều khiển phương tiện thủy nội địa) và các khoản thu khác.

Kế hoạch tài chính hàng năm được xây dựng theo quy định và được công bố công khai, minh bạch: Hàng năm, trường lập báo cáo xây dựng dự toán ngân sách cấp kinh phí đào tạo (7.1.02- Báo cáo xây dựng dự toán ngân sách năm 2016, 2017, 2018) trên cơ sở phân bổ chỉ tiêu đào tạo của UBND Tỉnh giao cho Trường gửi Sở Tài chính

phê duyệt để được cấp kinh phí đào tạo (7.1.03- *Quyết định của UBND Tỉnh giao chỉ tiêu đào tạo năm 2016, 2017, 2018*). Kế hoạch tài chính hàng năm của trường được xây dựng căn cứ vào tình hình thực hiện dự toán năm trước và thực tế của trường.

Hệ thống quản lý tài chính của trường được kiểm soát rất chặt chẽ và đảm bảo tính chính xác. Thực hiện theo đúng các quy định về tài chính, có hệ thống báo cáo tài chính, sổ sách rõ ràng, đầy đủ và chính xác. Phòng Tài vụ thường xuyên lập báo cáo tài chính theo quý, theo năm và ghi chép sổ sách kế toán cẩn thận cho từng tháng nhằm đảm bảo tính chính xác và kịp thời trong công tác tài chính của đơn vị (7.2.06- *Báo cáo tài chính năm 2016, 2017, 2018*); (7.2.07- *Biên bản kiểm tra công tác tài chính*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, Tiêu chí 7: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định. Các nguồn tài chính được quản lý và phân bổ chỉ tiêu đúng mục đích, đúng quy định. Có hệ thống hồ sơ, sổ sách về quản lý tài chính theo quy định.

Hệ thống quản lý tài chính của trường được kiểm soát rất chặt chẽ và đảm bảo tính chính xác. Thực hiện theo đúng các quy định về tài chính, có hệ thống báo cáo tài chính, sổ sách rõ ràng, đầy đủ và chính xác. Phòng Tài vụ thường xuyên lập báo cáo tài chính theo quý, theo năm và ghi chép sổ sách kế toán cẩn thận cho từng tháng nhằm đảm bảo tính chính xác và kịp thời trong công tác tài chính của đơn vị (7.4.01- *Báo cáo tài chính năm 2016, 2017, 2018*; 7.4.02- *Biên bản kiểm tra công tác tài chính*)

Trường đã sử dụng phần mềm kế toán IMAX 8.2 và theo dõi trên sổ sách kế toán, hồ sơ sổ sách quản lý phần mềm kế toán theo đúng mẫu biểu quy định theo QĐ số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ Tài chính (7.4.03- *Bảng cân đối kế toán năm 2016, 2017, 2018 sử dụng phần mềm kế toán IMAX 8.2*)

Nguồn kinh phí của Trường được phân bổ hợp lý, đáp ứng nhu cầu hoạt động chung và phát triển của Nhà trường. Nguồn kinh phí được phân bổ cho các hoạt động theo đúng định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành của Nhà nước và quy chế CTNB của Nhà trường. Để đảm bảo thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ phát triển của trường, các nguồn tài chính của trường được phân bổ sử dụng hợp lý, minh bạch, có hiệu quả. (1.3.05- *Quy chế chi tiêu nội bộ*; 7.1.01- *Quy định mức khoán cho khoa ĐTLX và quy chế hoạt động của khoa năm 2016, 2017, 2018*).

Các phòng khoa chức năng xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sự nghiệp đào tạo theo kế hoạch hàng năm, nhà trường dựa vào kế hoạch, nguồn kinh phí ngân sách được cấp và các nguồn thu để làm cơ sở phân bổ tài chính hợp lý và sử dụng nguồn kinh phí hoạt động cho phép để chi tiêu theo nhu cầu thực tế hàng năm của các bộ phận sử dụng, đảm bảo các hoạt động chi thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Trong định hướng xây dựng và phát triển của trường, công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được xác định là nhiệm vụ quan trọng và lâu dài, do vậy Trường cũng đã phân bổ một số kinh phí để đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, Tiêu chuẩn 7: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.

Định kỳ thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính và được cơ quan có thẩm quyền kiểm toán, qua kết luận biên bản Kiểm tra công tác tài chính trường được đánh giá là đơn vị quản lý và sử dụng kinh phí, tài sản nhà nước do ngân sách Nhà nước cấp và các khoản thu sự nghiệp, hoạt động dịch vụ của trường có hiệu quả. (7.2.07- *Biên bản kiểm tra công tác tài chính*)

Chấp hành chế độ quản lý thu: Công tác quản lý thu sự nghiệp về các khoản thu phí, lệ phí, thu hoạt động dịch vụ bảo đảm chặt chẽ, sử dụng biên lai, hoá đơn theo chế độ.

Chấp hành chế độ quản lý, sử dụng ngân sách, tiền và tài sản nhà nước, chấp hành Luật kế toán: Chứng từ thanh toán được lưu trữ đầy đủ theo quy định, đơn vị đã mở đầy đủ các loại sổ kế toán, các nghiệp vụ phát sinh đều phản ánh ghi chép trên sổ, cuối năm tính toán khoá sổ theo đúng chế độ quy định, báo cáo tài chính của đơn vị được lập theo quy định, số liệu giữa báo cáo tài chính khớp đúng với sổ kế toán chi tiết.

Nhà trường thực hiện chế độ thu chi đúng quy định Nhà nước, chứng từ sổ sách rõ ràng và được chi trên cơ sở quy chế chi tiêu nội bộ, biên bản kiểm quỹ, biên bản đối chiếu với kho bạc, ngân hàng (7.2.06- *Báo cáo tài chính năm 2016, 2017, 2018.*) và hàng năm nhà trường đều được cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm toán đánh giá về việc quản lý thu chi tài chính (7.2.07- *Biên bản kiểm tra công tác tài chính*)

Cuối quý, cuối năm phòng tài vụ lập báo cáo quyết toán tài chính tổng hợp tình hình sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, tình hình thu chi và kết quả hoạt động của trường trong quý, năm, đó là cơ sở để cung cấp thông tin kinh tế, tài chính chủ yếu cho việc đánh giá tình hình thực trạng của đơn vị, là căn cứ quan trọng giúp cho lãnh đạo trường kiểm tra giám sát điều hành hoạt động tài chính của đơn vị

Hàng năm, báo cáo quyết toán của trường được cơ quan chủ quản phê duyệt và cơ quan kiểm toán đánh giá cao, không vi phạm các quy định về quản tài chính, sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả các nguồn thu của trường (7.2.07- *Biên bản kiểm tra công tác tài chính*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, Tiêu chuẩn 7: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.

Hàng năm trường có đánh giá về hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính: Nguồn kinh phí phân bổ cho các hoạt động theo đúng định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của trường, phù hợp với các nhiệm vụ được giao hàng năm về đào tạo. Kinh phí phân bổ luôn đảm bảo cân đối giữa các

nhiệm vụ chi thường xuyên để đảm bảo hoạt động và nhiệm vụ đầu tư phát triển Nhà trường.

Các khoản thu sự nghiệp tại đơn vị, hoạt động dịch vụ sau khi trang trải các khoản chi phí cần thiết, số còn lại được bổ sung vào các quỹ của nhà trường để hoạt động góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đời sống cho CB, GV. (7.2.06- Báo cáo tài chính năm 2016, 2017, 2018; 7.4.02-Biên bản kiểm tra công tác tài chính)

Kinh phí học thạc sỹ chuyên ngành được ưu tiên cho các giáo viên, trường hỗ trợ tiền xe đi lại, học phí, nguyên lương, thời gian để học tập nâng cao trình độ (1.3.05- Quy chế chi tiêu nội bộ). Kinh phí đầu tư chiều sâu, để hiện đại hoá các xưởng thực tập dựa trên nhu cầu cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới nhà xưởng, thiết bị xưởng thực hành của các khoa để phân bổ, các khoa phải lập kế hoạch mua sắm và được nhà trường duyệt. Công tác mua sắm đấu thầu của chương trình mục tiêu thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, Tiêu chuẩn 7: 1 điểm.

3.2.8. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học

Đánh giá tổng quan tiêu chí 8:

Mở đầu:

Trường Cao đẳng Việt - Đức, Nghệ An là trường dạy nghề công lập có bề dày lịch sử, có uy tín là địa chỉ tin cậy về đào tạo nghề trong khu vực. Để giữ vững và phát huy truyền thống dạy và học, trường luôn nâng cao chất lượng dịch vụ đào tạo để đáp ứng một cách tốt nhất nhu cầu của người học.

****Những điểm mạnh:***

Các chương trình đào tạo của nhà trường được cập nhật liên tục, đổi mới thường xuyên để đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của xã hội. Trường cung cấp đầy đủ thông tin về khóa học, ngành nghề đào tạo và các quy định khác của nhà trường ngay từ khi nhập học, người học được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định, được tôn trọng, đối xử bình đẳng và được tạo mọi điều kiện đảm bảo chỗ ăn ở và các tiện nghi học tập, sinh hoạt nghỉ ngơi khác cho HS,SV. Các chế độ, chính sách đối với HSSV được thực hiện đầy đủ theo quy định. HS,SV được tôn trọng, đối xử bình đẳng và thực hiện việc khen thưởng, khuyến khích kịp thời. Có nhiều hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt tập thể: như thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ tạo nên sân chơi lành mạnh, an toàn cho HS,SV của trường. Để đảm bảo cơ hội việc làm cho người học sau khi ra trường, phòng Công tác học HS,SV của trường, cùng các khoa nghề thường xuyên liên hệ, tìm kiếm thông tin việc làm, thị trường lao động trong và ngoài nước để giới thiệu đầy đủ, kịp thời tới người học. Nhà trường luôn giữ được mối quan hệ chặt chẽ với các doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện cho HS,SV được bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp.

****Những tồn tại:***

Bên cạnh những điểm mạnh thì nhà trường còn có một số tồn tại nhỏ như: nhà trường tuy đã có website riêng nhưng chưa phát huy hết hiệu quả, cụ thể: các thông tin

về khóa học, tuyển sinh hay kết quả học tập, rèn luyện của mỗi HSSV cuối kỳ, các thông tin về tuyển dụng việc làm chưa được đăng tải đầy đủ, kịp thời.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Trong thời gian tới cố gắng phát huy tối đa hiệu quả website của nhà trường để HSSV cũng như người nhà của các em có thể nắm bắt đầy đủ mọi thông tin

Điểm đánh giá tiêu chí 8:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 8: Dịch vụ người học	
Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	1 điểm
Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	1 điểm
Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	1 điểm
Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân	1 điểm
Tiêu chuẩn 5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	1 điểm
Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1 điểm
Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	1 điểm
Tiêu chuẩn 8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1 điểm
Tiêu chuẩn 9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	0 điểm

Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.

Trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá, Phòng Đào tạo kết hợp với Phòng công tác HSSV và các phòng, khoa liên quan phổ biến đầy đủ cho HSSV những nội dung về quy chế đào tạo, quy chế thi và kiểm tra, đánh giá điều kiện và tiêu chuẩn xét tốt

nghiệp (2.12.01- Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp trong dạy nghề hệ chính quy; 2.1.02- Khung chương trình đào tạo của các nghề theo quy định).

Cũng trong tuần sinh hoạt đầu khoá, ngoài việc cung cấp cho HSSV những thông tin cần thiết đối với người học (2.1.03- Kế hoạch nhập học đầu khoá). Phòng công tác HSSV phân công cán bộ, GV phổ biến đầy đủ các nội quy quy định của nhà trường, giải thích rõ ràng các điều ghi trong nội quy học tập HSSV Trường và cán bộ phòng công tác HSSV sẽ phổ biến quy chế công tác HSSV. Quy chế đánh giá rèn luyện của HSSV, về giờ giấc học tập. (8.1.01- Quy chế học sinh, sinh viên).

Thông qua việc tổ chức sinh hoạt lớp giúp Nhà trường nắm được tâm tư, nguyện vọng của người học, nên hàng tuần giáo viên chủ nhiệm tổ chức sinh hoạt lớp để đánh giá, tổng kết các hoạt động học tập rèn luyện của HSSV, việc phổ biến các nội quy, quy định cũng thực hiện trong các buổi sinh hoạt này, thường xuyên phổ biến, nhắc nhở các em thực hiện đúng nội quy, quy chế của nhà trường và báo cáo về phòng công tác HSSV vào cuối mỗi tháng (8.1.02- Báo cáo hoạt động tháng của lớp). Hàng tháng, Nhà trường tổ chức chấm điểm thi đua để đánh giá, xếp loại các lớp và công tác chủ nhiệm lớp của giáo viên chủ nhiệm (8.1.03- Xếp loại thi đua tháng). Bên cạnh đó việc thực hiện nội quy, quy chế của HSSV còn được đánh giá cụ thể vào cuối mỗi kỳ học thông qua phiếu đánh giá kết quả rèn luyện (8.1.04- Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện).

Việc sinh hoạt lớp được duy trì đều đặn hàng tuần để nắm bắt kịp thời tình hình học tập cũng như ý thức nề nếp của HSSV đồng thời biết được thông tin phản hồi từ phía các em về các vấn đề liên quan đến học tập rèn luyện và sinh hoạt. Để từ đó có sự điều chỉnh, thay đổi nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của HSSV.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 8: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.

Thực hiện chế độ chính sách đối với HSSV là giải quyết quyền lợi chính đáng của HSSV nhằm tạo điều kiện cho người học học tập đạt kết quả cao. Vì vậy, vào đầu mỗi kỳ học phòng Công tác HSSV căn cứ vào chế độ chính sách do Chính phủ, các Bộ và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành để giải quyết chế độ chính sách cho HSSV.

Thực hiện công bằng, công khai và dân chủ trong việc giải quyết chế độ chính sách cho người học nên vào đầu mỗi kỳ học phòng phát thông báo tới từng lớp học về các đối tượng được hưởng và giấy tờ thủ tục cần để các em nắm bắt, theo dõi và nộp các hồ sơ giấy tờ đầy đủ. (8.2.01- Thông báo các chế độ, chính sách học nghề)

Trong những năm qua trường đã giải quyết chế độ, chính sách cho người học một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời và đúng đối tượng góp phần tạo động lực cũng như thúc đẩy tính hăng say học tập và sáng tạo trong mỗi HSSV. (8.2.02- Danh sách học sinh, sinh viên được hưởng chế độ chính sách, kèm theo hồ sơ chế độ các năm học 2015-2016; 2016- 2017; 2017-2018)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, Tiêu chí 8: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học

được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Khen thưởng, khuyến khích kịp thời luôn là động lực tốt để học sinh sinh viên cố gắng học tập, rèn luyện vì vậy vào cuối mỗi kỳ học, năm học phòng phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, các khoa nghề, phòng đào tạo xét danh sách học bổng và khen thưởng đối với người học đạt kết quả cao trong học tập rèn luyện. (8.3.01- *Danh sách học sinh sinh viên được học bổng các năm học 2015-2016; 2016- 2017; 2017-2018*). Vào lễ khai giảng hàng năm nhà trường kết hợp với một số công ty, doanh nghiệp trao học bổng cho học sinh sinh viên nghèo vượt khó học tập (8.3.02- *Danh sách học sinh, sinh viên nghèo vượt khó học tập được trao học bổng trong lễ khai giảng các năm học 2015-2016; 2016- 2017; 2017-2018*), đây là việc làm thiết thực mang ý nghĩa động viên kịp thời để các em khó khăn cố gắng vượt qua hoàn cảnh để vươn lên, hoàn thành nhiệm vụ học tập .

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, Tiêu chí 8: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.

Thực hiện theo quy chế HS,SV các trường cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy ban hành kèm theo quyết định số 42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 8 năm 2007, công tác HS,SV là một trong những công tác trọng tâm của nhà trường, nhằm đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục là đào tạo con người phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe... Nhà trường tôn trọng và đối xử bình đẳng; được cung cấp đầy đủ thông tin cá nhân về việc học tập, rèn luyện theo quy định của nhà trường; được nhà trường phổ biến nội quy, quy chế về học tập, thực tập, thi đua tốt nghiệp, rèn luyện, về chế độ chính sách của Nhà nước có liên quan đến HS,SV. Trường luôn quan tâm đến quyền tự do tôn giáo, bình đẳng giới với tất cả sinh viên đồng thời bảo vệ những cá nhân, tập thể không để sự phân biệt vùng miền, giới tính, tôn giáo trong ký túc xá. Luôn tôn trọng các phong tục, tập quán của các dân tộc, thường xuyên tổ chức các hoạt động tìm hiểu về văn hóa của người học đến từ các dân tộc, vùng miền khác nhau nhằm tăng thêm tình đoàn kết giữa các sinh viên. Thành lập các câu lạc bộ có cùng tín ngưỡng, dân tộc, vùng miền nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người học trong việc sinh hoạt các hoạt động, các phong tục của dân tộc, vùng miền đó (8.4.01- *Danh sách học sinh sinh viên tôn giáo của trường*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, Tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.

Nhà trường tạo mọi điều kiện đảm bảo chỗ ăn ở và các tiện nghi học tập, sinh hoạt nghỉ ngơi khác cho HSSV.

Với ký túc xá trường có tổng diện tích xây dựng là 768m² (diện tích sàn 3840 m²) được xây dựng 5 tầng mỗi tầng 16 phòng, mỗi phòng ở 8 người (24m² có công trình phụ khép kín.Trong thời gian qua nhà trường cũng thường xuyên cải tạo, sửa chữa, tu

bổ và nâng cấp khu ký túc xá nhằm đảm bảo nhu cầu sinh hoạt và học tập cho các HS,SV nội trú. (8.5.01- *Biên bản nghiệm thu bàn giao hoàn thành công trình đưa vào sử dụng*)

Hiện nay ký túc xá đã đáp ứng được nhu cầu của gần 700 HSSV nhưng do nhà trường ở trung tâm thành phố, xung quanh khu vực trường cũng có nhiều chỗ trọ mà tâm lý các em thì thích có không gian riêng tư, cá nhân nên phần lớn HSSV thích ở trọ ngoài hơn ở trong ký túc xá của trường.

Trong thời gian tới tăng cường dịch vụ ở ký túc xá, tổ chức các hoạt động ngoại khóa để HS,SV ở trong ký túc xá tham gia các hoạt động thể dục, thể thao nhằm mục đích tăng cường và rèn luyện sức khỏe, để HS,SV ở ký túc có sân chơi bổ ích, lành mạnh.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 8: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Nhà trường đảm bảo mọi điều kiện để chăm sóc sức khỏe cho HSSV ngay từ những ngày đầu nhập học. Thường xuyên có cán bộ y tế túc trực, sơ cứu kịp thời khi HS,SV cần. Dịch vụ căng tin đầy đủ, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Vào đầu khóa học, nhà trường yêu cầu các HS,SV khóa mới đi khám sức khỏe tại các cơ sở y tế và nộp giấy khám có xác nhận của các đơn vị cho nhà trường (8.6.01- *Giấy khám sức khỏe của học sinh sinh viên*)

Nhà trường có phòng y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho người học, tại phòng y tế có bố trí giường để người bệnh nằm nghỉ, có tủ thuốc sơ cấp cứu tại chỗ cho cán bộ, nhân viên, giáo viên và HSSV trong trường (8.6.02- *Danh sách cấp phát thuốc chữa bệnh của GV, học sinh hàng năm*). Ngoài ra tại mỗi xưởng của các khoa nghề đều được trang bị các túi cứu thương và các dụng cụ cần thiết để có thể kịp thời sơ cấp cứu cho HS,SV khi xảy ra tai nạn lao động. (8.6.03- *Danh mục cấp phát thuốc, dụng cụ y tế định kỳ cho các xưởng*).

Nhà trường thường xuyên vận động các HSSV tham gia mua bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn khi có đợt cấp phát thẻ để có thể khám chữa bệnh khi có nhu cầu, nhằm đảm bảo sức khỏe trong thời gian học tập. (8.6.04- *Danh sách tham gia bảo hiểm y tế*).

Qua đó cho thấy nhà trường rất quan tâm đến việc chăm sóc bảo vệ sức khỏe cho cán bộ giáo viên và HSSV học tập tại trường. Trong thời gian tới nhà trường cố gắng sắp xếp, bố trí để chuyển phòng y tế xuống vị trí phù hợp hơn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 8: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.

Hiện nay nhà trường có hệ thống cơ sở vật chất đầy đủ phục vụ cho hoạt động phong trào cho đoàn viên thanh niên bao gồm: 1 nhà thi đấu trong nhà, 3 sân cầu lông,

2 sân bóng chuyền, 1 sân bóng đá, 1 Hội trường lớn và 1 Phòng đa chiều. Với cơ sở vật chất này tạo điều kiện cho các em được giao lưu, phát huy các năng khiếu thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ qua đó tạo tinh thần đoàn kết, nâng cao và rèn luyện thể chất giúp các em có đầy đủ về kiến thức, kỹ năng nghề và thái độ làm việc, có thể chất tốt đáp ứng được nhu cầu lao động trình độ cao như hiện nay của xã hội

Hoạt động ngoại khóa là các hoạt động không thể thiếu trong quá trình giáo dục đào tạo nhằm thực hiện tốt mục tiêu chương trình học tập chính khóa. Hàng ngày, các em học sinh sinh viên phải chịu áp lực rất nhiều từ việc học tập, rèn luyện nên hoạt động ngoại khóa không chỉ là sân chơi giúp sinh viên thư giãn, giải tỏa căng thẳng, tạo tinh thần thoải mái cho những giờ học tiếp theo mà bên cạnh đó còn giúp các em sinh viên phát triển các kỹ năng, có thêm những bài học kinh nghiệm, có cơ hội thể hiện bản thân. Các hoạt động ngoại khóa mang lại nhiều ích lợi về sức khỏe, giúp các em năng động hơn cả về thể chất lẫn tinh thần, tăng khả năng thích nghi với môi trường, có cơ hội rèn luyện tất cả các kỹ năng cần thiết trong quá trình học tập cũng như củng cố và bổ sung những kỹ năng thực hành xã hội. Nắm rõ được tầm quan trọng đó, Đoàn trường, ban quản lý ký túc xá thường xuyên tổ chức phong trào hoạt động thể dục thể thao như: giải bóng chuyền, bóng đá, các hoạt động văn nghệ chào mừng các ngày lễ lớn. (8.7.01- *Kế hoạch hoạt động đoàn các năm học 2015-2016, 2016-2017, 2017-2018*; 8.7.02- *Kế hoạch tổ chức giải bóng chuyền cho học sinh sinh viên*). Đặc biệt ở khu vực ký túc xá vào buổi sáng hàng ngày các em đều có lịch tập luyện thể dục vào lúc 5h30p sáng, và tham gia chơi bóng đá vào mỗi buổi chiều tại sân trong khuôn viên của trường. Ngoài ra, vào dịp hè hàng năm Đoàn trường tổ chức cho học sinh sinh viên tham gia các hoạt động như: Hiến máu tình nguyện, Tiếp sức mùa thi, tình nguyện tập trung tại các xã vùng sâu vùng xa...(8.7.03- *Thông báo về việc tham gia chương trình hiến máu tình nguyện*; 8.7.04- *Báo cáo công tác đoàn các năm học 2015-2016, 2016-2017, 2017-2018*) tạo sân chơi bổ ích cho người học phát triển toàn diện cả thể chất lẫn trí tuệ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: *Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.*

Phòng Công tác HSSV của nhà trường, cùng các khoa nghề thường xuyên liên hệ, tìm kiếm thông tin việc làm, thị trường lao động trong và ngoài nước để giới thiệu đầy đủ, kịp thời tới người học. Nhà trường giữ mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường với các doanh nghiệp tạo điều kiện cho HS,SV khi đăng ký đi làm (8.8.02 - *Danh sách các công ty tuyển dụng*). Sau khi tìm hiểu liên hệ và nhận các thông tin tuyển dụng từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước, kịp thời thông tin tới HS,SV trong quá trình học tập tại trường để các em có định hướng cho công việc sau khi tốt nghiệp (8.8.01- *Các thông báo tuyển dụng lao động*). Bên cạnh đó để HS,SV làm quen với môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp ra trường, phòng Công tác HS,SV cũng liên hệ với các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp để cho HS,SV tham gia mô đun thực tập, trải nghiệm (8.8.03 - *Hợp đồng thực tập*). Trong quá trình tham gia mô đun thực tập ở các doanh nghiệp do nhà trường liên hệ HS,SV vẫn được hưởng tiền lương bồi dưỡng do thực tập

kết hợp sản xuất tạo ra sản phẩm (8.8.04- *Bảng lương HS,SV tham gia thực tập trải nghiệm tại các công ty*).

Sau các kỳ thực tập, nhà trường lấy ý kiến của học sinh sinh viên đã đi làm về mức độ phù hợp của nghề với công việc, về các chế độ, chính sách, thu nhập tại công ty (8.8.05- *Phiếu khảo sát người lao động*)

Hàng năm, trước kỳ thi tốt nghiệp, mỗi năm 02 lần Nhà trường đều phối hợp với các Đơn vị tuyển dụng lao động tổ chức Buổi lễ tư vấn, giới thiệu việc làm và tuyển dụng lao động (8.8.06- *Kế hoạch và hình ảnh các buổi lễ tư vấn, giới thiệu việc làm và tuyển dụng lao động*), kết quả trên 80% HSSV đều đã tìm được vị trí việc làm và được các công ty đồng ý tiếp nhận sau khi tốt nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 8: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 9: *Hàng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.*

Hàng năm nhà trường đều tổ chức các buổi lễ tư vấn việc làm cho HS,SV các khóa chuẩn bị ra trường có mời các công ty về tham dự giúp các em có đầy đủ thông tin về các công ty tuyển dụng để có sự lựa chọn phù hợp. (8.9.01- *Giấy mời các công ty*). Tổ chức đầy đủ các buổi tư vấn việc làm, buổi lễ giao quân theo định kỳ giúp các em tìm kiếm những cơ hội việc làm phù hợp với bản thân. Tuy nhiên trong buổi tư vấn việc làm HS,SV chưa mạnh dạn tham gia các câu hỏi về quyền lợi, chế độ của mình sau khi làm việc. Trong thời gian tới Phòng cùng giáo viên chủ nhiệm sẽ định hướng cho HS,SV tìm hiểu về các chế độ, quyền lợi của các em khi tham gia làm việc tại các công ty. Mỗi năm 02 lần Nhà trường đều phối hợp với các Đơn vị tuyển dụng lao động tổ chức Buổi lễ tư vấn, giới thiệu việc làm và tuyển dụng lao động (8.8.06- *Kế hoạch và hình ảnh các buổi lễ tư vấn, giới thiệu việc làm và tuyển dụng lao động*).

Tuy nhiên việc tổ chức theo quy mô hội chợ việc làm thì trường vẫn chưa thực hiện được.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 8: 0 điểm.

3.2.9. Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quan tiêu chí 9:

*** Mở đầu:**

Trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, hoạt động kiểm tra, giám sát là một chức năng quan trọng trong công tác quản lý. Qua công tác kiểm tra, giám sát, nhà quản lý sẽ hiểu rõ hoạt động của các cấp có phù hợp với các yêu cầu, nhiệm vụ, mục tiêu, kế hoạch của nhà trường hay không. Trên cơ sở đó người quản lý có cơ sở chuẩn xác để điều chỉnh kịp thời các quyết định cho phù hợp mục tiêu và yêu cầu kế hoạch đã đề ra.

Kiểm tra, giám sát hoạt động chuyên môn là khâu đặc biệt quan trọng trong chu trình quản lý, đảm bảo mối liên hệ thường xuyên, kịp thời giúp người quản lý hình thành cơ chế điều chỉnh trong quá trình quản lý nhà trường. Đây là một công cụ quan trọng góp phần tăng cường hiệu lực quản lý trường học nâng cao chất lượng giáo dục, giảng dạy trong nhà trường.

*** Những điểm mạnh:**

Trường thành lập Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, từ khi thành lập đến

nay Phòng đã phối hợp với các Phòng khoa chức năng giám sát, đánh giá chất lượng đào tạo. Hàng năm các đơn vị đều phối hợp xây dựng kế hoạch hoạt động mà nội dung chủ yếu là kiểm tra, giám sát nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo

Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng là đơn vị chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch và nội dung giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo của từng nghề. Việc kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên, định kỳ hoặc đột xuất như: Kiểm tra việc thực hiện giờ lên lớp của giáo viên, kiểm tra hồ sơ giáo án, dự giờ giáo viên... Cuối mỗi tháng đều có báo cáo gửi các Phòng, khoa qua đó để đánh giá những việc đã thực hiện nêu ra những hạn chế để từ đó đề xuất và điều chỉnh kịp thời những tồn tại và đưa ra các biện pháp khắc phục để nhằm nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học trong nhà trường.

**Những tồn tại:* Trong công tác kiểm tra, giám sát Sự phối hợp giữa các phòng chức năng còn chưa đồng bộ, chưa được thường xuyên, còn thiếu sự phối hợp giữa cán bộ và giáo viên.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Hàng kỳ, hàng tháng, Phòng sẽ chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra cụ thể gửi các phòng chức năng liên quan. Đồng thời để việc kiểm tra giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch yêu cầu phòng đào tạo và các khoa xây dựng lịch giảng dạy và thời khóa biểu cụ thể, chi tiết và kịp thời.

Điểm đánh giá tiêu chí 9:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá, chất lượng	
Tiêu chuẩn 1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	1 điểm
Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người	1 điểm
Tiêu chí 3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1 điểm
Tiêu chí 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	1 điểm
Tiêu chuẩn 5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	1 điểm
--	--------

Tiêu chuẩn 1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Hàng năm Nhà trường phối hợp với văn phòng TVET- GIZ Việt Nam tổ chức thu thập ý kiến của tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động là HSSV do Trường đào tạo bằng cách phỏng vấn, gửi bảng hỏi (9.1.01- *Bảng hỏi dành cho doanh nghiệp*) để nắm tình hình việc làm và khả năng làm việc (kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và thái độ) của các học viên sau tốt nghiệp. Thông qua ý kiến đánh giá đó giúp Nhà trường có sự điều chỉnh phương pháp, nâng cao chất lượng đào tạo nghề để phù hợp và có kết quả tốt hơn đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp tuyển dụng.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 9: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

Để không ngừng nâng cao sự hài lòng của CB CNV GV, tâm tư nguyện vọng của người lao động và cũng là để đưa ra những biện pháp, chế tài tạo động lực cho người lao động phát huy năng lực; đề xuất các cấp các ngành điều chỉnh chế độ chính sách phù hợp với từng giai đoạn, hàng năm Phòng tổ chức hành chính được giao nhiệm vụ phối hợp tổ chức Công đoàn khảo sát lấy ý kiến của CB CNV GV, tổng hợp báo cáo và có các đề xuất đưa vào Quy chế chi tiêu nội bộ, kiến nghị đề xuất lên các cấp có thẩm quyền xây dựng chế độ chính sách cho người lao động. Kết quả cho thấy các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động tại trường Cao đẳng Việt-Đức, Nghệ An đều được thực hiện đúng các quy định của Nhà nước, tuy nhiên đa phần giáo viên cho rằng mức lương của Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hiện nay chưa tương xứng so với nhiều lĩnh vực khác. (9.2.01- *Phiếu lấy ý kiến đánh giá và Báo cáo tổng hợp ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 9: 1 điểm.

Tiêu chí 3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.

Hàng năm trường đã xây dựng Phiếu khảo sát nhằm thu thập ý kiến đánh giá của người học về chất lượng đào tạo, phương thức đào tạo, chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường (09.03.0- *Phiếu khảo sát*)

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo, ngoài việc khảo sát đánh giá chất lượng, phương thức đào tạo thì nội dung và phương pháp giảng dạy rất được nhà trường quan tâm. Vì vậy, Nhà trường còn lấy ý kiến của HS,SV về chất lượng giảng dạy của giáo viên (09.03.02- *Phiếu khảo sát chất lượng giảng dạy của giáo viên*)

Nhà trường luôn quan tâm tới chế độ chính sách đối với HS, SV và tình hình việc làm, thu nhập của HS,SV sau khi tốt nghiệp, Nhà trường có phòng Công tác HS,SV làm cầu nối giữa nhà trường với các cơ sở tuyển dụng tìm kiếm việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Hàng năm nhà trường hợp tác với các doanh nghiệp liên tục tổ chức các hội chợ giới thiệu việc làm; mời các doanh nghiệp đến nói chuyện, giới thiệu về cơ hội việc làm HS,SV; phối hợp tổ chức các hoạt động tuyển dụng đối với HS,SV tốt nghiệp. Trong những năm tới nhà trường tiếp tục mở một số chuyên ngành đào tạo mới đáp ứng nhu cầu người học. Đồng thời, trường sẽ tổ chức một lần lấy ý kiến góp ý của các đơn vị, doanh nghiệp và cựu HS,SV về các mặt. Từ đó, nhà trường sẽ tiến hành điều chỉnh bổ sung nội dung chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo, ngành nghề đào tạo để tăng số lượng HS,SV tốt nghiệp có việc làm ngay và phù hợp với ngành nghề được đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 9: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.

Tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng dạy nghề là một hoạt động hàng năm của nhà trường (9.4.01- *Báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp hàng năm*). Qua công tác tự kiểm định chất lượng nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ giáo viên và HS,SV toàn trường về vai trò quan trọng của công tác tự kiểm định chất lượng, tự đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy nghề của trường Cao đẳng theo hệ thống các tiêu chí, tiêu chuẩn do Nhà nước ban hành. Qua đó kêu gọi sự đồng thuận và huy động toàn bộ nguồn lực của nhà trường cùng thực hiện nhằm đáp ứng điều kiện đảm bảo chất lượng dạy nghề.

Qua công tác tự kiểm định chất lượng sẽ xác định được Trường Cao đẳng Việt - Đức có đáp ứng đủ các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy nghề hay không? Đạt ở mức độ nào? Cần phát huy những điểm mạnh và khắc phục những hạn chế nào?... Để đề ra các giải pháp thiết thực nhất thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo, hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn cho phù hợp để xây dựng trường trở thành cơ sở dạy nghề chất lượng cao.

Hàng năm trường phân công cho từng phòng, khoa tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo từng bộ tiêu chí. Qua đó xác định điểm mạnh, điểm yếu của từng bộ phận để có kế hoạch hành động cho từng thời điểm cụ thể nhằm xây dựng Trường trở thành cơ sở dạy nghề chất lượng cao.

Tự đánh giá điểm tiêu chuẩn 4, tiêu chí 9: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.

Trên cơ sở tổng hợp kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá của các Doanh nghiệp, chỉ ra những tồn tại cần phải khắc phục, hoặc cần nâng cao hơn nữa Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch và biện pháp cụ thể để khắc phục. Như gửi các GV đi bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu giảng dạy, tổ chức các lớp bồi dưỡng tin học, ngoại ngữ..., có chính sách khuyến khích CB GV học tập nâng cao trình độ (9.5.01- *Kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho CBGV; Đề án bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ giáo viên*).

Để nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực. Nhà trường đã chú trọng việc đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học. Tổ chức hội thảo về đổi mới phương pháp dạy và học (9.5.02- *Sáng kiến kinh nghiệm hàng năm*); sinh hoạt tổ bộ môn (9.5.03- *Biên bản sinh hoạt tổ chuyên môn*), sinh hoạt giáo viên hàng tháng do ban giám hiệu chủ trì (9.5.04- *Biên bản họp giáo viên hàng tháng*) đề tài NCKH chú trọng việc đổi mới phương pháp dạy và học 9.5.05- *Các đề tài NCKH*);

Tuy nhiên, có nhiều nội dung trong kế hoạch chưa được thực hiện trọn vẹn, đúng tiến độ do nguồn ngân sách hạn hẹp, quỹ thời gian ít.

Từ năm học 2018-2019, Nhà trường tiếp tục thực hiện các biện pháp để không ngừng khắc phục những tồn tại đã được chỉ ra trong báo cáo đánh giá, đặc biệt là chuẩn hóa về ngoại ngữ, tin học theo yêu cầu mới.

Tự đánh giá điểm tiêu chuẩn 5, tiêu chí 9: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

Nhờ có mối quan hệ hợp tác tốt với các công ty, doanh nghiệp và đặc biệt là chất lượng HSSV Nhà trường đào tạo được các doanh nghiệp tuyển dụng đánh giá cao. Trong thời gian học tập các em đã được đến các công ty để thực tập sản xuất do vậy ngay sau khi tốt nghiệp được họ tiếp nhận, bố trí các công việc phù hợp với chuyên môn nghề được đào tạo (9.6.01- *Danh sách các công ty tuyển dụng*). Ngay sau khi tốt nghiệp hơn 80% HS,SV của Nhà trường đã có việc làm phù hợp với nghề đào tạo.(9.6.01- *Báo cáo tỷ lệ HS,SV tốt nghiệp có việc làm*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 9: 1 điểm.

PHẦN III: TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp là một quá trình đánh giá dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Bộ LĐTĐ-XH ban hành trong giai đoạn hiện nay là một hoạt động không thể thiếu được trong hoạt động quản lý Nhà nước về dạy nghề, điều này càng trở nên quan trọng khi Việt Nam tham gia hội nhập kinh tế quốc tế.

Trường Cao đẳng Việt - Đức, Nghệ An xác định công tác tự đánh giá là một nhiệm vụ thường xuyên. Thông qua tự đánh giá chất lượng đã chỉ ra được những tồn tại, bất cập cần phải được khắc phục để không ngừng tự hoàn thiện nâng cao và đảm bảo chất lượng dạy nghề.

Thông qua việc tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2018, báo cáo tự đánh giá chất lượng của Trường đã nêu bật những điểm mạnh của Nhà trường trong giai đoạn 2015 - 2018, đồng thời chỉ ra những tồn tại, hạn chế mà Nhà trường cần tiếp tục khắc phục, sửa đổi. Với tinh thần cầu thị, Nhà trường sẽ lắng nghe, tiếp thu các ý kiến của cán bộ, giảng viên, viên chức, người học, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, các chuyên gia và xã hội nói chung để bổ sung, điều chỉnh các mặt hoạt động của Trường. Đồng thời sẽ nghiêm túc nhìn nhận, phân tích kỹ các tồn tại để đề ra các giải pháp khắc phục nhằm không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo cũng như các hoạt động khác của Nhà trường sớm trở thành một trường trọng điểm quốc gia trong tương lai không xa.

Từ những tồn tại đã được chỉ ra, Nhà trường đề ra kế hoạch nâng cao chất lượng trong những năm tiếp theo:

- Xây dựng các công cụ (biểu mẫu thu thập thông tin) để phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.

- Từ năm học 2018-2019, bên cạnh việc phát huy những kinh nghiệm đã đạt được Trường tiếp tục cử cán bộ đi đào tạo, tập huấn về công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng nhằm góp phần hoàn thiện tốt hơn nữa công tác đảm bảo chất lượng trong trường; đặc biệt quan tâm tiếp tục xây dựng bổ sung hoàn thiện Hệ thống đảm bảo chất lượng (khi có văn bản qui định hướng dẫn của Bộ LĐTĐ và XH).

- Từ năm học 2018-2019 những năm tiếp theo xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện tổ chức các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ và tin học để GV tham dự thi cấp chứng chỉ ngoại ngữ và tin học đạt chuẩn theo qui định mới. Phần đầu đến năm học 2018-2019 có 100% giáo viên đạt chuẩn mới về tin học. Đến năm 2020 đạt chuẩn Ngoại ngữ theo qui định mới.

- Vận dụng các nguồn kinh phí tập trung xây dựng thư viện điện tử, phần đầu đến năm 2020 thư viện điện tử Nhà trường có đầy đủ chức năng; có chính sách khuyến khích cán bộ giáo viên tích cực số hóa làm phong phú nguồn tài liệu, giáo trình giảng dạy, học tập.

- Xây dựng, sửa đổi bổ sung Quy chế nghiên cứu khoa học, Quy chế thi đua khen thưởng, áp dụng nhiều chính sách khuyến khích, động viên cán bộ, giáo viên nghiên cứu khoa học, công bố các bài báo, ấn phẩm trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác liên kết đào tạo, triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường. Trong năm 2019 và những năm tiếp theo tiếp tục xúc tiến việc xin cấp giấy phép tổ chức liên kết đào tạo, trao đổi HS,SV với các tổ chức, các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề Quốc tế.

- Quan tâm phát huy những thế mạnh, tiếp tục chuẩn hóa và phát triển cơ sở vật chất thiết bị, tập trung đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị theo ngành, nghề theo chuẩn, đẩy mạnh xây dựng phòng học đa phương tiện, phòng chuyên môn hóa; hệ thống thiết bị thực tế ảo, thiết bị dạy học thuật và các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và tăng cường công tác tuyên truyền, hướng nghiệp, tư vấn về giáo dục nghề nghiệp. Xây dựng kế hoạch truyền thông chuyên nghiệp, bài bản. Phát huy tối đa hiệu quả website của nhà trường để HSSV cũng như người nhà của người học, các đối tác có thể nắm bắt đầy đủ mọi thông tin về hình ảnh thương hiệu của Nhà trường.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp làm tốt công tác tự kiểm định chất lượng cơ sở GDNN, nâng cao và đảm bảo chất lượng GDNN, Trường Cao đẳng Việt-Đức Nghệ An kính đề xuất và kiến nghị một số nội dung sau:

- Bộ LĐTB-XH cần sớm ban hành thông tư Quy định xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở GDNN xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng.

- Tăng cường mở các lớp tập huấn, đào tạo kiểm định viên cho các cơ sở GDNN, xây dựng ban hành hướng dẫn đánh giá, thu thập minh chứng cho từng tiêu chí.

- Việc các trường dạy nghề liên kết, liên doanh với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đào tạo nguồn nhân lực lao động có tay nghề là yêu cầu thiết yếu và có tính thiết thực để cho người học yên tâm trong suốt quá trình học cũng như tạo công ăn việc làm cho học sinh sinh viên ngay sau khi ra trường. Đây cũng là một trong những nhiệm vụ của các cơ sở dạy nghề. Tuy đã có quy định các Doanh nghiệp có trách nhiệm tham gia vào dạy nghề, nhưng đến nay các doanh nghiệp vẫn chưa thực sự tham gia sâu vào quá trình đào tạo nguồn nhân lực, phần lớn chỉ mới dừng lại ở việc tiếp nhận HSSV đến thực tập theo yêu cầu tiến độ sản xuất, nhân lực lao động, hoặc tuyển dụng lao động theo yêu cầu sản xuất của đơn vị. Do vậy, cần bổ sung qui định rõ ràng, chế tài cụ thể để thu hút doanh nghiệp tham gia nhiều hơn vào đào tạo nhân lực; thể chế hóa trách nhiệm của doanh nghiệp đối với việc phát triển nhân lực.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Hằng